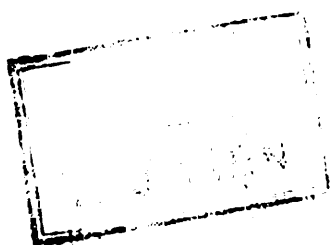


Nghiên cứu

LỊCH SỬ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT,
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU



YẾU MỤC

- ★ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ VÀ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM.
- ★ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ MỞ ĐẦU THẾ TIẾN CÔNG CỦA CÁCH MẠNG ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC THẾ GIỚI.
- ★ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO TINH THẦN CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI.

VIỆN SỬ HỌC

103

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM: TRẦN-HUY-LIỆU
Thư ký tòa soạn: VĂN-TÂN

Số 103

THÁNG 10-1967

Mục lục

TRẦN-HUY-LIỆU — Cách mạng tháng Mười Nga và cách mạng Việt-nam.	1
TRẦN-VĂN-GIÀU — Cách mạng tháng Mười Nga mở đầu thể liên công của cách mạng đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới.	4
LÃ-VĂN-LÔ — Cách mạng Việt-nam với các dân tộc thiểu số theo tinh thần của Cách mạng tháng Mười vĩ đại.	12
PHAN-NGỌC-LIÊN — NGUYỄN-XUÂN-KỶ — Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại và con đường thắng lợi của cách mạng thế giới.	21
★ ★ ★ — Một số tư liệu về Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt-nam.	33
TÔ-MINH-TRUNG — Mấy nét lớn về nền văn hóa miền Nam Việt-nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.	45
NGUYỄN-NGỌC-TUẤN — TRẦN TÂM — Tìm lại thấy bài thơ của vua Lê Thái-lô ở Lai-châu.	55
K.T. — X.B. — Một số tài liệu về Trần-nguyên-Hãn và về dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh	60
TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ	63

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ VÀ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

TRẦN-HUY-LIỆU

Năm nay, Liên-xô và cả thế giới đương chuẩn bị kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười, cuộc cách mạng đã mở một kỷ nguyên mới cho lịch sử nhân loại.

Mọi người đều nhận thấy Cách mạng tháng Mười không phải chỉ nằm trong phạm vi một nước Nga, mà là một cuộc cách mạng có tính chất quốc tế, đánh dấu bước chuyển biến từ thế giới tư bản chủ nghĩa sang thế giới xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng đầu tiên chọc thủng mặt trận đế quốc chủ nghĩa, đem chính quyền về cho giai cấp công nhân. Trước đây, giai cấp công nhân Pháp đã có lần đoạt chính quyền, lập công xã Pa-ri năm 1871, giai cấp công nhân Nga đã nổi dậy chống Nga hoàng, lập xô-viết năm 1905. Nhưng, một thời gian ngắn, trước sức phản công của tư sản và phong kiến, chính quyền công nhân đã không thể đứng được và bị thất bại. Do đó, những nhà lý luận của giai cấp tư sản đã khoe khoang chế độ tư bản chủ nghĩa là không thể dời đổi cũng như chủ nghĩa đế quốc không phải là giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. Thế này, Cách mạng tháng Mười đã làm sụp đổ chính quyền tư sản trên một phần sáu trái đất và dựng nên chính quyền vô sản trong một khu vực bao la từ Âu sang Á trên 171 kinh tuyến.

Cách mạng tháng Mười không chỉ là một cuộc cách mạng về chính trị, kinh tế và xã hội, mà còn là một cuộc cách mạng lý tưởng của giai cấp công nhân, để ra và lớn lên dưới lá cờ của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Từ trước, trong lịch sử cách mạng các nước, cuộc cách mạng dân chủ tư sản nước Pháp năm 1789 đã được coi là một cuộc cách mạng điển hình của giai cấp tư sản, chuyển bước từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa.

Nhưng cuộc đại cách mạng nước Pháp cũng chỉ thay đổi từ một chế độ bóc lột này sang một chế độ bóc lột khác. Trái lại, Cách mạng tháng Mười là một thành công vĩ đại đầu tiên thực hiện lý tưởng mà những người tiền tiến trong giai cấp công nhân đã ấp ủ từ non một trăm năm trước và đã kể tục đấu tranh để mong thực hiện cho kỳ được.

Cách mạng tháng Mười chẳng những làm rung động chủ nghĩa đế quốc ở những nơi trung tâm thống trị của chúng là cảnh quốc, mà còn cả ở sau lưng chúng là các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Sau Cách mạng tháng Mười, mặt trận chống đế quốc chủ nghĩa trên thế giới đã hình thành cái thế « giáp công » : một mặt là giai cấp công nhân ở các nước tư bản, một mặt là các dân tộc nhỏ yếu cùng liên hiệp lại để đánh một kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Giai cấp công nhân đấu tranh làm yếu lực lượng bọn đế quốc ở trong nước chúng, đồng thời làm lay chuyển nền móng của chúng ở thuộc địa và đẩy cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tiến mạnh lên. Đổi lại, các dân tộc bị áp bức làm cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời làm mất chỗ dựa của chúng ở thuộc địa, gây điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân ở chính quốc.

Chính vì Cách mạng tháng Mười vĩ đại có tính chất quốc tế và có một tầm quan trọng như vậy nên kỷ niệm Cách mạng tháng Mười là một ngày hội lớn của các giai cấp cách mạng và nhân dân toàn thế giới.

* * *

Năm mươi năm qua, kể từ Cách mạng tháng Mười, là 50 năm bộ mặt thế giới biến đổi không ngừng, biến đổi nhanh chóng. Liên-xô đương xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa

cộng sản. Phe xã hội chủ nghĩa đã thành một hệ thống. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mỹ la-tinh đang lên mạnh, một số nước đã thoát khỏi ách kìm kẹp của đế quốc chủ nghĩa để trở nên độc lập về chính trị, về kinh tế. Đúng như lời tuyên bố của Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và Đảng công nhân hợp ở Mát-xcơ-va năm 1960, rằng: «*Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới*». Cố nhiên là trên bước đường diễn biến của cách mạng thế giới có nhiều gay go gian khổ, qua những đoạn khúc khuỷu, gập ghềnh, cũng như trong cơn dấy chết của chủ nghĩa tư bản, chúng không phải nằm yên để chờ đợi cuối cùng, chúng còn thu mọi tàn lực để phản công lại một cách tuyệt vọng. Việc đế quốc Mỹ nổi bật lên từ sau đại chiến lần thứ hai, trở thành một nước giàu mạnh nhất trong phe tư bản và là tên sen đầm quốc tế chuyên đàn áp các cuộc cách mạng trên thế giới và những biến cố gần đây ở In-đô-nê-xi-a, ở một vài nước châu Phi, thêm vào đây là những ý kiến bất đồng trong phe xã-hội chủ nghĩa đã làm cho một số người yếu bóng vía đâm ra bi quan, hoài nghi. Không! Con đường đã vạch ra từ Cách mạng tháng Mười là quy luật tất nhiên của lịch sử tiến hóa nhân loại. Không một lực lượng phản động nào có thể đi ngược dòng lịch sử hay cản lại bánh xe lịch sử đang tiến lên.

Riêng về phần nước Việt-nam ta, những thay đổi kỳ diệu từ 50 năm nay, nghĩa là từ Cách mạng tháng Mười đến giờ đều là những việc mà bao nhiêu thế hệ trước đây không thể tưởng tượng nổi. Mới đầu là giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị, nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng ở Việt-nam; sau đó là cuộc Cách mạng tháng Tám, dựng nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, biến một xứ thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập với chính quyền dân chủ nhân dân. Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ đã đi đến kết thúc thắng lợi bằng trận Điện-biên-phủ vang lừng thế giới. Cuộc chiến tranh nhân dân ngày nay đã đánh bại đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh đặc biệt và đang thắng đế quốc Mỹ trong hiệp định của cuộc

chiến tranh cục bộ do chúng gây ra. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc không kinh qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa cũng như vừa làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa làm cách mạng dân tộc dân chủ ở hai miền Bắc Nam đều là những sáng tạo trong việc vận dụng chiến lược của từng thời kỳ, từng bối cảnh lịch sử. Cũng như cách mạng thế giới, cách mạng Việt-nam không phải thuận buồm xuôi gió, một chiều thẳng tiến, mà phải qua những khúc ngoằn ngoèo, quanh co để vượt lên trước. Có điều là, chẳng phải chỉ bây giờ, mà cách đây hơn 30 năm, cao trào đấu tranh 1930 - 31 đã tiến tới đỉnh cao chói của nó là Xô-viết Nghệ - Tĩnh. Dưới làn khủng bố trắng, các chiến sĩ bị giam trong ngục tối vẫn hướng về quê hương của Cách mạng tháng Mười, vẫn tin vào trận thắng cuối cùng mà cuộc Cách mạng tháng Mười đã phát động toàn thế giới.

*
*
*

Tuy vậy, nói đến Cách mạng tháng Mười và cách mạng Việt-nam, nói đến ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng Việt-nam chúng ta phải đánh dấu những nét đặc biệt của nó. Một điều phải nhận thấy trước tiên là: chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng như ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đi vào Việt-nam, hồi đó là một xứ thuộc địa nửa phong kiến, có khác với đường đi nước bước vào các xứ tư bản: sự đối lập giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản đã trở nên gay gắt. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đi vào Việt-nam trong lúc giai cấp công nhân mới hình thành, tổ chức công nhân mới có mầm mống, những cuộc đấu tranh của công nhân còn lẻ tẻ và tự phát, do đó, trào lưu tư tưởng mới này đã phải thông qua phần lớn những người tiểu tư sản trí thức tiến bộ nhất để thâm nhập vào công nhân. Khẩu hiệu vô-sản-hóa lúc bấy giờ vừa có nghĩa là những người tiểu tư sản trí thức tìm đến đồng đảng công nhân, sinh hoạt với công nhân, học tập công nhân, còn có nhiệm vụ là phổ biến những tư tưởng và chủ trương đường lối mới cho công nhân và đưa công nhân vào tổ chức. Đây là quá trình tất nhiên của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đi vào một xứ thuộc địa như nước ta hồi ấy. Nhất định là những «*bệnh áu trĩ*» sẽ không tránh khỏi và cũng nhất định là chủ nghĩa Mác - Lê-nin phải có cơ sở vững chắc trong giai cấp công nhân cùng những người trí thức cách mạng đã đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. Thật không phải ngẫu nhiên của lịch sử mà trước khi Đảng cộng sản Đông-dương thành lập đã xuất hiện những tổ chức tiền bối của nó.

Nếu tư trào Mác — Lê-nin và Cách mạng tháng Mười đi vào Việt-nam đã không giống như vào nhiều nước tư bản khác, thì, những yếu tố thành lập Đảng cộng sản Việt-nam cũng có chỗ khác với những yếu tố cấu thành các Đảng cộng sản ở các nước tư bản. Thật thế, tại các nước tư bản, những yếu tố thông thường đẻ sản sinh ra đảng cộng sản là chủ nghĩa Mác — Lê-nin và phong trào công nhân; nhưng ở một xứ thuộc địa như nước ta hồi ấy, thì, bên hai yếu tố trên, một yếu tố không thể thiếu được và chiếm phần quan trọng hơn hết là phong trào giải phóng dân tộc. Do đó, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản đã đưa cách mạng Việt-nam từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bản luận cương chính trị năm 1930 được uốn nắn, bổ sung bằng những nhận định trong các nghị quyết của các Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, lần thứ bảy, nhất là lần thứ tám là kim chỉ nam rất đúng cho đường lối cách mạng Việt-nam, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám.

* *

Như vậy, có thể nói rằng: ánh sáng của Cách mạng tháng Mười đã rọi khắp năm châu bốn bể, từ những nước tư bản đến các nước thuộc địa,

nửa thuộc địa. Tùy theo thực tiễn cách mạng của mỗi nước, nó có thể nở ra cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hay cuộc cách mạng dân chủ tư sản hay cuộc cách mạng bình dân, nhưng một yếu tố không thể thiếu được là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Quá trình cách mạng Việt-nam từ 50 năm nay là một quá trình mà *khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*, hoàn thành hết nhiệm vụ này đến nhiệm vụ khác. Dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân Việt-nam đã tiếp thu được bài học vô cùng quý báu của Cách mạng tháng Mười và áp dụng nó một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt-nam. Đúng thế, tiếp thu bài học quý báu của Cách mạng tháng Mười chính là áp dụng nó một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt-nam; hay nói cách khác, có áp dụng đường lối Cách mạng tháng Mười một cách sáng tạo vào thực-tiễn cách mạng Việt-nam thì mới là tiếp thu được bài học quý báu của Cách mạng tháng Mười. Cách mạng tháng Mười đi vào Việt-nam, với sự lãnh đạo tài tình của Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam và sự nỗ lực to lớn của nhân dân Việt-nam, đã biểu hiện ra cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, chín năm kháng chiến thắng lợi, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và hiện nay là cuộc chống Mỹ cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.



CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ MỞ ĐẦU THỂ TIẾN CÔNG CỦA CÁCH MẠNG ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC THẾ GIỚI

TRẦN-VĂN-GIÀU

I

Năm 1871, khi Công xã Pa-ri thành lập, thì Mác nhận định rằng đó là giai cấp công nhân và nhân dân lao động thủ đô nước Pháp đẩy lên « công phá thiên đình ». « Công phá thiên đình » có ý nghĩa là làm một nhiệm vụ cách mạng vĩ đại nhất xưa giờ. Nhiệm vụ cách mạng vĩ đại đó là đánh đổ chính quyền tư bản, tụi này vừa áp bức, bóc lột, đàn áp nhân dân Pháp, vừa bó tay đầu hàng quân phiệt Phổ xâm lược; nhiệm vụ cách mạng vĩ đại đó là lập chính quyền đầu tiên trong lịch sử của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Nhưng Công xã Pa-ri được thành lập trong lúc chủ nghĩa tư bản thế giới còn đang trong thời kỳ tiến lên của nó, trong lúc bản thân giai cấp công nhân Pháp chưa có tổ chức mạnh, chưa được giác ngộ cao, chưa lãnh đạo nổi nông dân, còn phong trào công nhân thế giới nói chung lúc bấy giờ thì lại còn thấp hơn là phong trào công nhân Pháp nữa. Bởi vậy cho nên Công xã Pa-ri chỉ tồn tại có hơn 70 ngày: nó chưa có đủ điều kiện để mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử nước Pháp; nó chưa có thể gây nên một cái thế mới cho sự tiến triển của cách mạng vô sản thế giới, mặc dầu rằng, từ biến cố công xã Pa-ri, các vị tôn sư của chủ nghĩa cộng sản khoa học đã rút ra những bài học quý báu nhất dẫn đến sự hoàn thành học thuyết về chuyên chính vô sản.

Năm 1917, cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở Nga: chính quyền Xô-viết công nông binh được thành lập. Sự nghiệp của Công xã Pa-ri được kế tục, được thực hiện trên một trình độ cao hơn gấp bội, mở đầu một thời đại lịch sử mới, thời đại tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, thời đại chủ nghĩa đế quốc sụp đổ và cách mạng vô sản thắng lợi. Từ nay trở đi thì các cuộc khủng hoảng chu kỳ của chủ nghĩa tư bản đều sẽ xảy ra trong những điều kiện và trên cơ sở tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản; và từ nay trở đi thì các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hay cách

mạng dân tộc dân chủ đều nổ ra trong một thế giới tư bản đã bị Cách mạng tháng Mười năm 1917 vĩnh viễn làm tan vỡ tính toàn cầu của nó đi rồi, nói một cách khác đó là những mũi thương lưu huyết bồi thêm vào con đường đã bị mũi thương tháng Mười đâm thẳng vào lồng ngực rồi. Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới bắt đầu với thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trở nên trầm trọng, nan y, với sự thành công rực rỡ của Cách mạng tháng Mười. Một thế mới xuất hiện trên quả đất, thế tiến công của cách mạng vô sản và nhân dân, thế bị động của tư bản.

Lê-nin đã dự đoán một cách thiên tài rằng trong thời đại lịch sử mới này, tuy là chủ nghĩa tư bản vẫn còn có thể mở mang sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, nhưng sự thối nát của nó trở thành hiển nhiên, bất trị, sự sụp đổ của nó là điều không tránh khỏi: cách mạng vô sản và nhân dân có thể thất bại ở xứ này hay ở xứ khác nhưng chắc chắn sẽ nổ ra hết nơi nọ đến nơi kia, càng về sau càng lớn và có đầy đủ khả năng đứng vững lâu dài, vĩnh viễn, dù ban đầu chỉ ở trong một nước (như Liên-xô giữa hai cuộc chiến tranh thế giới) để làm đà, làm tiếng gọi, làm chỗ dựa cho cách mạng nổi lên và thành công ở nhiều nước khác.

Lý luận của Lê-nin rằng chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản dẫy chết, là thời kỳ tột cùng, thời kỳ cuối cùng của chủ nghĩa tư bản, bao hàm cái ý nghĩa rằng chủ nghĩa tư bản lâm vào thế bị động, thế chết, còn cách mạng vô sản, nhân dân thì phải chuyển sang thế công, thế thắng cho đến thắng lợi hoàn toàn.

Lý luận của Lê-nin (đề ra hồi 1915) về khả năng cách mạng thành công trong một nước, về mối quan hệ giữa cách mạng thành công trong một nước với phong trào cách mạng thế giới, lý luận ấy đậm đà một thế tiến công mãnh liệt đối với chủ nghĩa tư bản thế giới. Lê-nin viết:

« Phát triển bất đồng về kinh tế và về chính trị là một quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Do đó, cách mạng có thể thành công lúc đầu trong một số ít nước tư bản, hay là thành công chỉ ở trong một nước tư bản riêng rẽ. Giai cấp vô sản chiến thắng ở trong xứ ấy, sau khi đã tịch thu tài sản bọn tư bản và tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa ở xứ mình, sẽ đứng lên chống lại thế giới tư bản còn lại bằng cách lôi kéo về mình các giai cấp bị áp bức ở những nước khác, bằng cách thúc đẩy họ nổi lên đánh đổ bọn tư bản, và, trong trường hợp cần thiết, cả bằng cách sử dụng lực lượng quân sự chống các giai cấp bóc lột và nhà nước của chúng nó » (Về khẩu hiệu Liên Âu).

Ai đọc kỹ câu văn của Lê-nin đều có thể nhận thấy tư tưởng tiến công, khi phách tiến công, luận điểm cách mạng không ngừng đồng nhịp với tinh thần quốc tế vô sản. Nói làm cách mạng, nhất là nói làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã là nói phải có tư tưởng tiến công, khi phách « đẩy lên công phá thiên đình », bằng không có tư tưởng và khi phách ấy thì đó chỉ là cách mạng ở phòng trà mà thôi. Nói cách mạng có thể thành công trong một số nước hay chỉ trong một nước riêng lẻ, tất nhiên không có ý nghĩa rằng việc nhà ai nấy lo, bếp nhà ai nấy ấm, mà là khẳng định rằng những người cách mạng trong mỗi nước phải tự mình phát huy đến cao độ tinh thần quần chúng tấn công vào thành trì tư bản đế quốc ở nước mình, mà không phải ngóng chờ cách mạng cùng nhịp tiến lên ở các nước lân cận, ngóng chờ như thế chỉ có hại, ngóng chờ như thế là bỏ lỡ cơ hội, là làm mất sáng kiến và nhuệ khí, là đẩy lùi mãi ngày giải phóng vì chẳng mấy khi trong một thế giới phát triển bất đồng về kinh tế và chính trị lại có phát triển đồng đều về mặt đấu tranh cách mạng được. Trái lại, nếu phát huy cao độ tinh thần chủ động tấn công ở từng khu vực thế giới, ở từng nước, nếu đua nhau mà tiến vọt lên chờ không ngóng chờ nhau mà cùng bước, thì điều ấy không phải là phiêu lưu mà là tận dụng thời cơ, lực lượng, đánh vào địch những đòn đau nhất, bất ngờ nhất, phá từng mắt hay từng đoạn của dây xích tư bản chủ nghĩa thế giới.

Lời dạy của Lê-nin năm 1915 rất quý giá. Vì phỏng cách mạng Nga hồi 1917 phải ngóng chờ cách mạng ở Trung Âu và Tây Âu, vì phỏng cách mạng Việt-nam hồi 1945 phải ngóng chờ cách mạng ở Đông Á và Nam Á, thì làm gì có Cách mạng tháng 10 và Cách mạng tháng 8? Và gần đây hơn nữa, vì phỏng cách mạng Cu-ba phải ngóng chờ cách mạng ở Bắc Mỹ và Nam Mỹ thì làm gì có nước Cu-

ba xã hội chủ nghĩa anh dũng ngày nay, chiếc danh thép đóng trong khốe mắt của đế quốc Mỹ? Tất nhiên là khi quyết định phải « đẩy lên chính phục thiên đình » thì, hơn ai hết, những người cộng sản phải biết bình tĩnh đánh giá các điều kiện trong nước và ngoài nước của cách mạng. Song, nếu chúng ta mang cặp mắt kính đen òm, nhận thấy chủ nghĩa tư bản còn ổn định lâu dài, nhận thấy cách mạng còn ở trong thế bị động, không thấy chủ nghĩa tư bản thế giới lâm vào thế bị động vào cuộc tổng khủng hoảng trầm trọng, nhân dân lao động chuyển sang thế tấn công, thế thắng, thì làm sao đánh giá đúng tình hình khách quan được? Người Nga hồi 1917 tuy đã tiên đoán rằng, rồi đây, sau khi nước Đức bại trận, các nước tư bản sẽ xúm lại cử binh sang đánh nước Nga cách mạng, nhưng người Nga cũng cầm chắc rằng công nông binh Nga có chính quyền, nhà máy, ruộng đất, sẽ kháng chiến mạnh như thiên thần, đánh lui quân xâm lược; càng cầm chắc rằng sự thành công của cách mạng Nga sẽ cổ vũ cho giai cấp công nhân Âu châu, cho các dân tộc thuộc địa Á, Phi nổi lên làm cách mạng, dồn được các nước tư bản vào thế thủ, bảo vệ được Cách mạng tháng 10. Người yêu nước Việt-nam hồi 1945 có ý thức sâu sắc rằng Việt-nam xa biên cương Liên-xô hàng vạn dặm, rằng các đế quốc thực dân và bọn Tưởng Giới-Thạch sẽ ra sức phá hoại Cách mạng tháng 8, nhưng đồng thời người yêu nước Việt-nam đứng lên làm tổng khởi nghĩa với lòng tin chắc chắn rằng toàn dân sẽ nhất tề đứng lên bảo vệ độc lập, chống xâm lăng, rằng cách mạng Trung-quốc, Nhật-bản, Đông Nam Á, v.v... sẽ mau chóng phát triển làm cho cách mạng Việt-nam không còn lẻ loi mà được sự ủng hộ cần thiết để đánh bại đế quốc Pháp; hướng chi, cuộc tấn công đại thắng lợi của Hồng quân Liên-xô vào quân Đức ở Trung đông Âu, vào quân Nhật ở Đông Á, đang tạo thêm điều kiện cho sự hình thành của một phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, phe này tất yếu sẽ bênh vực cách mạng Việt-nam một cách kiên quyết và có hiệu lực.

Tinh thần quả cảm, xung phong, tiến công của những người cách mạng hiện đại thực có cơ sở lý luận và điều kiện khách quan, chứ không phải chỉ là sự bột phát nhất thời.

Lời dạy của Lê-nin về mối quan hệ giữa cách mạng thành công trong một nước với phong trào cách mạng thế giới cũng thấm nhuần khi thế tiến công. Cách mạng thành công trong một nước không chủ yếu tìm sự tồn tại lâu dài và phát triển chắc chắn của mình trong sự « làm lành » với thế giới tư bản. « Làm lành » với nó chẳng đáng nào :

thì đó, 14 nước tư bản đã liên minh xâm phạm nước Nga cách mạng từ 1919 đến 1921; Pháp, Mỹ, Anh, Nhật, Tưởng xúm nhau phá cách mạng Việt-nam; Mỹ đã tiến công nước Triều-tiên dân chủ nhân dân và có lần đổ bộ quân lên Cu-ba... Đó là chưa kể những lối phá hoại khác. Chúng làm dữ với cách mạng, thì tại sao cách mạng phải « làm lành » với chúng? Bởi vậy cho nên Lê-nin đề ra một đường lối tràn đầy khí thế cách mạng, khí thế tấn công: xử làm cách mạng thành công rồi phải xem mình là thành tri, là căn cứ của cách mạng thế giới, « đứng lên chống lại thế giới tư bản », phải « thúc đẩy các giai cấp bị áp bức nổi dậy chống bọn tư bản » trong nước họ, và « khi cần thì dùng lực lượng quân sự đánh bại các giai cấp bóc lột và nhà nước của chúng nó », nói một cách khác, khi cần thì không ngần ngại mà dám làm chiến tranh cách mạng. Đó là một tư tưởng chiến lược trọng yếu vào bậc nhất. Nước Liên-xô do Lê-nin sáng lập. Quốc tế Cộng sản do Lê-nin tổ chức đã làm theo tư tưởng chiến lược đó và đã thu được những thắng lợi vĩ đại, tư tưởng này cố nhiên không trái với đường lối ngoại giao mà bản thân Lê-nin gọi là « chung sống hòa bình » giữa các nhà nước có chế độ xã hội khác nhau. Khỏi phải nói rằng chủ nghĩa Lê-nin đòi hỏi người lê-ni-nít phải rất thận trọng, chủ

nghĩa Lê-nin dạy chiến lược mà cũng dạy chiến thuật. Thế tiến công là thuộc về chiến lược; người lê-ni-nít tùy điều kiện lịch sử cụ thể, tùy lực lượng so sánh từng nơi, từng lúc mà tới lui, qua lại. Áp dụng thế tiến công không có ý nghĩa là nhắm mắt cầm đầu xông tới mãi; song mọi sự uyển chuyển chiến thuật của đảng cách mạng trong thời đại tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới sau Cách mạng tháng 10 Nga thành công, nhất là sau khi phe xã hội chủ nghĩa đã hình thành, đều phải đặt ở trong cái thế tấn công toàn cầu và liên tục của cách mạng chống đế quốc, nếu chúng ta đồng ý rằng chủ nghĩa tư bản thế giới đã đi vào tổng khủng hoảng từ dạo chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhất là từ Cách mạng tháng 10 năm 1917, và từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nó đã đi vào giai đoạn thứ hai sâu hơn của cuộc tổng khủng hoảng, tổng khủng hoảng ấy nhất định sẽ kết thúc bằng sự thành công của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, vĩnh viễn bãi bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa. Chế độ người bóc lột người, dân tộc áp bức dân tộc.

Lịch sử thế giới 50 năm sau Cách mạng tháng 10 xác nhận tư tưởng chiến lược của Lê-nin đã trình bày trong tác phẩm « Bàn về khẩu hiệu liên Âu ».

II

Từ khi Cách mạng tháng 10 mở đột phá khẩu, đánh vỡ một khâu trọng yếu trong dây xiềng chủ nghĩa tư bản thế giới cho đến nay, đã 50 năm chẵn. Đối với một đời người, 50 năm là dài. Đối với lịch sử nhân loại, 50 năm chỉ là khoảnh khắc. Trong khoảnh khắc 50 năm đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và đứng vững trong một nước với 200 triệu dân, rồi phát triển thành công trên 13 nước bao gồm 1.000 triệu người; chế độ thuộc địa cũ đang bị phá tan tành bởi cao trào cách mạng dân tộc giải phóng, bọn đế quốc không còn cách nào cứu chữa được. Trong chỉ nửa thế kỷ mà có bấy nhiêu sự biến đổi, sự thành công của cách mạng, thì, nếu không phải đó là thế tấn công dồn dập, liên tiếp, ngày thêm mạnh của lực lượng cách mạng thì là gì? Chủ nghĩa tư bản thế giới rút hẹp địa bàn từ 5 phần 6 còn 2 phần 3, trong 2 phần 3 đó, có nhiều nước, có hàng chục nước dân tộc Á Phi tuyên bố không ưng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa mà muốn phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa, thì đó là gì nếu không phải là thế bị động, thế lui dần, lui mau của đế quốc? Chưa thấy, và sẽ không thể thấy dấu hiệu nào nói lên rằng đế quốc xoay ngược nổi trào lưu. Nhìn bao quát lịch sử thế

giới từ sau Cách mạng tháng 10 đến nay là như vậy. Sự kiện lịch sử trôi chảy theo quy luật ba lần, bốn lần mau hơn là sau cách mạng tư sản Anh hồi thế kỷ 17, lúc bấy giờ chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản ở trong thế tiến công đối với phong kiến.

Điềm lại từng chặng đường của thời gian 50 năm nay, người ta thấy phong trào cách mạng thế giới dĩ nhiên có lúc lên cao, có lúc xuống thấp, có nơi thắng, có nơi thất, song chiều hướng chung là lên và thắng; phong trào diễn biến trong một thời đại mới của nhân loại sử mà Cách mạng tháng 10 khai trương, thời đại cách mạng vô sản.

Trong giai đoạn thứ nhất của cuộc tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa, (từ chiến tranh thế giới thứ nhất và Cách mạng tháng 10 đến trước chiến tranh thế giới thứ hai), thắng lợi cách mạng nổi bật nhất là Liên-xô chẳng những đã đánh bại quân 14 nước tư bản xâm lăng cấu kết với bọn phản động bản xứ, mà còn xây dựng được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn thắng lợi, chứng tỏ trên thực tế tinh hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản, xây dựng được căn cứ cách mạng thế giới một cách vững chắc. Còn về phía cách mạng ở các nước khác trên thế

giới thi giai cấp công nhân nhiều nước tư bản, dân tộc bị áp bức nhiều xứ thuộc địa đã nổi lên đánh mạnh vào thành trì tư bản chủ nghĩa, thực dân chủ nghĩa: nhìn chung, phong trào đó là hầu như liên tục. Những năm đầu tiên từ 1918 đến 1923, sau Cách mạng tháng 10 Nga thắng lợi và sau chiến tranh thế giới kết thúc, là giai đoạn cao trào cách mạng sôi nổi ở phần lớn các nước tư bản quan trọng ở châu Âu và cả châu Á nữa. Quốc tế cộng sản mới ra đời nhận định rằng, lúc đó, nhiệm vụ của giai cấp vô sản là phải lập tức giành lấy chính quyền để thực hiện chuyển chính vô sản. Cao trào này cũng được gọi là « thời kỳ tấn công cách mạng của quần chúng », diễn biến dưới ảnh hưởng tư tưởng vĩ đại của Cách mạng tháng 10, và dưới ảnh hưởng cuộc khủng hoảng thiếu xảy ra từ 1920 đến 1921. Kể những nước, những xứ mà nhân dân đã khởi nghĩa lập chính quyền xô-viết noi theo gương Cách mạng tháng 10 thì có Phần-lan, E-tô-ni, Lê-tô-ni, Li-tu-a-ni, Ba-vi-e, Slô-và-ki, Hung-ga-ri; kể những nước có cao trào đấu tranh lên đến mức bạo động thì có Bun-ga-ri, Ba-lan, Đức, Áo, Pháp, Nhật; còn ở Ý, ở Anh thì xảy ra những cuộc tổng bãi công rất lớn chống can thiệp vũ trang vào Nga, đòi quốc hữu hóa nhà máy, hầm mỏ, công nhân chiếm xưởng, v.v... Cách mạng không thành công hoặc thành công rồi sớm thất bại, hoặc chỉ thành công ở mức lật đổ quân chủ chuyên chính (ở Bé-clan, ở Viên), chủ yếu bởi vì ở các nước vừa kể trên, nhân dân lao động chưa có một đảng cộng sản lãnh đạo vững chắc như ở nước Nga. Dầu sao đi nữa thì không thể chối cãi được rằng từ 1918 đến 1923, ở những nước tư bản quan trọng châu Âu và châu Á, đã nổ ra một đợt tấn công sôi nổi dữ dội của các giai cấp bị bóc lột nhằm bênh vực lợi ích thiết thân của mình, đồng thời ủng hộ Cách mạng tháng 10.

Chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn ổn định tạm thời, cao trào khởi nghĩa và tổng bãi công ở các nước tư bản chuyển sang các hình thái đấu tranh bình thường, nhưng giai đoạn qua đã làm xuất hiện ở các nước tư bản những đảng cộng sản và công nhân tổ chức và hoạt động theo nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin.

Ngay trong khi vách thành tư bản chủ nghĩa ở Âu châu bị giai cấp công nhân ở đó tiến công mãnh liệt sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất thì cũng đã bắt đầu nổi lên một phong trào lớn của các dân tộc châu Á, châu Phi chống đế quốc chủ nghĩa. Bất kỳ một người làm sử nào cũng đều phải công nhận rằng Cách mạng tháng 10 đã ảnh hưởng rất lớn đến phương Đông, vì nó giải quyết triệt để các vấn đề dân tộc ở nước Nga, vì nó làm yếu đế quốc phương Tây, vì bản thân nước

Nga cách mạng trực tiếp kêu gọi các dân tộc bị áp bức đứng dậy. Bất kỳ nhà viết sử nào cũng đều công nhận rằng giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, có ba đợt sóng lớn của phong trào giải phóng dân tộc tấn công vào thành trì thực dân đế quốc. Đợt thứ nhất biểu hiện bằng phong trào « Ngũ tứ » ở Trung-quốc, bằng phong trào đấu tranh giải phóng ở Ấn-độ chống Anh kéo dài hơn bốn năm, bằng cuộc khởi nghĩa của Triều-tiên chống Nhật, bằng chiến tranh giải phóng thắng lợi ở Áp-ga-ni-tăng, bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Thổ-nhĩ-kỳ chống đế quốc can thiệp, bằng cách mạng nhân dân thành công của Mông-cô, bằng hai lần khởi nghĩa của Ai-cập chống Anh và bằng nhiều cuộc vũ trang đấu tranh của nông dân châu Mỹ la-tinh. Đợt tấn công này của các dân tộc chống thực dân và tay sai của chúng là rộng lớn và dữ dội lắm đó chứ! Đợt thứ hai trong thời gian 1925 — 1927: người ta chú ý nhiều nhất đến cuộc cách mạng dân chủ lớn của nhân dân Trung-quốc, cuộc khởi nghĩa rầm rộ ở Nam-dương quần đảo chống Hà-lan, ở Sy-ri, Ma-rốc chống Pháp. Và từ những năm ba mươi thì có cao trào cách mạng ở Việt-nam, nhất là cao trào vũ trang đấu tranh của nông dân Trung-quốc thành lập những khu xô-viết rộng lớn bao gồm gần đến hàng trăm triệu người. Lúc này ở châu Âu thì nổi bật lên hơn hết là cuộc vũ trang đấu tranh của công nông Tây-ban-nha chống phát-xít Fơ-răng-cô. Đó là gì, nếu không phải là những đợt tấn công của nhân dân lao động, của các dân tộc bị áp bức đánh vào thành trì đế quốc, thực dân? Trong giai đoạn thứ nhất của cuộc tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa thế giới, thành trì đế quốc thực dân vẫn còn đứng được, nhưng các cuộc tấn công kia đã làm cho nó rạn nứt, đã góp phần tạo nên một đạo quân cách mạng đứng cầm cờ cơ hội thuận tiện mà tiêu diệt nó.

Tất cả đều xảy ra hoàn toàn đúng với lời nói của Lê-nin: nước làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công « đứng lên chống lại thế giới tư bản còn lại bằng cách lôi kéo về mình các giai cấp bị áp bức ở những nước khác, bằng cách thúc đẩy họ nổi lên đánh đổ bọn tư bản ». Về phần mình thì các giai cấp bị bóc lột, các dân tộc bị áp bức nếu muốn chống lại ách tư bản thực dân thì sớm hay muộn, nhiều hay ít, mà sớm hơn là muộn, nhiều hơn là ít, phải dựa vào thực lực tinh thần và vật chất của Liên-xô. Không lấy gì làm lạ mà thấy rằng suốt thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, các dân tộc bị áp bức Á-Phi, giai cấp công nhân Âu Mỹ, đều đã nêu cao khẩu hiệu « Ủng hộ Liên-xô, thành trì của cách mạng thế giới ».

Trong bài « Bàn về khẩu hiệu Liên-Âu », Lên-in đã đoán trước, xác định rõ rằng trong những trường hợp cấp thiết thì nước cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công phải dám « sử dụng lực lượng quân sự chống các giai cấp bóc lột và nhà nước của chúng nó », nghĩa là dám làm chiến tranh cách mạng khi điều kiện cho phép và thời cuộc đòi hỏi. Việc này Liên-xô và Hồng quân đã làm một cách rất vinh dự trong những năm cuối của giai đoạn chiến tranh thế giới lần thứ hai, hợp sức với nhân dân các nước Trung Âu và Đông Á giải phóng Ba-lan, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Nam-tư, Tiệp khắc, Đông Đức, Áo, Bắc Triều-tiên, Đông bắc Trung-quốc.

Khỏi phải nói rằng từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, sự hình thành của phe xã hội chủ nghĩa, sự thành công vang dội của cách mạng Trung-quốc, sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa là những biểu hiện hết sức

trọng yếu của thể tiến công vũ bão của cách mạng đối với đế quốc; nếu trên từng phần mặt trận trong từng lúc, đế quốc chủ nghĩa do Mỹ cầm đầu thắng được một vài cuộc nào, thì nhìn chung trên cả mặt trận, trong cả giai đoạn thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng chủ nghĩa tư bản, không thể chối cãi rằng đế quốc vẫn đang bị cách mạng áp đảo mạnh mẽ hơn trước, cách mạng vẫn ở trong khi thể tiến công càng liên tục hơn trước, khi thể mà nhân dân thế giới đã bắt đầu giành được từ ngày Cách mạng tháng 10 thắng lợi. Trong cái thể tấn công liên tục ngày nay của cách mạng thế giới, nếu đế quốc tạm đề sập được phong trào quần chúng ở một xứ này, thì phong trào quần chúng ở đôi ba xứ khác lại nổi lên, và một phong trào dân tộc dân chủ bị nhận chìm trong bể máu, như ở In-đô-nê-xi-a chẳng hạn, nhất định sẽ sớm hồi phục và phát triển, chứ không phải trải qua thoái trào lâu dài như hồi sau 1926-27 nữa.

III

Theo sự hiểu biết hạn chế của chúng tôi, những chiến sĩ cộng sản Việt-nam đã nhận thức và áp dụng thể tiến công ấy như thế nào trong lịch sử cách mạng Việt-nam từ mấy mươi năm nay?

Đảng cộng sản Đông-dương mới thành lập từ tháng 2 năm 1930. Như thế là tương đối trẻ so với nhiều nước khác ở phương Đông. Nhưng có điều đáng chú ý là, vừa mới ra đời, Đảng cộng sản thực sự lãnh đạo một cao trào cách mạng rất rộng lớn trong những năm 1930-31, và thực hiện được liên minh giữa công nhân và nông dân; điểm cao nhất của cao trào cách mạng 1930-31 là sự thành lập chính quyền xô-viết ở Nghệ-an và Hà-lĩnh. Cao trào 1930-31 ở Việt-nam không phải diễn ra một cách tự phát rồi người cộng sản chạy theo nó, mà trái lại đó là kết quả của một ý thức cách mạng rõ rệt được phát biểu trong bản « Luận cương chính trị » (1930): trong giai đoạn thứ ba sau chiến tranh thế giới, chu kỳ khủng hoảng và cách mạng mới, cuộc tấn công của quần chúng vào thành trì tư bản đế quốc sẽ càng dữ dội hơn trong giai đoạn thứ nhất, lần này, các đảng cộng sản được bốn-sơ-vích hóa đóng vai trò quyết định trong cao trào. Đảng cộng sản Đông-dương đề ra một cách triệt để các khẩu hiệu cách mạng phản đế và điền địa, khẩu hiệu chính quyền xô-viết công nông, tổ chức hàng chục cuộc bãi công lớn và hàng trăm cuộc biểu tình sôi nổi. Các cuộc đàn áp lưu huyết của thực dân và phong kiến không hề bẹp nổi phong trào. Sở dĩ phong trào sút xuống và yếu đi vào cuối năm 1931 trở về sau,

chủ yếu vì các cơ quan đầu não của cách mạng bị giặc đánh trúng rất nặng.

Trong giai đoạn thoái trào, những người cộng sản Đông-dương không phải hoạt động trong cái khi thể uể oải dần đo từng bước một của kẻ bại trận, mà trái lại, vẫn hoạt động với khi thể của những người bất khuất đã rút được những bài học kinh nghiệm xương máu 1930-31, tin tưởng chắc chắn vào một đợt cao trào cách mạng mới sắp tới cao hơn trước và phải chuẩn bị đầy đủ cho cao trào ấy. Chỉ cần đọc lại « Chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông-dương » phát hành từ cuối năm 1932 thì thấy rõ tinh thần tiến công ấy. Tinh thần tiến công ấy là tinh thần bao trùm, cho nên trong Đảng không thấy nảy sinh xu hướng thủ tiêu, thỏa hiệp, dân tộc chủ nghĩa; cho nên tuyệt đại đa số các đồng chí cộng sản mãi tù hay được thả ra, đều trở lại hoạt động; và cho nên trong giai đoạn được gọi là thoái trào, thực tế không lúc nào không có công nông tranh đấu, lúc nào lòng dân cũng được lửa cách mạng hâm ấm mãi. Đúng như dự đoán, từ 1935, 1936 đến trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, một cao trào đấu tranh của nhân dân lại phát triển nhằm đánh vào phản động thực dân, đòi dân chủ dân sinh, trong cao trào này Đảng của giai cấp công nhân chẳng những giữ được và củng cố quyền lãnh đạo nông dân, mà còn mở rộng quyền lãnh đạo của mình đến tiểu tư sản, nhiều tầng lớp tư sản dân tộc và thân hào thân sĩ.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Khi thế tấn công tràn ngập trong hàng ngũ Đảng cộng sản Đông-dương và các tổ chức quần chúng của mình. Phải nhắc lại rằng từ ngày có người cộng sản trên đất Việt-nam này, thì có sự huấn luyện, tuyên truyền, cổ động rất sâu sắc tư tưởng của Lê-nin về việc biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, thành chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh thần tiến công và tiến công mãnh liệt là tinh thần cơ bản biểu hiện trong các nghị quyết của Trung ương hội nghị lần thứ 6 (1939) lần thứ 7 (1940) và lần thứ 8 (1941): các dân tộc Việt-nam, Lào, Miên nhất quyết phải ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bằng một cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng thành công, đem lại độc lập cho đất nước, dân chủ cho nhân dân. Các cuộc khởi nghĩa Nam-kỳ, Bắc-sơn, Đồ-lương (1940-1941) đều thất bại, quân Nhật vào Đông-dương, chồng thêm một cái ách nữa lên cổ nhân dân Đông-dương, nhưng những người cộng sản xứ này đều nhất trí nhận định rằng các cuộc khởi nghĩa thất bại đó là một cuộc tổng diễn tập để có ngày làm khởi nghĩa cách mạng thành công trên cả nước. Có khi phách tiến công thì mới có lạc quan cách mạng ấy, kiên trì bất khuất ấy, ở một lúc mà không phải cái gì cũng đều tươi sáng như ý muốn. Người cộng sản Việt-nam lấy ý muốn riêng của mình làm thực tế chăng? — Đâu phải như thế! Trái lại, ấy là ý muốn của người cộng sản phù hợp với triển vọng khách quan của tình hình. Lãnh tụ của Đảng cộng sản Liên-xô đã tuyên bố từ năm 1939, và lời tuyên bố đó được những người cộng sản Việt-nam nắm lòng, rằng, nếu chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc với một nước (Liên-xô) làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, thì chiến tranh thế giới lần thứ hai sẽ kết thúc với cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công trong nhiều nước. Bấy giờ, chiến tranh thế giới thứ hai vừa nổ, chưa biết chừng nào kết thúc, nhưng kết thúc như thế nào thì những người mác-xít — lê-nin-nít có thể tiên đoán chắc chắn được. Sự tiên đoán đó góp phần phát huy khi phách tiến công cách mạng của quần chúng, của chiến sĩ đứng trước nạn khói lửa đang bao phủ hoàn cầu, ngay trong lúc ở châu Âu phát-xít Đức thắng lớn, ở Đông Á và Thái-bình-dương quân phiệt Nhật cũng thắng lớn.

Việc phải đến đã đến. Đức, Nhật bại trận. Cách mạng tháng 8 Việt-nam thành công, kết quả tất yếu của quá trình hoạt động 15 năm của Đảng cộng sản, kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh 80 năm của dân tộc. Ngày nay, ngó lại việc 1945 và 1946 (cách mạng và kháng chiến) có người tưởng chừng đâu mọi việc

đều dễ dàng như thuyền xuôi gió xuôi nước. Nhưng nào có phải như thế! Một câu hỏi được đặt ra trước khi quyết nghị tổng khởi nghĩa: Liên-xô ở xa ngàn dặm, quân Tưởng Giới-Thạch, quân Anh, quân Pháp, quân Mỹ sẽ sớm vào chiếm đóng Đông-dương gọi là để giải giáp quân Nhật, thực tế là để tìm cách phá hoại cách mạng Việt-nam; bọn quân phiệt, tư bản, đế quốc đó thù không đội trời chung với một chính quyền do những người cộng sản lãnh đạo. Vậy đảng của giai cấp công nhân nên hay không nên lãnh đạo tổng khởi nghĩa cướp chính quyền, đem chính quyền về tay nhân dân? Chính quyền nhân dân ở một xứ nhỏ, ít dân, kinh tế lạc hậu như Việt-nam làm sao khỏi bị bọn đế quốc quân phiệt liên minh bóp chết? Nếu tính rằng kẻ địch mạnh hơn ta nhiều chục, nhiều trăm lần, sẽ tiêu diệt cuình quyền nhân dân thì còn tổng khởi nghĩa làm gì, kháng chiến làm gì. Chẳng nhớ những cuộc tàn sát dữ dội sau công xã Pa-ri, công xã Quảng-châu đó hay sao? Nhưng quan điểm và khí phách của những người cộng sản Việt-nam, của nhân dân Việt-nam khác hẳn: ta không xem nhẹ nguy cơ can thiệp của đế quốc, nhưng ta tin rằng một khi hàng triệu đồng bào đã đứng lên với khí phách của những người « công phá thiên đình » thì lực lượng nhân dân còn giành cho kẻ xâm lược những đòn mà chúng không thể nào ngờ nổi; người cộng sản Việt-nam tin chắc rằng cách mạng Việt-nam sẽ sớm có tác dụng góp phần thúc đẩy một cao trào đấu tranh dân tộc giải phóng nhiều lần mạnh mẽ và hữu hiệu hơn là sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cao trào này sẽ chia sẻ lực lượng thực dân vốn đã bị suy yếu; người cộng sản Việt-nam cũng tin chắc rằng cách mạng Trung-quốc có thể sớm thành công, nối liền Việt-nam dân chủ cộng hòa với thế giới xã hội chủ nghĩa mà trung tâm là Liên-xô. Chúng ta đã tổng khởi nghĩa và kháng chiến với tinh thần và khí phách tiến công ấy. Không phải rằng bấy giờ ta thắng lợi rồi, ta mới gán cho ta cái tinh thần và khí phách mà lúc ấy chúng ta không có. Những người tham gia tổng khởi nghĩa và kháng chiến số đông hãy còn, vẫn kiên Đảng và chính phủ đầy đủ, tất cả đều nói lên rằng ngay trong những lúc Việt-nam tựa như một hòn đảo anh dũng trong biển cả thực dân, người Việt-nam chưa hề có ý nghĩ đấu tranh một cách tuyệt vọng, chưa hề mất tin tưởng, trái lại lúc nào hy vọng toàn thắng vẫn tràn đầy lòng chiến sĩ và cán bộ Việt-nam. Thực tế lịch sử diễn ra như dự đoán; cách mạng Việt-nam thành công đã nhân lên gấp bội tinh thần chiến đấu của nhân dân; kháng chiến Việt-nam kéo dài làm cho thực dân Pháp đã

mất máu càng thêm liệt bại; phong trào công nhân Pháp phản đối chiến tranh bắt đầu ở Đông-dương thêm sôi nổi; các dân tộc thuộc địa càng tin rằng có thể chiến thắng được, nên lục tục nổi lên cầm vũ khí; hừng hực khí thế tấn công liên tục, Giải phóng quân Trung-quốc Nam hạ, không ngừng lại ở Hoàng-hà, cũng không ngừng lại ở Trường-giang, không sợ Mỹ Anh có thể trực tiếp can thiệp; cách mạng Trung-quốc thành công trên cả nước; hòn đảo Việt-nam anh dũng gắn liền với cả phe xã hội chủ nghĩa hùng cường. Kẻ thất vọng, tuyệt vọng là đế quốc thực dân chứ không phải quần chúng yêu nước; kẻ bị dồn vào thế bị động là bọn xâm lược, chứ không phải là lực lượng kháng chiến.

Cách mạng tháng 10 Nga, sự hình thành của phe xã hội chủ nghĩa đã cung cấp cho ta, vũ trang cho ta cái khí thế tấn công mãnh liệt, khiến ta không sợ địch, khiến địch phải sợ ta; người cách mạng nhất thiết phải thấm nhuần khí thế ấy thì mới có xác định chiến lược đúng, mới có khí phách cách mạng cao, mới vượt qua mọi trở ngại, đưa cách mạng đến thành công.

Đế quốc Mỹ ngày nay do lường sức mạnh chỉ bằng số dân, số lính, số súng, số nhà máy; cho nên, ở Việt-nam, chúng đã thua to.

Đương đầu với đế quốc mạnh nhất thế giới, chống với kẻ xâm lược to lớn và tàn bạo nhất cổ kim, nhân dân Việt-nam xây dựng lực lượng trên thế tiến công, thế thắng của cách mạng thế giới, tuyệt đối tin tưởng rằng trong thời đại ngày nay, thời đại tổng khủng hoảng sâu sắc của chủ nghĩa tư bản, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc, thời đại thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, mình có đầy đủ khả năng đánh bại đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước... Nghe nói người Việt-nam ghét Mỹ, chưa nghe nói người Việt-nam sợ Mỹ. Ý thức đó không phải vì «điếc không sợ súng» mà vì nhận chân được triển vọng của thời cuộc, vì đánh giá đúng lực lượng có hạn của kẻ thù và cũng đánh giá đúng khả năng vô tận của quần chúng cách mạng trong thời đại chúng ta đang sống.

Ở miền Nam Việt-nam, trong lúc chế độ độc tài cá nhân gia đình trị của Diệm, đàn áp nhân dân một cách cực kỳ dã man, bắt giết hàng chục vạn, tiêu diệt hầu hết các tổ chức đối lập, không chịu thi hành các điều khoản chính trị của hiệp nghị Giơ-ne-vơ, lại hô hào «lấp sông Bến-hải», thì những người mác-xít Việt-nam vì đứng trên thế tiến công cách mạng nên mới nhận định được rằng chỗ mạnh của địch là tạm thời và mỏng manh, chỗ yếu của

nó mới là căn bản và lâu dài. Bởi vậy cho nên những người mác-xít không chạy dài mà quyết trụ bám nhân dân mặc dầu bị khủng bố dữ dội nhất, còn quần chúng thì không nằm im chịu đựng mà kiên trì đấu tranh chính trị, kinh tế, mặc dầu địch thi hành luật phát-xít 10-59 lê máy chém từ tỉnh này sang tỉnh khác, các hành động diệt tề trừ gian ngày càng nhiều, và đến đầu năm 1960 thì liên tiếp nổ ra các đợt đồng khởi ở khắp đồng bằng sông Cửu-long và rừng núi Tây-nguyên làm tan vỡ từng mảng lớn chính quyền Mỹ Diệm ở cơ sở, cách mạng miền Nam bước vào một giai đoạn mới, các nguy quyền liên tiếp sụp đổ, nguy quân rã rời, phần lớn các ấp chiến lược bị phá tan tành, các đại tướng sừng sỏ của Mỹ từ Hắc-kin đến Tay-lo đều bị đẩy về vườn, chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của chúng thất bại nặng.

Nhằm cứu nguy cho tay sai đang chết tới nơi trước sức tiến công của cách mạng, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa hàng chục vạn quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt-nam và tiến công phá hoại miền Bắc bằng máy bay. Chiến tranh chuyển sang giai đoạn cục bộ. Trước tình thế đó, nhân dân miền Nam vẫn kiên quyết chiến đấu để bảo toàn độc lập, tự do. Một lần nữa, *nhờ đứng trên thế tiến công cách mạng* mà chúng ta đánh giá đúng tình hình, nhận thấy rõ sức tàn bạo vô biên của tên đế quốc lớn nhất thế giới, nhưng càng thấy rõ hơn nữa chỗ yếu căn bản của nó về chính trị, cái lúng túng bị động của nó về chiến lược, cái bế tắc của nó về chiến thuật, sự cô lập cao độ của nó trên trường quốc tế, những rắc rối nội bộ nước Mỹ mà cuộc chiến tranh bắt đầu kéo dài sẽ gây ra. Miền Nam Việt-nam tuy bé nhỏ nhưng có chính nghĩa sáng ngời, đang ở thế chủ động tiến công, có chiến tranh nhân dân phát triển, có miền Bắc ruột thịt, có hậu phương xã hội chủ nghĩa hùng cường, được thế giới đồng tình, cho nên Việt-nam nhỏ bé có đầy đủ khả năng chiến thắng đế quốc Mỹ to lớn. Có nhận định căn bản ấy mới xây dựng được cho lãnh đạo, cho cán bộ, cho binh sĩ, cho nhân dân *một tinh thần quyết chiến quyết thắng thật cao*; thiếu tinh thần này, hay tinh thần này mà chưa thấm vào lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ và quần chúng thì không đánh được địch, cũng không chịu nổi sức đánh phá cực kỳ ác liệt của Mỹ và chư hầu. Trái lại, nếu có khi thế tiến công cách mạng, nếu được trang bị bằng tinh thần quyết chiến quyết thắng, thì máy bay B 52, đại bác bầy có thể đốt trụi rừng, phá sập núi, triệt hạ hàng trăm thôn xã, nhưng không sao làm sứt mẻ nổi can trường của người dân yêu nước Việt-nam. Tinh thần quyết chiến quyết thắng, tư

tướng tiến công liên tục biểu lộ ở khắp các nơi, đặc biệt là biểu lộ ở những chỗ sau đây: cán bộ các cấp đều đứng vững trên lập trường triệt để cách mạng, *dám đánh Mỹ, tin chắc sẽ thắng Mỹ*, không khinh địch mà không chút rút rè, dựa hẳn vào dân, *bám sát quần chúng*, lãnh đạo đồng bào đấu tranh, không hề bị địch đánh bật khỏi quần chúng trong bất kỳ trường hợp nào; quần chúng thì *bám đất giữ làng*, kiên trì chống địch can quét bình định bằng phương châm đấu tranh ba mũi giáp công của mình; các lực lượng vũ trang, chủ lực, địa phương, du kích, *bám sát địch*, tìm địch mà tiêu hao, tiêu diệt chúng, tạo thành một cao trào toàn miền toàn quốc thi đua trở thành dũng sĩ diệt Mỹ. Thực hiện *ba bám* như vậy là tạo ra và phát triển một thế tiến công liên tục ở khắp nơi, ở bên trong và bên ngoài, ở phía trước và phía sau, làm cho địch tuy đông mà hóa ít, tuy cơ giới mà hóa ra chậm chạp, tinh thần căng thẳng sa sút đến cực độ, dễ bị đánh bại thảm hại.

Thế tiến công cũng có thể và cần phải được áp dụng ở cả trong những tình thế ta đã bị địch dồn ép dữ dội ở một địa phương nhất định. Ở đó, cán bộ và quần chúng cần nhận thức đúng rằng cục bộ mình đang bị thất lợi song toàn cục thì quân và dân ta ở thế tiến công, thế chiến thắng, thế đứng trên đầu thù. Có những vùng ở miền Nam, hề có 3, 4 người dân, kể nam phụ lão ấu, đã có một linh Mỹ và chur hầu rồi. Vậy mà nhân dân yêu nước vẫn giữ nổi thế tiến công liên tục của cách mạng bằng cách kịp thời chuyển hướng phương thức và đấu tranh, không phải chuyển từ đấu

tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị đơn thuần, không phải hạ yêu cầu, không phải tạm rút lui, mà là tạo điều kiện để tiếp tục đấu tranh quân sự và chính trị có hiệu quả nhất. Do đó mà nảy sinh những «vòng đai diệt Mỹ» nổi tiếng quanh các cứ điểm và các chốt đóng quân, do đó mà hình thành các «khu giải phóng lõm», hình thành «vùng địch đóng quân mà nhân dân vẫn làm chủ».

Thậm chí, thế tiến công còn có thể và đã thực sự được áp dụng bởi những cán bộ, chiến sĩ, và đồng bào bị địch bắt, tra tấn, đem giết. Điển hình của khi thế kỷ diệu đó là việc người thợ điện Sài-gòn trẻ tuổi, anh Nguyễn-văn-Trỗi, khi bị đem ra hành hình, đã dùng 9 phút cuối cùng của đời anh đề tấn công Mỹ, nguy một cách dữ dội và thành công trước mặt hàng chục nhà báo, nhiều linh nguy và tù nhân, một cuộc tiến công có ảnh hưởng vang dội trong nước và ngoài nước, có sức hạ uy thế Mỹ, nguy, nâng cao uy thế của cách mạng. Điển hình của khi thế kỷ diệu đó còn là việc người chiến sĩ nông dân Đồng-tháp-mười, anh Nguyễn-văn-Bé đi vận tải mìn, rủi bị sa vào tay giặc, đã dùng phút cuối cùng của đời mình làm nổ cả đồng mìn, diệt hàng chục Mỹ nguy, hàng chục xe cơ giới địch, giết luôn một lúc ba danh hiệu dũng sĩ ngay trong khi chết.

Tinh thần tiến công, liên tục tiến công là tinh thần cơ bản của cách mạng giải phóng trong thời đại chúng ta. Thế tiến công là một lợi khí lớn của người cách mạng.

* * *

Đòn nhỏ bầy được gỗ lớn là nhờ có thế.

Thế là một yếu tố lớn trong mọi tính toán chiến lược xưa cũng như nay. Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 thành công tạo ra cho nhân dân thế giới một cái thế tiến công thuận lợi trong lúc chủ nghĩa tư bản lâm vào tổng khủng hoảng, 50 năm sau Cách mạng tháng 10, tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản càng sâu sắc hơn lúc nào hết, và thế tiến công của cách mạng càng lớn lao hơn lúc nào hết. Ngày nay cả thế lẫn lực đều thuộc về ta, thuộc về cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ. Chính vì vậy mà từ cách mạng và kháng chiến Việt-nam, từ sự kiện lịch sử cụ thể đương diễn ra trên các lực địa, chúng ta

đã rút ra cái quy luật rằng: trong thời đại ngày nay, một dân tộc dù nhỏ vẫn có thể chiến thắng một đế quốc xâm lược lớn khi có toàn dân đoàn kết, có ý chí đấu tranh mạnh mẽ và được sự lãnh đạo vững chắc theo một đường lối cách mạng đúng đắn. Trước kia trong thời kỳ trước Cách mạng tháng 10, trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản còn đang lên, không thể có quy luật này được. Nhưng, hiện tại và tương lai, tác động của nó sẽ ngày càng phổ biến, Nhận thức như vậy hoàn toàn không có gì là «tả» khuynh, phiêu lưu, mà là biết mình, biết người, là quyết chiến, quyết thắng.

1-5-1967

CÁCH MẠNG VIỆT-NAM VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO TINH THẦN CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

LÃ-VĂN-LÒ

Cách mạng tháng 10 như « một tiếng sấm đã làm cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc châu Á tỉnh dậy khỏi giấc ngủ hàng thế kỷ nay. Cách mạng tháng 10 đã mở ra cho các dân tộc bị áp bức thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc » (Hồ-chí-Minh).

Thực vậy, Cách mạng tháng 10 là một ngọn đèn pha sáng chói, chỉ đường cho các dân tộc bị áp bức đề giải phóng mình khỏi những xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, tiến lên xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Cách mạng tháng 10 chỉ cho các dân tộc bị áp bức thấy rằng chỉ có xóa bỏ được áp bức giai cấp mới xóa bỏ được áp bức dân tộc. Nói một cách khác là phải làm cách mạng vô sản, xóa bỏ giai cấp tư sản và các giai cấp bóc lột khác, thành lập chính quyền cách mạng, thì mới xóa bỏ được vĩnh viễn áp bức dân tộc. Cho nên các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc phải dựa vào phong trào cách mạng của giai cấp vô sản, đi với giai cấp vô sản, chịu sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, thì mới có thể giải phóng mình khỏi chế độ thực dân thống trị, vì giai cấp vô sản đấu tranh để xóa bỏ áp bức giai cấp đồng thời cũng tức là xóa bỏ áp bức dân tộc.

Mặt khác, Cách mạng tháng 10 chỉ cho giai cấp vô sản thấy rằng cách mạng vô sản không thể thắng lợi được nếu không liên minh được với phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Thực vậy, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc bao gồm hàng trăm triệu nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, nghĩa là những lực lượng vô cùng to lớn. Nếu không tranh thủ được những lực lượng hậu bị to lớn ấy thì không thể nào đánh đổ được giai cấp tư sản, hoàn thành sự nghiệp cách mạng vô sản được.

Cách mạng tháng 10 không những thừa nhận quyền bình đẳng dân tộc mà còn đề ra những biện pháp tích cực nhằm xóa bỏ sự chênh-

lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc do lịch sử để lại, làm cho các dân tộc chậm tiến tiến kịp các dân tộc tiên tiến, bảo đảm cho tất cả các dân tộc thực hiện được đầy đủ quyền bình đẳng do cách mạng mang lại. Dưới chính quyền xô-viết, nhiều dân tộc thiểu số ở Nga trước Cách mạng tháng 10 sống về du canh, du mục, trong cảnh nghèo nàn, đói rách, nạn hữu sinh vô dưỡng trầm trọng, nạn mù chữ lên tới 100%, mê tin dị đoan nặng, nhiều dân tộc bị nguy cơ diệt vong đe dọa, nay đã có một nền công nông nghiệp hiện đại, một nền văn hóa khoa học kỹ thuật tiên tiến, đang tích cực xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Thắng lợi của Cách mạng tháng 10 và việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, Trung-quốc và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa làm cho các dân tộc bị áp bức tin tưởng vững chắc rằng một dân tộc dù nhỏ, nhưng đoàn kết nhất trí, có quyết tâm chiến đấu giành độc lập dân tộc, có Đảng vô sản lãnh đạo, thì dân tộc đó có thể chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược; các dân tộc chậm phát triển về kinh tế và văn hóa mà bọn đế quốc thường gọi là những « dân không văn minh », những « chủng tộc hạ đẳng », một khi được giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột, có lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin dẫn đường, được các dân tộc anh em giúp đỡ, thì họ có thể vươn lên những đỉnh văn hóa cao nhất của loài người. Do đó, Cách mạng tháng 10 có tác dụng động viên, cổ vũ rất lớn đối với các dân tộc bị áp bức, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Ở Việt-nam, vấn đề dân tộc lại càng có tầm quan trọng đặc biệt. Nước ta là một nước có nhiều dân tộc. Dân số cả nước có khoảng 30 triệu người. Người Việt tức Kinh chiếm khoảng 87% dân số, chủ yếu tập trung ở các

đồng bằng và thị trấn. Các dân tộc thiểu số có khoảng 4 triệu người, 13% dân số, thuộc trên 60 thành phần dân tộc khác nhau, sống rải rác khắp các miền rừng núi, từ bắc chí nam, dọc biên giới Việt-Trung, Việt - Lào và Việt - Căm-pu-chia, một bộ phận ở đồng bằng Nam-bộ, chiếm một diện tích rộng bằng 3/4 đất đai cả nước. Các vùng dân tộc thiểu số giữ một vị trí hết sức quan trọng về kinh tế và quốc phòng, vì là vùng có nhiều lâm, khoáng sản, có nhiều khả năng để phát triển trồng trọt và chăn nuôi, kiến thiết nền công nông nghiệp hiện đại, bổ sung cho nền kinh tế miền xuôi, lại là vùng biên cương, núi non hiểm trở, nơi mà ta thường dùng làm căn cứ địa để chống kẻ thù xâm lược trải qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời cũng là nơi địch dễ xâm nhập vào để tấn công ta hoặc phá rối hậu phương ta.

Trong quá trình lịch sử lâu dài, người Việt là dân tộc chủ thể đã tập hợp, đoàn kết các dân tộc trong nước chiến thắng các cuộc xâm lăng xảy ra liên tiếp trong nhiều thế kỷ, cùng nhau bảo vệ, xây dựng và thống nhất đất nước từ Bắc chí Nam. Khối đoàn kết thống nhất dân tộc ngày càng được củng cố đi đôi với việc hình thành quốc gia Việt-nam, trải qua bao nhiêu cuộc thử thách chống kẻ thù xâm lược, từ cuộc khởi nghĩa của hai nữ anh hùng dân tộc Trưng Trắc, Trưng Nhị, chống ách đô hộ của nhà Hán trong những năm 40 đầu công nguyên; cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn chống ách đô hộ của nhà Lương, thế kỷ thứ VI; cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng, chống nền thống trị của nhà Đường, thế kỷ thứ VIII; cuộc kháng chiến của triều Lý chống quân xâm lược nhà Tống, thế kỷ thứ XI, của triều Trần, chống quân xâm lược Mông-cổ, thế kỷ thứ XIII, của Lê Lợi chống quân xâm lược nhà Minh, thế kỷ thứ XV, cho đến cuộc xuất quân ra bắc của Nguyễn Huệ, đánh tan mấy chục vạn quân xâm lược Mãn Thanh, cuối thế kỷ thứ XVIII.

Nhưng cuối thế kỷ thứ XIX, do thái độ ương hèn và chính sách phân dân tộc của bọn vua tôi triều Nguyễn, nhân dân ta bị mất nước và sống lầm than dưới ách thống trị của bọn thực dân Pháp trong ngót một thế kỷ. Đế quốc Pháp đã biến bọn vua quan triều Nguyễn thành bộ máy bù nhìn tay sai của chúng để tha hồ vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, làm giàu cho bọn tư bản độc quyền và bọn quan lại thực dân. Thâm độc nhất là chính sách chia để trị cổ truyền của chúng nhằm dùng người Việt-nam trị người Việt-nam, gây chia rẽ, ngờ vực, thù hằn giữa các dân tộc và trong nội bộ dân tộc.

Thực dân Pháp là tên cáo già có nhiều âm mưu giảo quyệt trong vấn đề này. Chúng đã chia đất nước chúng ta thành ba kỳ là Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ, mỗi kỳ có một chế độ chính trị và pháp luật khác nhau, và chia nhân dân ta thành « dân bảo hộ của Pháp », (protégés français), « dân phụ thuộc Pháp », (sujets français), một số ít « dân vào làng Tây » (naturalisés français) được coi như công dân Pháp (citoyens français) để có sự phân biệt đối xử.

Ở vùng dân tộc thiểu số, bọn thống trị thực dân cố duy trì những phong tục tập quán lạc hậu, những tàn tích của chế độ gia trưởng phụ quyền, chế độ nông nô thời trung cổ, như chế độ tù trưởng ở Tây-nguyên và dọc Trường-sơn, chế độ thổ ty ở vùng Tây, Nùng, chế độ phía tạo ở vùng Thái, chế độ lang đạo ở vùng Mường v.v... Thậm chí ở một số nơi như vùng Lào-cai, Hà-giang, chúng còn tạo ra một loại thổ ty mới trong các dân tộc Tây, Nùng, Giáy, Mèo vừa bóc lột theo kiểu bọn lãnh chúa thời trung cổ, vừa độc quyền buôn muối, thu mua thuốc phiện để bán cho chính quyền thực dân. Chúng chủ yếu dựa vào một số ít tầng lớp trên các dân tộc đông người để thống trị các dân tộc ít người, dùng binh lính người dân tộc này đi trấn áp nhân dân các dân tộc khác. Cũng như mọi bọn thống trị khác, thực dân Pháp sợ những tư tưởng tiến bộ như củ vọ sợ ánh sáng. Nhất là chúng sợ những tư tưởng đó xâm nhập vào vùng dân tộc thiểu số sẽ làm nguy hại cho nền thống trị của chúng. Cho nên, một mặt, chúng tìm cách hạn chế người miền xuôi lên làm ăn ở miền ngược, như hạn chế người Việt đi vào Tây-nguyên, mặt khác, không những chúng không chú ý mở mang văn hóa giáo dục ở miền núi, mà còn khuyến khích những tệ nạn xã hội, nhất là cờ bạc, thuốc sai. Ở các tỉnh miền núi, chúng cho mở công khai sòng bạc, tự do trồng thuốc phiện, miễn là chúng thu được nhiều thuế, thuốc phiện thu hoạch được phải bán cho chúng. Việc cố đìm các dân tộc thiểu số trong tình trạng lạc hậu về kinh tế và văn hóa nằm trong âm mưu lâu dài của bọn thực dân, dùng miền lạc hậu để khống chế miền tiên tiến, lợi dụng trình độ thấp kém, mê tin dị đoan của nhân dân miền núi để lung lạc, mê hoặc, chia rẽ, nhằm ngăn cản phong trào cách mạng lan lên miền ngược và phá hoại phong trào cách mạng ở miền xuôi. Nếu như ở miền xuôi, bọn thực dân cấm ngặt việc dùng súng ống, thì ở miền ngược, chúng cho phép nhân dân tự do dùng súng kíp, súng hỏa mai, cấp phát súng trận cho dân binh không thoát ly sản xuất, tức là các đội

linh đồng tổ chức ra nhằm giúp chúng lực soát, phá hoại cơ sở cách mạng, vì chúng biết trước rằng miền núi rộng bao la, có đường giao thông liên lạc với nước ngoài, dễ tạo điều kiện cho các chiến sĩ cách mạng hoạt động đánh đổ ách thống trị của chúng.

Nói tóm lại, trong ngót một thế kỷ, thực dân Pháp đã ra sức phá hoại khối đoàn kết thống nhất dân tộc của chúng ta, gây chia rẽ ngò vực, thù hằn giữa nhân dân các miền Bắc, Trung, Nam, giữa người miền núi với người miền xuôi, giữa các dân tộc miền núi với nhau để hòng duy trì lâu dài nền thống trị của chúng. Chính sách áp bức, bóc lột tàn cùng hóa nhân dân, ngu dân của chúng, đã kìm hãm nghiêm trọng sự phát triển của xã hội Việt-nam, gây nên tình trạng phát triển chênh lệch giữa miền ngược và miền xuôi, giữa vùng cao và vùng thấp. Đặc biệt xã hội các dân tộc thiểu số nói chung chậm phát triển hơn lại càng bị kìm hãm nặng nề. Nhiều vùng bị nạn đói lưu niên đe dọa, nạn mù chữ lên tới 100%. Nhiều bộ phận người Dao, Xá ở miền Bắc, Ra-đê, Ba-nar ở miền Nam, dân số ngày một sút đi, có nguy cơ đi đến diệt vong, do bị ốm đau, bệnh tật nhiều, không có thuốc men cứu chữa, nạn hữu sinh vô dưỡng trầm trọng.

Dưới ánh sáng của Cách mạng tháng 10, Đảng ta, từ khi mới thành lập, đã nhận thức đầy đủ nguyên nhân sự thống khổ của nhân dân ta, của sự chia rẽ dân tộc là chế độ áp bức dân tộc, áp bức giai cấp, cụ thể là chế độ thực dân, chế độ phong kiến. Chỉ có giải phóng các dân tộc khỏi chế độ thực dân và nửa phong kiến thì mới xóa bỏ được tận gốc tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, những thành kiến, kỳ thị dân tộc do lịch sử để lại, xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc, quan hệ đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc. Đảng ta đã dành một vị trí hết sức quan trọng cho vấn đề dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đúng đắn của Đảng ta «đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng và tương trợ» đã động viên đoàn kết được tất cả các dân tộc làm Cách mạng tháng 8 thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thắng lợi, hoàn toàn xóa bỏ chế độ thực dân và nửa phong kiến trên phạm vi một nửa đất nước.

Ngày nay, trên toàn miền Bắc hoàn toàn giải phóng, các dân tộc đa số cũng như thiểu số đang cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhưng mỗi dân tộc đều có những đặc điểm

lịch sử riêng của mình. Đảng ta đã căn cứ vào những đặc điểm lịch sử riêng của từng dân tộc để đề ra chính sách và những biện pháp cụ thể để đưa các dân tộc cùng tiến lên, «làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao và vùng biên giới tiến kịp vùng nội địa, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc kinh, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và năng lực to lớn của mình cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội» (1).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và xã hội chủ nghĩa, nhân dân các dân tộc thiểu số anh em đã đạt được những thành tích to lớn về mọi mặt.

Về chính trị

Qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, nhất là qua nhiều cuộc vận động chính trị lớn như vận động thành lập khu tự trị, vận động tiểu phỉ trừ gian, vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi, vận động kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ý thức giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc đã được nâng cao, khối đoàn kết thống nhất dân tộc ngày càng được củng cố. Những mâu thuẫn, thành kiến dân tộc do đế quốc và bọn phong kiến tay sai gây nên từ ngót 100 năm nay như mâu thuẫn và thành kiến giữa người Tày và người Nùng, giữa người Thái và người Xá, Mèo, giữa người Mèo và người Lô-lô, giữa người Thái trắng Lai-châu và người Thái đen Sơn-la, giữa các dân tộc thiểu số với người Việt (tức Kinh) căn bản đã được giải quyết. Những khinh rẻ, cách biệt dân tộc giữa đồng bào vùng thấp và vùng cao hầu như không còn nữa. Trái lại, đã có sự giúp đỡ lẫn nhau tận tình, như giúp nhau phương tiện làm ăn sản xuất giữa người Tày, Nùng, Thái và người Dao trong các cuộc vận động đồng bào vùng cao xuống làm ăn định canh ở vùng thấp. Đồng bào miền ngược và miền xuôi ngày càng sống chan hòa vào nhau trong các nông lâm trường, hợp tác xã, xí nghiệp, cùng nhau trao đổi giúp đỡ nhau những kinh nghiệm sản xuất và chiến đấu. Trên cơ sở nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, đã nảy sinh một quan hệ mới, quan hệ bình đẳng, đoàn kết tương thân, tương trợ giữa các dân tộc, trong đại gia đình Việt-nam. Chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng đã tranh thủ được đại bộ phận tầng lớp trên các dân tộc đi theo cách mạng

(1) Lê Duẩn. — « Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III ».

chống đế quốc, cải tạo họ thành những người lao động, cán bộ của Nhà nước, trừ một số nhỏ cam tâm làm tay sai cho đế quốc phản nước hại dân. Rõ ràng chính sách đó đã thu được những thành công vĩ đại. Nó phá tan được tất cả những âm mưu thâm độc và quỷ quyết của bọn đế quốc xâm lược nhằm chia rẽ để thống trị lâu dài nhân dân ta, như âm mưu lập các xứ Tây kỳ, Thái, Nùng, Mường tự trị giả hiệu, các tiểu đoàn nguy quân người dân tộc thiểu số, để phá hoại phong trào cách mạng, lung lạc hàng ngũ kháng chiến. Bọn đế quốc còn lợi dụng trình độ thấp kém của một số quần chúng lạc hậu ở vùng rẻo cao để tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp, thả biệt kích nhằm phá rối hậu phương ta. Nhưng tất cả những vụ bạo động do địch gây nên đều bị nhân dân địa phương đập tắt, những toán thổ phỉ biệt kích bị bắt gọn.

Việc củng cố khối đoàn kết dân tộc đã tạo những điều kiện rất thuận lợi cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng một nhân tố khác cũng rất quan trọng là việc bảo đảm cho các dân tộc tham gia chính quyền, việc đào tạo một đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ khả năng để quản lý bộ máy Nhà nước, điều khiển mọi ngành hoạt động để tự mình xây dựng quê hương Mường bản. Từ khi chính quyền nhân dân thành lập, nhân dân các dân tộc đã dần dần giữ những cương vị chủ chốt trong bộ máy chính quyền địa phương; khác với thời trước, bộ máy quan lại, tổng lý chỉ do một dúm người thuộc tầng lớp trên các dân tộc đông người nắm. Hiện nay trong bộ máy chính quyền từ xã đến trung ương đều có cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia. Quốc hội khóa III có 64 đại biểu người dân tộc thiểu số kể cả miền Bắc và miền Nam. Các dân tộc nhỏ như Lô-lô, Hà-nhì, Vân-kiều v.v... dân số trên dưới 5.000 người cũng có đại biểu tham gia Quốc hội. Số cán bộ nhân viên người dân tộc thiểu số thoát ly có khoảng 2 vạn người trong đó có khoảng 6 nghìn cán bộ khoa học kỹ thuật. Ở một số tỉnh thuộc Khu tự trị Việt Bắc, số cán bộ người dân tộc thiểu số thoát ly chiếm từ 70 đến 80%.

Hầu hết các xã miền núi đều có chi bộ và đảng viên là hạt nhân lãnh đạo, đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và những tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân chiếu rọi và thâm nhập vào vùng dân tộc thiểu số, thắt chặt thêm một bước mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng lao động các dân tộc, cả ở những vùng biên cương xa xôi hẻo lánh nhất. Trong các tỉnh miền núi, số tỉnh ủy viên người dân tộc thiểu số chiếm 53,2%, số huyện ủy viên chiếm 63,5% (1).

Trong việc bảo đảm cho các dân tộc tham gia chính quyền, thực hiện quyền làm chủ, không thể nào không nói đến việc thành lập hai khu tự trị Tây-bắc (1955) và Việt-bắc (1956). Đó là một sự kiện hết sức quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc thiểu số nói chung và nhân dân hai khu tự trị nói riêng. Việc thành lập khu tự trị củng cố thêm khối đoàn kết dân tộc, phát huy tinh tự động và tinh thần sáng tạo của cán bộ và nhân dân các dân tộc, làm cho các dân tộc phát triển mau chóng về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nhìn chung, cán bộ, dân tộc thiểu số ngày càng tham gia đông đảo vào bộ máy của Nhà nước và Đảng, góp phần ngày càng tích cực vào việc bảo vệ và xây dựng đất nước, xây dựng quê hương Mường bản, bước đầu thực hiện quyền bình đẳng dân tộc do cách mạng mang lại. Nhưng dưới chế độ cũ, do hậu quả của chế độ thực dân và nửa phong kiến, các dân tộc thiểu số nói chung đều lạc hậu về kinh tế, chậm phát triển về văn hóa. Cần phải gấp rút đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, để bảo đảm việc thực hiện quyền bình đẳng về chính trị. Cho nên, trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhấn mạnh « Cần có kế hoạch lâu dài phát triển kinh tế văn hóa ở miền núi. Về kinh tế, cần đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp, phát triển giao thông vận tải, tăng cường công tác thương nghiệp xã hội chủ nghĩa v.v..., làm cho đời sống của đồng bào miền núi ngày càng được cải thiện. Về mặt văn hóa, cần tiếp tục xóa nạn mù chữ, xây dựng chữ dân tộc ở những nơi cần thiết, thực hiện giáo dục phổ cập, phát triển văn nghệ dân tộc, phổ biến rộng rãi khoa học thường thức, nhằm xóa bỏ mê tín dị đoan, chú ý công tác y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, nâng cao sức khỏe của đồng bào thiểu số ».

Trong mấy năm qua, việc phát triển kinh tế văn hóa ở miền núi đã được đẩy mạnh.

Về kinh tế.

Phong trào hợp tác xã ở miền núi tiến tương đối vững chắc và đang đi vào thế ổn

(1) Lê-quảng-Ba — Hai mươi năm thắng lợi vẻ vang của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước — Nhà xuất bản Sự thật 1966. Phần lớn những số liệu nêu trong hai phần tiếp theo về kinh tế và văn hóa xã hội đều dựa vào tác phẩm đã dẫn trên.

định. Đến nay, trên 80% số hộ nông dân lao động đã tham gia hợp tác xã nông nghiệp trong đó 40% tham gia hợp tác xã bậc cao. Ở vùng thấp trên 90% số hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã.

Tại một số tỉnh, tỷ lệ hợp tác xã cao hơn so với miền xuôi như Hòa-bình, Sơn-la, Yên-bái, v.v... Ở vùng cao, 40% hộ nông dân lao động tham gia hợp tác xã. Số hợp tác xã khá và trung bình chiếm tỷ lệ 76%. Dân tộc nào cũng có hợp tác xã tiên tiến, địa phương nào cũng có hợp tác xã lá cờ đầu.

Phong trào hợp tác xã đẩy mạnh việc cải tiến kỹ thuật thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, biến nền kinh tế nông nghiệp độc canh dần dần thành một nền kinh tế nông nghiệp đa canh, toàn diện, thay đổi lối làm ăn cũ kỹ, dần dần chấm dứt tình trạng du cư, du canh của đồng bào vùng cao. Nó đang phát huy những khả năng tiềm tàng của miền núi để góp phần xây dựng nền công nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, đồng thời nâng cao dần đời sống của nhân dân. Bộ mặt nhiều địa phương đã có những biến đổi về cơ bản. Nhiều cơ sở vật chất và kỹ thuật như các công trình thủy nông: mương máng, đập, trạm bơm nước, thủy điện, nhà kho, sân phơi v.v... được xây dựng, nhiều công cụ cải tiến được mua sắm. Nhiều nhà mới, trường học, nhà trẻ mọc lên, làm cho cảnh núi rừng thêm vui tươi sáng sủa, chấm dứt tình trạng trước đây âm u, tịch mịch. Vài ví dụ trong trăm nghìn ví dụ khác về sinh hoạt đời mới của nhân dân miền núi:

— Hợp tác xã Tân-tiến, xã Tân-dương, huyện Định-hóa, Bắc-thái, có 238 mẫu ruộng hai vụ trước kia thuộc một tên chủ đồn điền quan lại bóc lột 40 tá điền Tây, Kinh, Sán-chi. Nông dân sống cực khổ, nhiều hộ thiếu ăn hàng năm đến 7,8 tháng. Từ khi nông dân làm chủ ruộng đất, nhất là từ khi thành lập hợp tác xã, đời sống của nông dân đã thay đổi hẳn. Năng suất bình quân một héc-ta lúa mùa không ngừng tăng lên: Năm 1961 mỗi héc-ta đạt 2.474 ki-lô 770, năm 1962 đạt 2.850 ki-lô, năm 1963 nhảy lên 3.521 ki-lô. Thu hoạch bình quân đầu người cũng không ngừng tăng lên. Năm 1961: 424 ki-lô thóc và 5 đ26, năm 1962: 486 ki-lô thóc và 18 đ80, năm 1963: 530,900 ki-lô thóc và 19 đ28. Hợp tác xã còn phát triển thêm 40 mẫu lạc, 40 mẫu ngô, có trại chăn nuôi 80 lợn, có máy thủy điện nhỏ, máy xay, máy ép mía, lò gạch, lò vôi, tổ mộc. Tám mươi (trong số 130 gia đình) đã có loa hợp (1).

— Hợp tác xã Mỏ-sắt là một hợp tác xã người Dao, thuộc xã Hợp-tiến, huyện Đồng-hỷ, Bắc-thái, thành lập từ năm 1960, có 40 hộ, 230 nhân khẩu, ruộng đất canh tác có 112 mẫu, trâu có

103 con. Trước đây, nhiều đồng bào không quen làm ruộng, phải bỏ đi nơi khác. Đường sá thì khúc khuỷu, nhà cửa chật hẹp, thiếu vệ sinh, cả xóm không có trường học, giếng nước. Từ khi làm ăn tập thể quang cảnh đã thay đổi hẳn. Đồng bào đã chấm dứt tình trạng du cư du canh, tích cực cải tiến kỹ thuật, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, phát triển diện tích trồng hoa màu, đồng thời khai thác gỗ cho Lâm nghiệp để tăng thêm thu nhập của gia đình. Đời sống của xã viên ngày càng được cải thiện do năng suất lao động tăng. Mức ăn bình quân mỗi người hàng tháng cũng không ngừng tăng lên: năm 1951 là 25 ki-lô thóc, năm 1962, 28 ki-lô, năm 1963, 29 ki-lô, mức ăn cao nhất là 50 ki-lô, thấp nhất là 20 ki-lô. Nhiều gia đình xã viên làm được nhà gỗ, có giếng nước, vườn rau, vườn cây ăn quả, ao cá. Đường sá được mở rộng, có sân phơi, nhà kho bằng gạch, máy thu thanh, trường học. Nhiều nữ thanh niên đã bỏ tục sơn đầu, trẻ em sạch sẽ, khỏe mạnh vui tươi (2).

— Hợp tác xã Cao-đa, thuộc xã Phiêng-ban, huyện Phù-yên, tỉnh Nghĩa-lộ, gồm có 46 hộ Thái, 14 hộ Mường, cả thảy 400 nhân khẩu. Hợp tác xã có 104 héc-ta đất có khả năng sử dụng trong đó có 23 héc-ta ruộng và sử dụng 300 héc-ta đồi cỏ các xã khác để chăn nuôi. Trước Cách mạng tháng 8, đồng bào Mường, Thái thiếu ăn từ 4 đến 6 tháng. Từ khi thành lập hợp tác xã, các xã viên ra sức phấn đấu để khai phá ruộng bậc thang vừa mở rộng diện tích sản xuất đồng thời chú trọng thâm canh tăng năng suất. Kết quả là bảo đảm được năng suất 30 tạ một héc-ta. Đặc biệt việc chăn nuôi phát triển mạnh do có điều kiện thiên nhiên thuận tiện. Mỗi hộ xã viên nuôi trung bình trên 4 lợn. Hợp tác xã đã lập được trại chăn nuôi trâu bò, lập được qui hoạch chăn nuôi trên đồi cỏ. Số lợn về chăn nuôi năm 1963 tăng 13 đ25 một nhân khẩu. Đời sống xã viên được cải thiện hơn nhiều so với trước. Trước có 35 hộ bán nông, nay chỉ còn 13. Số hộ trung nông từ con số 23 lên đến 46 hộ (3).

(1) Nông-quang-Hoạt — « Tân-tiến làm ăn thịnh vượng » *Việt-nam Độc lập* — Số xuân Giáp-thìn 1964.

(2) Lý-văn-Khâm — « Một hợp tác xã tiên tiến của đồng bào Dao » *Việt-nam độc lập* số 980 ngày 1-3-1964.

(3) Báo cáo tổng kết chăn nuôi trâu bò sinh sản của hợp tác xã Cao-đa, huyện Phù-yên, Nghĩa-lộ, năm 1964 của huyện ủy Phù-yên.

— Hợp tác xã Pú-pửu, cách Điện-biên 3 cây số có 19 hộ người Xá, 100 nhân khẩu. Trước khi thành lập hợp tác xã, phương pháp canh tác của người Xá rất lạc hậu, mề tín dị đoan nặng. Đồng bào thường đem đồ đan lát đổi lấy thóc ăn và quần áo cũ để mặc. Đời sống rất thấp, nhân dân hàng năm thiếu ăn đến 7 tháng, mỗi người chỉ có một bộ quần áo, có người có quần không có áo.

Hợp tác xã Pú-pửu thành lập năm 1960, đến năm 1963 thì được củng cố về mọi mặt. Cơ sở vật chất gồm có 5 héc-ta ruộng bậc thang, 300 ki-lô lúa nương giống, 20 ki-lô ngô giống, 28 trâu cày, 6 cây 51, 12 cây Thái, 18 bữa cải tiến răng dài, 2 gian nhà kho, 1 trường học chữ Thái. Tổng sản lượng cả thóc lẫn hoa màu qui ra thóc năm 1963 là 35 t 033 tăng 11 t so với năm 1962. Bình quân lương thực mỗi người một năm là 370 ki-lô trong có 170 ki-lô thóc, giá trị ngày công là 1đ50. Đời sống của đồng bào thay đổi hẳn. Trong 19 hộ thì 17 hộ đủ ăn, 2 hộ thiếu ăn chút ít vì thiếu sức lao động. Về mặc, mỗi xã viên có hai ba bộ quần áo, có dép đi. Đồng bào có đệm, chăn ấm, có chậu rửa mặt, có bát đĩa, khác với trước kia dùng vỏ bầu để làm bát ăn (1).

Trên đây, vài ví dụ chưa phải là điển hình chỉ có thể nói lên phần nào bộ mặt đổi mới của nông thôn miền núi, ở vùng thấp cũng như ở vùng cao.

Các mặt hoạt động khác đều được đẩy mạnh. Cho tới năm 1966 số cơ sở công nghiệp quốc doanh địa phương hầu như từ con số không đã lên tới 103 đơn vị, số cơ sở thủ công nghiệp hợp tác xã bao gồm nhiều ngành lên tới 5106 đơn vị, với gần 4 vạn công nhân. Công nghiệp trung ương, địa phương, nông lâm trường phát triển, ngày càng thu hút nhiều thanh niên các dân tộc, hình thành nhanh chóng đội ngũ công nhân người dân tộc thiểu số, một nhân tố có tác dụng thúc đẩy xã hội miền núi tiến lên. Có xí nghiệp như mỏ thiếc Tĩnh-túc (Cao-bằng), số công nhân kỹ thuật người dân tộc thiểu số chiếm 50%.

Về giao thông vận tải, trong 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm, miền núi có trên một vạn cây số đường các loại. Trừ một vài huyện vùng cao mới thành lập, đến nay hầu hết các huyện miền núi đều có đường ô-tô, từ các trục đường giao thông chính đều có đường dân sinh nối liền với các thôn bản. Đáng chú ý nhất là đã làm xong con đường Hà-giang—Mèo-vac, dài gần 200 cây số, leo qua nhiều «cổng trời», thực sự đã đem lại nhiều thuận tiện cho nhân dân Mèo và các dân tộc anh em khác ở rẻo cao, cho nên đồng bào đã đặt tên nó là «con đường hạnh phúc».

Nhiều trung tâm kinh tế công nông nghiệp mới đang hình thành như khu gang thép Thái-nguyên, vùng mỏ Tĩnh-túc (Cao-bằng), vùng Mai-sơn, Mộc-châu, Điện-biên (khu tự trị Tây bắc), vùng Nghĩa-đàn (Nghệ-an), làm thay đổi mau chóng bộ mặt miền núi.

Về văn hóa xã hội.

Đặc biệt về mặt văn hóa giáo dục nhân dân miền núi đã có những bước tiến quan trọng. Từ sau giải phóng, đồng bào các dân tộc gấp rút xóa bỏ nạn mù chữ, hậu quả của chính sách ngu dân do chế độ cũ để lại. Đồng bào thấy rằng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể nào không học tập văn hóa, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, vì bản thân chủ nghĩa xã hội là một khoa học hoàn chỉnh. muốn xây dựng thành công nó, không thể nào không nắm vững những qui luật của tự nhiên và xã hội, tức là phải nắm vững khoa học kỹ thuật.

Dưới thời Pháp thuộc, mỗi tỉnh mới có một trường tiểu học (tương đương phổ thông cấp I), các huyện và một số xã có trường sơ đẳng (tương đương năm thứ hai phổ thông cấp I), họa hoằn mới có một vài huyện có trường tiểu học. Toàn miền núi chỉ có một trường cao đẳng tiểu học (tương đương phổ thông cấp II) với ký túc xá ở Lạng-sơn để đào tạo một số công chức nhỏ phục vụ trong bộ máy cai trị thực dân. Số học sinh tốt nghiệp trường phổ thông cấp II có thể đếm đầu ngón tay, số học sinh học đến trình độ phổ thông cấp III lại càng hiếm. Số sinh viên tốt nghiệp đại học mới có độ một hai người trong số 4 triệu nhân dân miền núi. Ở các vùng cao hẻo lánh nhân dân mù chữ tới 100%. Ngày nay tình hình đã thay đổi hẳn. Ở miền núi, giáo dục phổ thông đang phát triển rộng khắp. Xã nào cũng có trường phổ thông cấp I, có xã có hai trường. Tỉnh trung bình, 3 xã có một trường cấp II, 2 huyện có một trường cấp III. Có tỉnh có 5, 6 trường cấp III như Thái-nguyên (cũ), Lạng-sơn, Cao-bằng. Tổng số học sinh phổ thông trong năm học 1964—1965 là 294.600 em, so với năm 1955 tăng gấp 5 lần, nhiều gấp 20 lần so với năm 1939, là năm phát triển giáo dục cao nhất thời Pháp thuộc. Số học sinh cấp II lên tới 6.360 em, gấp 30 lần so với năm 1955. Riêng Khu tự trị Việt-bắc có 23 trường cấp III với 4.063 học sinh (1963—1964). Nếu tính cả các lớp vỡ lòng thì tỷ lệ học sinh chiếm 15% dân số, riêng

(1) Báo cáo tổng kết hợp tác xã Pú-pửu (Dân tộc Xá, Điện-biên) năm 1964 của Huyện ủy Điện-biên.

số học sinh phổ thông chiếm gần 11% dân số (tỷ lệ toàn miền Bắc là 14,5% dân số). Số sinh viên đại học và Cao đẳng người dân tộc thiểu số theo học trong và ngoài nước có 866 người, nhiều hơn tổng số sinh viên đại học toàn Đông-dương năm 1939 chỉ có 590 người. Kể cả số sinh viên đã tốt nghiệp ra phục vụ thì đã có trên 1.000 người dân tộc thiểu số có trình độ đại học.

Đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số đang hình thành nhanh chóng. So với thời Pháp thuộc hầu như không có một người dân tộc thiểu số nào đáng gọi là trí thức dân tộc thì ngày nay đã có 300 cán bộ cao cấp và 1.000 cán bộ trung cấp hoạt động trong các ngành y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật. Việc thành lập trường đại học sư phạm ở Khu tự trị Việt-bắc năm nay góp phần đẩy mạnh thêm một bước việc đào tạo đội ngũ trí thức dân tộc.

Một sự kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong sinh hoạt văn hóa của các dân tộc thiểu số là người Tày, Nùng đã xây dựng xong chữ Tày Nùng, người Mèo hoàn thành bộ văn Mèo, người Thái cải tiến và thống nhất chữ Thái, bước đầu thực hiện quyền bình đẳng dân tộc trên lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa. Hiện nay các thứ chữ dân tộc ấy đang được sử dụng có kết quả trong việc thanh toán nạn mù chữ và giảng dạy ở các cấp I phổ thông tại một số địa phương. Việc xây dựng và cải tiến chữ dân tộc không những giúp ích cho việc mở rộng văn hóa giáo dục, mà còn có tác dụng đẩy mạnh việc khai thác và phát huy những vốn văn hóa cổ truyền rất phong phú của các dân tộc, góp phần xây dựng một nền văn hóa với tinh thần dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa.

Do trình độ văn hóa ngày càng được nâng cao, đời sống được cải thiện, nhân dân các dân tộc càng đòi hỏi được thưởng thức những hình thức nghệ thuật cao hơn. Những vốn văn nghệ cổ truyền như hát, múa, nhạc của các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mèo, Dao, Lô-lô, Cao-lan, Ra-dê, Ba-nar, Chăm, Khơ-me, v.v... dưới chế độ cũ bị khinh rẻ, nay đã được khai thác, nâng cao, cải biên, lồng thêm nội dung mới, biến thành những tiết mục đặc sắc, rất giàu tính dân tộc, được hoan nghênh cả trong và ngoài nước. Đó là các điệu dân ca «sli», «lượn», «then» các điệu múa nón, múa quạt, múa lùa, múa sạp, múa chim, múa rồng, múa gậy, múa khiên, múa rồng chiêng, tăng bu v.v... Các kho tàng truyện kể dân gian các dân tộc bao gồm các chuyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết đã được sưu tầm, chỉnh lý, dịch ra tiếng Việt để phổ biến rộng rãi trong dân gian.

Nếu như trước đây, hát, múa, nhạc dân tộc chủ yếu phục vụ cho việc cúng bái, hoặc để làm trò tiêu khiển cho một vài tên phía, tạo độc quyền có các đội múa xòe, thì ngày nay, hàng ngàn đội, tổ văn nghệ quần chúng, tổ chức xuống tận cơ sở sản xuất, với hàng vạn diễn viên, nghệ thuật ngày càng điêu luyện, phục vụ thiết thực cho công, nông, binh, góp phần cổ vũ, động viên sản xuất và chiến đấu, đồng thời nâng cao giá trị nghệ thuật dân tộc. «Năm 1959, toàn khu (tự trị Việt-bắc) có 59 đội văn nghệ quần chúng, đến nay (1964) đã phát triển lên tới 529 đội với hàng vạn diễn viên các dân tộc. Điểm nổi bật của phong trào văn nghệ quần chúng Việt-bắc là phần lớn các đội đã tự biên tự diễn các tiết mục, đề tài lấy trong cuộc sống đời mới ở địa phương... Đỉnh cao nhất của phong trào là Đại hội diễn các dân tộc toàn khu năm 1962, tập hợp hơn 1.000 nam nữ diễn viên thuộc 10 dân tộc trong khu, trình diễn 140 tiết mục về ca, vũ, nhạc, kịch, xiếc» (1).

Muốn đẩy mạnh việc phát triển kinh tế văn hóa không thể nào không mở rộng công tác y tế vệ sinh phòng bệnh, để đảm bảo sức khỏe của nhân dân cũng tức là tạo điều kiện cho kinh tế văn hóa phát triển. Trước đây người ta vẫn sợ miền núi là nơi «ma thiêng nước độc» có bệnh sốt rét rừng phệ biển, không những nguy hại cho người miền xuôi, mà cả cho người địa phương nữa. Nó gây nạn chết yểu, nạn hữu sinh vô dưỡng, nạn vô sinh, ảnh hưởng tai hại đến việc tăng dân số là điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất ở miền núi. Do đó mà công tác y tế vệ sinh phòng bệnh được đặc biệt chú ý. So với thời Pháp thuộc, một tỉnh chỉ ven vện có một bệnh viện do một bác sĩ hay y sĩ phụ trách, mỗi huyện có một trạm phát thuốc do một y tá phụ trách, chủ yếu để phục vụ cho binh lính, công chức và một số dân ở thành thị, thị trấn, thì ngày nay, mạng lưới y tế từ xã đến huyện, tỉnh, Khu tự trị, mở rộng gấp mấy mươi lần. Tỉnh có bệnh viện đủ các khoa, huyện có bệnh viện hoặc bệnh xá, xã, hợp tác xã có trạm y tế, tủ thuốc. Cuối năm 1964, miền núi 134 cơ sở điều trị (bệnh viện, bệnh xá, viện điều trị) với 5.156 giường, 1.235 trạm, phòng y tế với 2.780 cán bộ y tế trong đó có 819 cán bộ trung cấp và cao cấp, so với thời Pháp thuộc, cả 3 xứ năm 1939 chỉ có 109 cơ sở điều trị. Ở Khu tự trị Tây bắc, trên 2.000 y tá xã đã được đào tạo, 228 y bác sĩ người dân tộc thiểu số làm

(1) Bàn-tài-Đoàn — «Tám năm phát triển văn hóa ở Khu tự trị Việt-bắc» — *Việt-nam độc lập* số 1005 23-8-1964.

việc bên cạnh hàng trăm y bác sĩ người Việt. Khu tự trị Việt-bắc có 63 bác sĩ, 343 y sĩ và 929 y tá, trung bình 10.000 người dân thì có 0,42 bác sĩ, 2,32 y sĩ và 6,3 y tá.

Nhưng phòng bệnh hơn chữa bệnh, nên công tác diệt trừ muỗi a-nô-phen bằng cách phun thuốc DDT đã được tiến hành ở nhiều tỉnh miền núi. Cho tới nay, bệnh sốt rét rừng căn bản đã bị tiêu diệt. Mặt khác cuộc vận động làm chuồng trâu xa nhà, ăn ở sạch sẽ, uống nước đun sôi, dùng thuốc chữa bệnh thay thế cho việc cúng bái đang dần dần trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi. Đặc biệt những tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, thuốc sái, trộm cướp trước kia là những mối nguy hại cho tài sản, sức khỏe, sinh mệnh, thuần phong mỹ tục của nhân dân, thì nay hầu như đã đi vào dĩ vãng. Một cuộc sống mới, lành mạnh, vui tươi đang vươn lên trên khắp núi rừng miền Bắc. Miền núi rõ ràng hàng ngày hàng tháng đang có những đổi mới theo hướng đi lên. Nhà thơ Tây Nông-quốc-Chấn nhận thấy những đổi mới ấy rất sâu sắc :

« Tám năm trời ấy thay nhiều lắm,
Cách mạng ăn sâu đất lẫn người »

« Đến Sơn-dương chẳng thấy Sơn-dương,
Chỉ thấy gái trai bước chật đường.
Ngấn suối nước lao qua mấy núi,
Bạt đồi lúa mọc xanh trên nương ».

Ngày nay trong hoàn cảnh kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng bào các dân tộc thiểu số đang cùng nhân dân toàn quốc từ Bắc chí Nam, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng đề đầy mạnh sản xuất và chiến đấu, nhằm xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam thực hiện thống nhất đất nước. Trong bảng vàng lập công hiển rọi 2.145 máy bay của giặc Mỹ từ ngày 5-8-1964 đến 4-8-1967 quân và dân các tỉnh miền núi đã góp phần công lao xứng đáng, hạ 462 máy bay trong đó có chiếc thứ 800, 1.000 và 1.400. Nếu như trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đã xuất hiện 16 anh hùng người dân tộc thiểu số (trong số 74 anh hùng quân đội), thì trong ba năm vừa xây dựng miền Bắc vừa chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đã có 11 anh hùng người dân tộc thiểu số (trong số 111 anh hùng) được Quốc hội và Chính phủ tuyên dương đầu năm nay, chứng tỏ một lần nữa khả năng đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Khi thế sôi sục diệt Mỹ cứu nước đang dâng lên trên khắp đất nước từ Nam chí Bắc, ở miền núi cũng như ở miền xuôi. Khi thế này đã được phản ánh trong bài thơ « Mừng » của Bế Dôn, một nhà thơ Tây khác, ca ngợi chiến công của quân dân Việt-bắc bắn rơi nhiều máy bay của giặc Mỹ.

« Pháo gầm đạn nổ khói bay mù,
Đất nước rung lên tiếng diệt thù.
Mừng anh bộ đội dân quân bắn,
Qua Mỹ tan tành khói bốc mù.

« Bắn mừng vui nhộn nắng trời thu,
Tiếng kèn, đồng quê vàng chói màu.
Cả nước nhân dân đều nhất trí,
Tay cày tay súng diệt quân thù » (1).

Dưới ánh sáng của Cách mạng tháng 10, của chính sách dân tộc của Đảng, các dân tộc thiểu số anh em đã tiến những bước rất dài trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đang vươn lên xây dựng cuộc sống mới trong không khí từng bừng chiến thắng chống Mỹ cứu nước. Tuy nhiên trên bước đường tiến lên của mình, các dân tộc đang còn gặp những khó khăn, nhưng đó chỉ là những khó khăn trong lúc trưởng thành. Hiện nay sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc chống Mỹ cứu nước đòi hỏi chúng ta phải tiến nhanh tiến mạnh, nhưng chúng ta vẫn chưa thể nào trong một thời gian ngắn xóa bỏ hết được tình trạng lạc hậu về kinh tế và văn hóa và sự chênh lệch về trình độ phát triển xã hội do lịch sử để lại. Những tư tưởng tự ti dân tộc, rụt rè, bảo thủ, địa phương chủ nghĩa, lề lối làm ăn phân tán, riêng lẻ và những phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan ít nhiều vẫn tồn tại, cản trở cho bước tiến lên của các dân tộc. Cho nên phải có những nỗ lực phi thường, nâng cao hơn nữa ý thức làm chủ nhà mình, tinh thần đoàn kết tương trợ, tự hào, tự cường dân tộc, thì mới có thể tiến nhanh tiến mạnh được. Nhưng đồng bào các dân tộc thiểu số vốn sẵn có những truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng, lại có Đảng lãnh đạo, có các dân tộc anh em giúp đỡ, cho nên chắc chắn đồng bào sẽ vượt mọi khó khăn, sóng gió, cùng nhau hoàn thành sự nghiệp vẻ vang chống Mỹ cứu nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước.

(1) Trích dịch bài thơ « Mừng » của Bế Dôn, đăng *Việt-nam độc lập* số 1071 ngày 28/11/1965.

Đảng ta đã đạt được những thành công rực rỡ trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt-nam. Nay nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng 10 vĩ đại, chúng ta thử cùng nhau tìm hiểu những nguyên nhân thành công của Đảng ta trong việc vận dụng đường lối về vấn đề dân tộc của Cách mạng tháng 10 vào hoàn cảnh cụ thể của Việt-nam, cùng nhau rút ra những bài học kinh nghiệm. Đây là một vấn đề lớn đòi hỏi chúng ta không những phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về vấn đề dân tộc, mà còn rút được những kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt-nam, tức là trong việc thực hiện đường lối chính sách dân tộc của Đảng ta trong từng thời kỳ tiến triển của cách mạng. Song chúng ta là những người trong cuộc, đã lớn lên trong phong trào, ít nhất từ sau Cách mạng tháng 8, chúng ta không thể không suy nghĩ đến những nguyên nhân đã đưa đến những thành công rực rỡ ấy để góp phần phát triển công tác dân tộc của Đảng về mặt thực tiễn cũng như về mặt lý luận. Cho nên mặc dầu là một vấn đề lớn mà tôi cũng chưa có thời giờ nghiên cứu sâu lắm, tôi cũng vẫn xin mạnh dạn phát biểu một số ý kiến đề bạn đọc tham khảo, bổ sung thêm. Riêng tôi thấy có thể rút ra năm bài học kinh nghiệm lớn đồng thời cũng là những nguyên nhân thắng lợi trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

Bài học thứ nhất là Đảng ta đã sớm có những nhận thức đúng đắn đối với vấn đề dân tộc ở Việt-nam, cho rằng chỉ có Đảng vô sản vô trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, mới có thể giải phóng được các dân tộc khỏi chế độ thực dân và nửa phong kiến. Cho nên ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã chú ý xây dựng cơ sở ở miền xuôi cũng như ở miền núi, làm hạt nhân lãnh đạo quần chúng các dân tộc chống đế quốc xâm lược. Từ năm 1930 trở đi, nhiều chi bộ Đảng đã được thành lập ở Cao-bằng, Lạng-sơn, sau phát triển ra nhiều tỉnh ở Việt-bắc. Cho tới nay, cơ sở Đảng đã được xây dựng ở khắp các vùng dân tộc thiểu số, vùng thấp cũng như vùng cao. Nhiều dân tộc nhỏ mặc dầu xã hội còn mang nặng những tàn dư thị tộc bộ lạc, trình độ sinh hoạt và văn hóa còn rất thấp, mê tín dị đoan nặng, nhưng rất nhạy bén với những tư tưởng tiên tiến của giai cấp vô sản, vì những tư tưởng đó mở đường cho họ để giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột, khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu, để xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc. Cho nên một khi đã nhận thức được tôn chỉ, mục đích của Đảng, họ một lòng theo Đảng, quyết tâm đi với Đảng đến cùng.

Bài học thứ hai là Đảng ta đã luôn luôn nghiên cứu nắm tình hình và đặc điểm các dân tộc để có thể đề ra đường lối, phương châm thích hợp và những biện pháp cụ thể để thực hiện trong từng thời kỳ tiến triển của cách mạng như đường lối vận động chống Nhật Pháp cứu nước trước tổng khởi nghĩa, đường lối đoàn kết kháng chiến kiến quốc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, chính sách khu vực tự trị, đường lối hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi, đường lối phát triển kinh tế văn hóa ở miền núi trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bài học thứ ba là chính sách đại đoàn kết dân tộc. Đảng ta đã phát huy những truyền thống đoàn kết chống xâm lăng của các dân tộc ở Việt-nam vốn có từ hàng ngàn năm nay trên cơ sở những nguyên tắc mới, với một nội dung mới là «đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng và tương trợ để tranh thủ độc lập, tự do, hạnh phúc chung». Đảng ta đã chú ý tập trung mũi nhọn căm thù của các dân tộc vào bọn thực dân xâm lược và phong kiến tay sai, một mặt chú ý giải quyết một cách thích đáng những mâu thuẫn giữa các dân tộc, trong nội bộ dân tộc, giữa nhân dân lao động với nhau cũng như giữa nhân dân lao động với tầng lớp trên, trên lập trường của giai cấp vô sản, để đoàn kết rộng rãi, tranh thủ những người có thể tranh thủ được, cô lập kẻ thù đến cao độ. Do đó, Đảng ta không những mở rộng được mặt trận dân tộc chống đế quốc và phong kiến, mà còn phát huy được khi thế cách mạng của toàn dân, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, làm cho kẻ địch bị chìm ngập trong biển lửa chiến tranh nhân dân, bị đánh cả ở trước mặt, sau lưng, ở đồng bằng cũng như ở miền núi và ven biển cho đến khi bị hoàn toàn tiêu diệt.

Bài học thứ tư là Đảng ta đặc biệt chăm sóc đến đời sống của nhân dân miền núi, ở vùng thấp cũng như ở vùng cao. Từ sau Cách mạng tháng 8, Đảng ta một mặt tiến hành giảm tô, giảm tức, bãi bỏ chế độ xấu hổ, lao dịch, thanh toán từng bước những tàn tích bóc lột phong kiến, đem lại ruộng đất cho dân cày, mặt khác, luôn luôn đề ra những biện pháp cụ thể để xóa bỏ tình trạng nghèo nàn về kinh tế và lạc hậu về văn hóa do chế độ cũ để lại, nâng dần mức sống của các dân tộc chậm phát triển lên ngang với các dân tộc tiên tiến. Kết quả là đời sống của đồng bào các dân tộc nói chung đã được cải thiện hơn nhiều

(Xem tiếp trang 32)

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGÃ VĨ ĐẠI VÀ CON ĐƯỜNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

PHAN-NGỌC-LIÊN — NGUYỄN-XUÂN-KỶ

Trong lịch sử loài người đã có nhiều cuộc cách mạng, song không có cuộc cách mạng nào giải phóng hoàn toàn nhân dân lao động khỏi ách áp bức của các giai cấp bóc lột, đưa lại chính quyền cho những người bị bóc lột. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, trong lịch sử của cuộc đấu tranh lâu dài giữa bọn người không lao động và giai cấp những người sản xuất, cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917 ở Nga đã lật đổ chính quyền của bọn bóc lột tư sản, địa chủ và thiết lập nền chuyên chính vững mạnh của giai cấp vô sản. Trong bản báo cáo đọc tại Đại hội lần thứ I của Quốc tế cộng sản, Lê-nin đã vạch rõ rằng cuộc cách mạng này về căn bản khác hẳn tất cả các cuộc cách mạng trước đó, nó là «cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong lịch sử loài người, lần đầu tiên trên thế giới chính quyền đã từ trong tay một thiểu số người bóc lột chuyển sang tay đa số người bị bóc lột» (1). Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại mở đầu kỷ nguyên mới của lịch sử toàn thế giới, thời đại những người lao động làm chủ đất nước, và có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đấu tranh của nhân dân lao động toàn thế giới.

Lê-nin đã nói sách lược của cách mạng Nga là một mẫu mực về sách lược cho tất cả mọi người

cộng sản trên thế giới. Thật vậy, thực tiễn cách mạng trên thế giới trong 50 năm qua chứng tỏ rằng chỉ có đi theo con đường Cách mạng tháng Mười, nhân loại mới thoát khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa—chế độ bóc lột cuối cùng trong lịch sử. Và rõ ràng «từ ngày Cách mạng tháng Mười thành công, cách mạng trên thế giới và cách mạng trong nước ta đã giành được nhiều thắng lợi rực rỡ» (2).

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại, chúng ta tìm hiểu ý nghĩa quốc tế to lớn của nó, tìm hiểu bước tiến mạnh mẽ của cách mạng thế giới dưới ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng tháng Mười. Điều này không những có ý nghĩa khoa học để xác minh rằng con đường của Cách mạng Nga là một qui luật tất yếu đối với tất cả các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay ở nước ta nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước. Nó nêu cho chúng ta những bài học quý báu và gây cho chúng ta lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự tất thắng của cách mạng Việt-nam và cách mạng thế giới.

I — Ý NGHĨA QUỐC TẾ VÀ NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGÃ VĨ ĐẠI ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản tiến sang giai đoạn tột cùng của nó là chủ nghĩa đế quốc. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc — giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, Lê-nin đã chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản thối nát, phản động và rầy chết.

Hơn nữa do những đặc điểm phát triển lịch sử của mình, nước Nga vào đầu thế kỷ XX là nơi tập trung những mâu thuẫn của thế giới

và là quê hương của chủ nghĩa Lê-nin—chủ nghĩa Mác trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Như thế, toàn bộ quá

(1) V.I. Lê-nin—*Toàn tập*, tập 28, trang 442, bản tiếng Nga.

(2) Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về việc kỷ niệm lần thứ 50 cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại, tạp chí *Học tập*, tháng năm 1967, trang 30.

trình phát triển của lịch sử thế giới và trong nước đó là tiền đề đưa tới thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917 ở Nga.

Nhân tố quyết định khiến giai cấp vô sản Nga đóng được vai trò tiên phong của vô sản thế giới, là ở nước Nga có đảng kiểu mới do Lê-nin — lãnh tụ và người thầy của phong trào cách mạng vô sản thế giới, đứng đầu Đảng bôn-sê-vich Nga, dựa trên nền tảng của tư tưởng Lê-nin, là người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của giai cấp vô sản và nhân dân lao động Nga. Lê-nin đã bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong giai đoạn để quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Đặc biệt Lê-nin đã tìm ra qui luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và trên cơ sở đó đã đề ra luận điểm nổi tiếng về cách mạng vô sản có thể và cần phải chọc thủng dây chuyền đế quốc chủ nghĩa ở những khâu yếu nhất, và có thể thành công trước tiên trong một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ(1). Học thuyết hoàn chỉnh về cách mạng vô sản của Lê-nin đã mở ra những triển vọng to lớn cho phong trào cách mạng thế giới trong và sau chiến tranh thế giới thứ nhất, đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản thế giới.

Chính vì vậy, cao trào cách mạng năm 1917 ở Nga đã mở đầu cho cao trào cách mạng thế giới sau chiến tranh thế giới 1914—1918.

Ngay sau cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng hai 1917, Lê-nin đã chỉ rõ cách mạng Nga phải tiếp tục tiến tới. Trong «Thư từ phương xa gửi về», Lê-nin đã vạch ra đường lối phát triển đúng đắn của cuộc cách mạng: «Hồi anh em công nhân, trong cuộc nội chiến chống chế độ sa hoàng, anh em đã lập những kỳ công biểu hiện tinh thần anh dũng vô sản và tinh thần anh dũng nhân dân. Anh em cần phải lập được những kỳ công về tổ chức vô sản và nhân dân để chuẩn bị cho thắng lợi của anh em trong giai đoạn thứ hai của cách mạng» (2).

Lê-nin đã đề ra «Những luận cương tháng Tư» nổi tiếng—cương lĩnh thiên tài của Đảng bôn-sê-vich đấu tranh nhằm chuyển biến từ cuộc cách mạng dân chủ tư sản sang cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, Lê-nin viết: «Điều độc đáo trong thời sự nước Nga là bước quá độ từ giai đoạn thứ nhất của cách mạng là giai đoạn đã đem lại chính quyền cho giai cấp tư sản do chỗ trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp vô sản còn thấp kém, tiến lên giai đoạn thứ hai của cách mạng, là giai đoạn

phải đem lại chính quyền cho giai cấp vô sản và cho những tầng lớp nghèo trong nông dân» (3).

«Những luận cương tháng Tư» của Lê-nin đã mở ra triển vọng to lớn cho phong trào cách mạng Nga. Lê-nin đã nhìn thấy sớm hơn và đánh giá chính xác hơn bất cứ người nào tình hình nước Nga và thế giới lúc đó, và từ đây rút ra những kết luận khoa học cho công cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.

Dưới sự lãnh đạo của đường lối chính trị đúng đắn của Lê-nin và Đảng bôn-sê-vich, phong trào cách mạng trong những ngày tháng Tư — tháng Bảy phát triển nhanh chóng. Trong khi đó, tinh thần phản động của chính phủ tư sản lâm thời ngày càng lộ rõ trước mặt quần chúng lao động Nga.

Trong tình hình đó, bọn thống trị tư sản địa chủ quyết định quân đội Nga tấn công ngoài mặt trận, hòng củng cố địa vị của chúng. Nhưng quân đội Nga ở mặt trận châu Âu bị thất bại lớn. Ngày 3 tháng Bảy, 500.000 công nhân và binh lính ở Pê-tơ-rô-gơ-rát biểu tình đòi lật đổ chính phủ lâm thời. Chính phủ tư sản có bọn men-sê-vich và xã hội cách mạng tham gia, đã chủ trương dùng vũ lực đàn áp phong trào quần chúng và Đảng bôn-sê-vich.

Đàn áp bằng vũ lực phong trào cách mạng, tước bỏ những quyền dân chủ của quần chúng công nông, chính phủ lâm thời trong thực tế đã gây ra cuộc nội chiến. Xô-viết do bọn men-sê-vich và xã hội cách mạng lũng đoạn, đã trở thành cái đuôi của chính phủ tư sản. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại không còn nữa.

Cuối tháng Bảy, Đại hội lần VI của Đảng bôn-sê-vich đã họp bí mật để nhận định tình hình và đề ra đường lối chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Cuộc khủng hoảng cách mạng ở Nga đã đạt tới đỉnh cao nhất vào mùa thu 1917. Trong các tháng Chín — tháng Mười 1917, phong trào công nông diễn ra quyết liệt, quần chúng lao động đã tổ ra sẵn sàng đi theo đội tiên phong của mình. Đảng Bôn-sê-vich lớn mạnh nhanh chóng và có uy tín to lớn. Đảng có tới 240.000 đảng viên, so với 45.000 đảng viên trong thời

(1) Xem V.I. Lê-nin — *Tuyên tập*, quyền I, phần II, trong bài «Về khẩu hiệu Liên bang châu Âu» trang 394 và bài «Cương lĩnh quân sự của cách mạng vô sản», trang 541, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961.

(2) V.I. Lê-nin, sách dẫn trên, trang 562.

(3) V.I. Lê-nin — *Tuyên tập*, quyền II, phần I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, trang 8.

gian Cách mạng tháng Hai. Ngày 31 tháng Tám, những người bôn-sê-vich giành được đa số trong Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát. Ngày 5 tháng Chín đến lượt Xô-viết Mát-xcơ-va đi theo đường lối bôn-sê-vich.

Cuộc khủng hoảng toàn quốc đang chín muồi nhanh chóng. Lê-nin đã chỉ rõ những sự kiện của những ngày tháng Chín — tháng Mười không chỉ là một chuyển biến cho cách mạng Nga, mà còn cho cả sự phát triển của cách mạng thế giới. Đảng bôn-sê-vich lại đề ra khẩu hiệu: « Tất cả chính quyền về tay Xô-viết! » và dùng khởi nghĩa vũ trang để lật đổ chính quyền tư sản.

Chiều ngày 24 tháng Mười, Lê-nin tới điện Xmon-nui, trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Trong hai ngày 24, 25 tháng Mười theo lịch Nga (tức là ngày 6 và 7 tháng Một dương lịch), toàn bộ thành phố Pê-tơ-rô-gơ-rát lọt vào tay quân khởi nghĩa. Theo gương Pê-tơ-rô-gơ-rát, Mát-xcơ-va và các thành phố khác đã vùng dậy lật đổ chính quyền tư sản. Rồi lần lượt trong khắp nước Nga rộng lớn, chính quyền cách mạng được thành lập. Đến đầu năm 1918, cách mạng thành công trong toàn quốc.

Không cam chịu thất bại, các đế quốc phương Tây và bọn phản cách mạng Nga đã tổ chức cuộc can thiệp vũ trang trong những năm 1918 — 1920 hòng bóp chết chính quyền Xô-viết non trẻ. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Lê-nin và Đảng bôn-sê-vich, Hồng quân Xô-viết, nhân dân lao động Nga với tinh thần hy sinh dũng cảm tuyệt vời, đã đánh bại quân đội 14 nước can thiệp và bọn phản cách mạng trong nước.

Cách mạng tháng Mười toàn thắng đã mở đầu cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Cách mạng tháng Mười và con đẻ của nó là nhà nước Liên-xô đã chứng minh hùng hồn rằng giai cấp vô sản không những có thể phá bỏ chế độ cũ mà hoàn toàn có thể xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trải qua 50 năm xây dựng và chiến đấu, Liên-xô đã được củng cố vững chắc, đã từ một nước tư bản lạc hậu trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, phồn vinh. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa của Liên-xô phát triển nhanh chóng và toàn diện. Công nghiệp nước Nga sa hoàng chỉ bằng 3% sản lượng công nghiệp thế giới, ngày nay công nghiệp Liên-xô chiếm khoảng 30% sản lượng công nghiệp trên thế giới. So với năm 1913, sản lượng công nghiệp chế tạo máy móc của Liên-xô hiện nay lớn hơn 480 lần, sản lượng công nghiệp

hóa học lớn hơn 260 lần và sản lượng điện tăng hơn 1.000 lần. Nền nông nghiệp nông trang tập thể sản xuất theo qui mô lớn, cơ trình độ cơ giới hóa cao, đã tăng sản lượng gấp nhiều lần so với thời kỳ sa hoàng. Từ một đất nước của những người mù chữ chiếm số đông, ngày nay nhân dân Liên-xô có trình độ văn hóa cao nhất thế giới. Lực lượng quốc phòng của Liên-xô không ngừng được tăng cường về mọi mặt. Khoa học và kỹ thuật của Liên-xô không ngừng phát triển mạnh mẽ và đang dẫn đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực quan trọng nhất. Đặc biệt, trong việc chinh phục vũ trụ, Liên-xô đã lập được những kỳ công lịch sử.

Hiện nay, nhân dân Liên-xô đang ra sức hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc dân (1966 — 1970), nhằm tiến thêm một bước quan trọng mới trong sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

Cách mạng tháng Mười thành công rực rỡ, những thắng lợi to lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, chiến thắng lịch sử của Liên-xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc chống bọn xâm lược phát-xít Đức, Nhật, có tầm quan trọng cực kỳ to lớn, tác động sâu sắc đến bước tiến của xã hội loài người. Đường lối đối ngoại ủng hộ và giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới, và hiện nay sự ủng hộ to lớn và hết lòng của chính phủ và nhân dân Liên-xô đối với công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam, đã phát huy ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười và đất nước Xô-viết.

Ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Cách mạng tháng Mười Nga không chỉ hạn chế ở tác động mạnh mẽ, trực tiếp đến phong trào cách mạng thế giới, mà còn chỉ ra con đường đi đến thắng lợi của các cuộc đấu tranh cách mạng, vì những qui luật, những nét cơ bản của Cách mạng tháng Mười có tính chất phổ biến và lặp lại trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở bất cứ nước nào.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã hoàn toàn xác minh sự đúng đắn của học thuyết Lê-nin về cách mạng vô sản và nêu cho cách mạng thế giới nhiều bài học quý báu:

1. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới đã thành công ở Nga, không những vì ở đây có những tiền đề kinh tế, mà còn có những tiền đề chính trị, trong đó yếu tố quyết định là sự tồn tại của Đảng bôn-sê-vich — chính đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

2. Cách mạng tháng Mười bằng thực tế sinh động chứng minh sự đúng đắn của học thuyết

Lê-nin về liên minh công nông là phương sách chủ yếu để lật đổ chính quyền của địa chủ và tư sản, là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản.

3. Chuyên chính vô sản là điều kiện cần thiết bảo đảm sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng tháng Mười nêu gương mẫu về việc thành lập một nhà nước kiểu mới — chính quyền xô-viết làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

4. Cách mạng bạo lực là qui luật phổ biến của cách mạng vô sản, là một trong những nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Cách mạng tháng Mười là một thể hiện rõ rệt của qui luật ấy. Giai cấp vô sản và nhân dân lao động Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng bốn-sê-vich và Lê-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh chính trị lâu dài tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng tháng Mười.

5. Sách lược của Lê-nin và Đảng bốn-sê-vich trong Cách mạng tháng Mười là sự áp dụng sáng tạo học thuyết cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc, Lê-nin đã phát triển sáng tạo nguyên

lý về cách mạng không ngừng của Mác — Ăng-ghen thành lý luận hoàn chỉnh về việc chuyển biến cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, hơn nữa còn làm cho nguyên lý ấy trở thành một trong những cơ sở lý luận cách mạng của mình.

6. Nước Cộng hòa Xô-viết trong công cuộc xây dựng xã hội mới đã nêu ra những qui luật phổ biến về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm xóa bỏ quyền sở hữu tư bản chủ nghĩa, xác lập quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa duy nhất bao gồm công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, văn hóa, khoa học tiên tiến.

7. Cách mạng tháng Mười và Nhà nước Liên-xô đã nêu kiểu mẫu về sự liên minh chiến đấu giữa vô sản và các dân tộc bị áp bức, về việc giải quyết vấn đề dân tộc.

Trong 50 năm sau Cách mạng tháng Mười Nga, những bài học và kinh nghiệm trên đã được vận dụng một cách sáng tạo trong phong trào cách mạng thế giới và đưa lại nhiều thắng lợi lớn lao, đúng như lời tiên đoán của Lê-nin: « Cái gương của nước Nga chỉ chó tất cả các nước một cái gì nhỏ, nhưng thật cơ bản cho một tương lai không xa và tất yếu của mình » (1).

II — CAO TRẠO CÁCH MẠNG THẾ GIỚI TRONG 50 NĂM QUA DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

50 năm đối với lịch sử của một dân tộc, nhất là đối với lịch sử toàn thế giới, chỉ là một thời gian rất ngắn ngủi. Nhưng trong nửa thế kỷ nay sau Cách mạng tháng Mười, nhân loại đang trải qua một giai đoạn vẻ vang nhất trong lịch sử phát triển lâu dài của mình — thời đại đấu tranh cách mạng ngày càng rộng lớn và sâu sắc nhằm giải phóng nhân dân lao động. Lê-nin viết: « Một thời đại mới của lịch sử toàn thế giới đã bắt đầu. Loài người đang vứt bỏ hình thức nô lệ cuối cùng: nô lệ tư bản chủ nghĩa hay nô lệ làm thuê. Từ giải phóng khỏi ách nô lệ, lần đầu tiên loài người đang tiến tới tự do thật sự » (2). Đó là ý nghĩa sâu sắc, nội dung nhân đạo cách mạng của phong trào cách mạng hiện đại, bắt nguồn từ Cách mạng tháng Mười Nga.

Được lý tưởng Cách mạng tháng Mười cổ vũ mạnh mẽ, giai cấp vô sản, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đã vùng dậy đấu tranh ngày càng quyết liệt chống bọn áp bức bóc lột, làm thay đổi tận gốc cục diện chính trị xã hội thế giới. Bản tuyên

bố Mát-xcơ-va năm 1960 đã vạch rõ nội dung và đặc điểm của thời kỳ hiện đại: « Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới » (3).

(1) V. I. Lê-nin — *Toàn tập*, tập 31, trang 5-6, bản tiếng Nga.

(2) V. I. Lê-nin — *Toàn tập*, tập 29, trang 281, bản tiếng Nga.

(3) Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân. *Văn kiện Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân tại Mát-xcơ-va tháng 1-1960*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 17-18.

Cao trào cách mạng thế giới 1917—1945 đã bảo vệ thành công Liên-xô, đã mở những đợt công kích vào thành trì của chủ nghĩa tư bản thế giới ở trung tâm và ở ngoại vi.

Bằng chiến thắng lịch sử của mình, Cách mạng tháng Mười vĩ đại đã thực sự mở đầu cho thời đại cao trào cách mạng vô sản thế giới công kích ngày càng mạnh mẽ vào thành trì của chủ nghĩa tư bản (sau Cách mạng tháng Mười, các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc cũng nằm trong phạm trù cách mạng vô sản và có xu thế tất yếu tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa), và do đó thời đại ngày nay mang dấu ấn sâu sắc của Cách mạng tháng Mười. Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác—Lê-nin là ngọn cờ cách mạng triệt để, là lý luận cách mạng duy nhất đúng làm cho phong trào cách mạng thế giới ngày nay trở thành vô địch và tất thắng. Đại khái từ sau Cách mạng tháng Mười cho đến hiện nay, phong trào cách mạng thế giới đã trải qua hai giai đoạn lớn có những đặc điểm khác nhau: giai đoạn từ Cách mạng tháng Mười Nga cho đến hết chiến tranh thế giới thứ hai, và giai đoạn từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

Giai đoạn thứ nhất của cao trào cách mạng vô sản thế giới (1917—1945) đã được đánh dấu bằng sự kế tiếp của những thời kỳ cao trào cách mạng và những thời kỳ phong trào cách mạng phải tạm thời lui về thế thủ. Đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: « Sau chiến tranh thế giới thứ nhất từ Liên-xô ra, phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ở hầu hết các nước đã tạm thời thất bại; nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên mới lọt lòng đương còn non nớt, tinh thần cách mạng dân tộc giải phóng của các nước thuộc địa còn yếu ớt. Trên thế giới, cách mạng vô sản phải tạm thời lui vào thế thủ. Mặt khác sự tập trung độc quyền tư bản thế giới chưa nằm hẳn trong tay một đế quốc mạnh như bây giờ. Nhân phong trào cách mạng đi vào thế thủ, bọn tư bản ở các nước đế quốc chủ nghĩa thẳng tay bóc lột thợ thuyền trong nước và nhân dân thuộc địa, nên hệ thống tư bản chủ nghĩa đã có một thời kỳ tạm thời ổn định » (1).

Ý nghĩa lịch sử của cao trào cách mạng thế giới trong những năm 1917—1945 là đã bảo vệ được Liên-xô, đã thiết lập được nhà nước công nông vững chắc đầu tiên trên thế giới, đồng thời đã mở rộng đợt công kích vào thành trì của chủ nghĩa tư bản thế giới ở trung tâm cũng như ở ngoại vi làm lung lay mạnh mẽ địa vị thống trị của giai cấp tư bản lũng đoạn quốc tế.

Cao trào cách mạng vô sản trong những năm 1918—1920 mang tính chất một cuộc tấn công mạnh mẽ vào thành trì của chủ nghĩa tư bản thế giới, đồng thời có nhiệm vụ bảo vệ nước Nga xô-viết vừa mới ra đời. Trong những năm 1921—1923, phong trào công nhân tiếp diễn sôi nổi tuy mang tính chất phòng ngự, nhưng cũng đã buộc được bọn đế quốc phải từ bỏ cuộc can thiệp vũ trang chống nhà nước xô-viết, để quay về củng cố địa vị thống trị của chúng ở trong nước. Cao trào cách mạng rầm rộ ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa với phương hướng, đường lối đấu tranh mới đã chứng tỏ sự khủng hoảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Những sự kiện cách mạng vào cuối và sau chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra phù hợp với cách nhìn cách mạng và khoa học của Lê-nin trong khẩu hiệu « biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng », mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã thực hiện thắng lợi rực rỡ.

Năm 1918, ở Phần-lan, Lét-tô-ni, Li-tu-a-ni, E-x-tô-ni đã nổ ra những trận chiến đấu giai cấp quyết liệt; quần chúng cách mạng theo gương nước Nga xô-viết đã lập ra các xô-viết. Giai cấp vô sản Ba-lan tiến hành cuộc đấu tranh gay gắt chống bọn thống trị tư sản—địa chủ. Tháng Mười 1918, ở đế quốc Áo—Hung, cao trào cách mạng đứng đầu là giai cấp công nhân đã lật đổ triều đình Hap-xbua. Phong trào tự phát của quần chúng lao động Nhật-bản mang tên là « bạo động lúa gạo » đã phát triển mạnh mẽ.

Sau chiến tranh, nước Đức cũng trở thành một khâu yếu trong dây chuyền đế quốc chủ nghĩa, sau nước Nga. Đế quốc Đức bị thất bại trong chiến tranh, nên mâu thuẫn giai cấp trong nước hết sức gay gắt. Cách mạng tháng Mười Nga đã ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ quá trình đấu tranh giai cấp ở Đức. Chính phủ Nga xô-viết ra sắc lệnh hòa bình đòi chấm dứt chiến tranh đế quốc, công bố những hiệp định và hiệp ước ăn cướp và bí mật của đế quốc, thi hành những chính sách cải tạo cách mạng ở trong nước, đã làm cho nhân dân lao động Đức có cảm tình với nước Nga xô-viết. Vào năm 1918, cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng diễn ra. Ngày 9 tháng một 1918, Liên minh Xpác-ta-cút, do Lúc-xem-bua, Lip-nếch đứng đầu, kêu gọi công nhân và binh lính tổng bãi công và khởi nghĩa lật đổ chính thể quân chủ và thiết lập chính quyền xô-viết. Cách mạng tháng Một 1918 ở

1. Lê Duẩn — Về những vấn đề quốc tế nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, trang 7.

Đức đánh đổ chế độ quân chủ trong một nước lớn ở Trung Âu, đã khoét sâu thêm cuộc khủng hoảng cách mạng ở châu Âu. Nhưng nước Đức lúc đó đã không từ cách mạng dân chủ tư sản tiến lên cách mạng vô sản được, vì thiếu đội tiên phong chân chính của giai cấp vô sản.

Tháng ba 1919, giai cấp công nhân Hung-ga-ri cũng tiến từ cách mạng dân chủ tư sản lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nước cộng hòa xô-viết Hung-ga-ri tồn tại được 133 ngày. Mặc dù bị thất bại, chính quyền xô-viết Hung-ga-ri đứng vững trong hơn bốn tháng là một sự kiện lịch sử to lớn.

Ngày 13 tháng Tư 1919, giai cấp vô sản Bay-éc đã thành lập nước Cộng hòa xô-viết Bay-éc, và tháng Sáu 1919 ở đông Xiô-va-ki đã thành lập chế độ cộng hòa xô-xiết.

Phong trào bãi công rộng lớn mang tính chất chính trị rõ rệt đã diễn ra trong khắp các nước tư bản đế quốc. Như phong trào đấu tranh quyết liệt ở Pháp. Những cuộc khởi nghĩa to lớn của binh lính và thủy binh Pháp đã xảy ra ở Xê-va-xtô-pôn và O-dét-xa năm 1919 (có cụ Tôn-đức-Thắng tham gia) đã buộc đế quốc Pháp phải vội vã rút những đơn vị quân đội đó về nước. Trước khi lên tàu về nước, binh lính Pháp đã tặng công nhân O-dét-xa tất cả những vũ khí của mình. Thủy binh trên các tàu « Giăng Ba », « Phơ-răng-xơ » đã kéo cờ đỏ chào mừng Cách mạng tháng Mười Nga. Ở trong nước, phong trào bãi công lan rộng, chào mừng cuộc khởi nghĩa của thủy binh Hắc-hải và đòi chấm dứt cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết.

Vào năm 1923, những trận chiến đấu giai cấp quyết liệt lại bùng nổ ở Đức, Ba-lan, Bun-ga-ri...

Đúng như nhận định sáng suốt của Lê-nin, Cách mạng tháng Mười đã phát huy tiềm lực to lớn của phong trào cách mạng dân tộc. Một loạt nhà nước độc lập dân tộc đã ra đời ở châu Âu, như Phần-lan, Ba-lan, Tiệp-khắc, Nam-tư, E-xtô-ni, Lát-vi-a, Lit-va...

Phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông diễn ra sôi nổi. Ngày 4 tháng Năm 1919, phong trào rộng lớn chống chủ nghĩa đế quốc đã nổ ra ở Trung-quốc, mở đầu cho thời kỳ cách mạng dân chủ mới. Trong những năm 1918—1922, cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Ấn-độ chống ách thống trị của đế quốc Anh diễn ra quyết liệt. Tháng ba, tháng tư năm 1919, nhân dân Triều-tiên khởi nghĩa chống bọn thống trị Nhật-bản. Năm 1919, nhân dân Áp-ga-ni-xtăng giành được thắng lợi trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân Thổ-nhĩ-kỳ tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang

chống bọn đế quốc can thiệp, đã giữ vững được nền độc lập của đất nước. Nhân dân Ai-cập đã vùng lên khởi nghĩa chống thực dân trong những năm 1919 và 1921. Những cuộc bãi công của công nhân, những cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổi lên trong khắp các nước Mỹ-la-tinh. Đặc biệt, năm 1921, cách mạng của nhân dân Mông-cô thu được thắng lợi. Nước cộng hòa nhân dân Mông-cô, được giai cấp vô sản Nga ủng hộ và giúp đỡ, đã đi theo con đường tiến thẳng lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển từ bản chủ nghĩa.

Một đặc điểm nổi bật của cao trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ nhất nói lên ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng tháng Mười, là giai cấp vô sản trẻ tuổi nhiều nước phương Đông đã bước lên vũ đài chính trị, đã tham gia tích cực cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Trong tình hình cao trào cách mạng và ảnh hưởng của tư tưởng Cách mạng tháng Mười lan rộng trong giai cấp vô sản và quần chúng lao động trên thế giới, các Đảng cộng sản được thành lập ở các nước tư bản phương Tây và ở nhiều nước phương Đông. Tháng Ba 1919, Quốc tế cộng sản thứ ba ra đời—trung tâm lãnh đạo mới của phong trào cách mạng thế giới, là tổ chức cách mạng chân chính của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Quốc tế thứ III được thành lập đánh dấu việc toàn thắng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, của tư tưởng Cách mạng tháng Mười vĩ đại.

Tuân theo lời dạy của Lê-nin, Quốc tế cộng sản đã rất quan tâm đến phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa. Đại hội của các dân tộc thuộc địa đã họp ở Ba-cu vào tháng chín 1920, trong đó có các đại biểu của 37 dân tộc tham gia. Vào năm 1921, trường đại học các dân tộc phương Đông đã được xây dựng ở Mát-xcơ-va nhằm đào tạo cho các dân tộc thuộc địa hàng ngàn nhà lãnh đạo chính trị. Đại hội lần thứ I những người lao động Viễn đông đã được triệu tập ở Mát-xcơ-va vào tháng giêng 1922, Đại hội đã chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phong kiến là kẻ thù của các dân tộc bị áp bức, đã nêu lên sự cần thiết phải thành lập khối liên minh giữa các dân tộc bị áp bức và những người vô sản phương Tây.

Sang thời kỳ 1924—1928, phong trào cách mạng của giai cấp vô sản các nước phương Tây tương đối ngừng trệ, nhưng trong các nước phương Đông, cao trào giải phóng dân tộc tiếp diễn do chủ nghĩa đế quốc tăng cường áp bức bóc lột các nước thuộc địa

hòng bù đắp những thiệt hại trong cuộc chiến tranh để quốc vừa qua, do tư tưởng giải phóng của Cách mạng tháng Mười thông qua các Đảng cộng sản tiếp tục ăn sâu lan rộng trong nhân dân lao động thuộc địa, cổ vũ các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh chống bọn đế quốc và phong kiến.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Quốc tế cộng sản, lực lượng của giai cấp vô sản quốc tế và nhân dân lao động được tập hợp lại nhằm chuẩn bị cho những trận chiến đấu quyết liệt sắp tới. Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản họp vào năm 1924 đã nêu rõ công lao vô cùng to lớn của Lê-nin đối với phong trào cách mạng thế giới, đã chính thức xác nhận thuật ngữ chính trị « chủ nghĩa Mác — Lê-nin ». Đại hội đã đề ra việc hôn-sê-vich hóa các Đảng cộng sản theo gương Đảng hôn-sê-vich Nga. Đại hội lần thứ VI của Quốc tế cộng sản họp năm 1928, đã thông qua Cương lĩnh của Quốc tế cộng sản vạch rõ triển vọng to lớn của phong trào cách mạng thế giới đi theo con đường Cách mạng tháng Mười và áp dụng sáng tạo những bài học của Cách mạng tháng Mười. Cương lĩnh nhấn mạnh vai trò của Liên-xô là căn cứ địa của phong trào cách mạng thế giới, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ của giai cấp vô sản quốc tế đối với Liên-xô.

Phong trào cách mạng sôi nổi ở phương Đông trong những năm 1924-1928 và những cuộc chiến đấu giai cấp to lớn vào cuối thời kỳ này ở phương Tây, là những bằng chứng rõ rệt nói rằng sự ổn định của chủ nghĩa tư bản thế giới chỉ là cục bộ và tạm thời, rằng phong trào cách mạng thế giới tương đối ngừng trệ 1924-1928 chỉ là sự xuống thấp giữa hai lần sóng cách mạng.

Năm 1924, phong trào đấu tranh vũ trang rộng lớn diễn ra ở Bo-ra-din dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Năm 1928, ở In-đô-nê-xi-a, đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa vũ trang. Ở Việt-nam, những năm 1924-29 là thời kỳ phong trào yêu nước, phong trào công nhân phát triển rầm rộ, là thời kỳ ra đời của những tổ chức có tính chất cộng sản tiến đến thành lập Đảng cộng sản Đông-dương vào tháng hai 1930. Đặc biệt, cuộc nội chiến cách mạng lần thứ nhất (1924-1927) rộng lớn bùng nổ ở Trung-quốc.

Ở phương Tây, năm 1927 đã bùng nổ cuộc đấu tranh vũ trang của công nhân Áo. Năm 1926, 5 triệu công nhân Anh đã tham gia cuộc tổng bãi công, nó khuấy động phong trào cách mạng ở các nước tư bản châu Âu...

Trong những năm 1929-1939, cao trào cách mạng lại bùng nổ do những hậu quả trực tiếp của cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1939, đồng thời tiếp tục chịu ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng tháng Mười.

Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản (tháng Bảy 1935) đã chỉ rõ *mâu thuẫn chủ yếu của thế giới trong giai đoạn lịch sử trước mắt* — mâu thuẫn giữa nhân dân thế giới yêu chuộng dân chủ, tự do, hòa bình do Liên-xô đứng đầu và chủ nghĩa phát-xít Đức, Ý, Nhật, tập đoàn đế quốc hiếu chiến nhất, phản động nhất, và đã vạch ra *con đường chủ yếu để giải quyết mâu thuẫn đó* — mặt trận thống nhất vô sản, mặt trận nhân dân đối với các nước tư bản, mặt trận dân tộc thống nhất đối với các nước thuộc địa, liên minh của tất cả các lực lượng chống phát-xít trên phạm vi toàn thế giới.

Dưới ánh sáng nghị quyết lịch sử của Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản, nhân dân thế giới đã vùng lên mạnh mẽ tiến hành cuộc đấu tranh chống nguy cơ phát-xít và chiến tranh, bảo vệ Liên-xô. Nhiều cuộc đấu tranh quyết liệt đã diễn ra ở phương Tây và phương Đông, chủ nghĩa phát-xít bị ngăn chặn ở nhiều nơi, tuy rằng cuối cùng chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bùng nổ, vì lúc đó các nước đế quốc hây còn lũng đoạn các quan hệ quốc tế.

Các cuộc đấu tranh vũ trang của công nhân Áo, của công nhân Tây-ban-nha năm 1934 đã nêu lên tinh thần kiên quyết chống chủ nghĩa phát-xít của giai cấp vô sản châu Âu, ngay sau khi bọn phát-xít Hit-le lên cầm quyền ở Đức. Cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân Pháp chống âm mưu lật đổ nền cộng hòa của bọn phát-xít vào tháng hai 1934, đã thực tế chứng minh nhận định đúng đắn của Quốc tế cộng sản nói rằng nguy cơ phát-xít không phải là tất yếu, mà hoàn toàn có thể bị đập tan. Đặc biệt, cuộc nội chiến cách mạng Tây-ban-nha (1936-1939) đã nêu một tấm gương về tinh thần nghị chiến đấu của giai cấp vô sản, về tinh thần kiên quyết bảo vệ dân chủ và độc lập dân tộc của giai cấp vô sản.

Cuộc nội chiến cách mạng lần thứ hai (1927-1937) ở Trung-quốc diễn ra giữa lực lượng cách mạng do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo với bọn phản động Tưởng Giới-Thạch đại diện cho giai cấp địa chủ và tư sản mại bản. Trong thời kỳ này, Mao Trạch-Đông phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười, đã đề ra luận điểm nổi tiếng nông dân là quân chủ lực của cách mạng Trung-quốc, ba phép bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng

là Đảng lãnh đạo, căn cứ địa nông thôn và lực lượng vũ trang, mặt trận dân tộc thống nhất. Ở Ấn-độ, trong những năm 1929-1932 đã bùng nổ cao trào cách mạng đi tới khởi nghĩa vũ trang ở nhiều nơi.

Trong những năm 1929 — 1939, Liên-xô xây dựng xong về cơ bản chủ nghĩa xã hội, uy tín của Nhà nước xô-viết được tăng cường nhanh chóng với tư cách là nhà nước duy nhất kiên quyết bảo vệ hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa phát-xít, đồng thời hết lòng ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Phong trào cách mạng tiếp diễn trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhằm chống bọn chiếm đóng phát-xít Đức, Nhật, Ý, bọn thực dân phản động. Những người cộng sản đã đi đầu trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, đã tỏ rõ là những người yêu nước nhất, tiêu biểu cho lợi ích của toàn dân tộc. Vai trò to lớn của nhân dân lao động trong việc chiến thắng bọn phát-xít, là một đặc điểm nổi bật của chiến tranh thế giới thứ hai.

Liên-xô là người chủ yếu chiến thắng chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, đã cứu vãn loài người khỏi tai họa phát-xít. Chiến công lịch sử đó đã tác động sâu sắc đến bước tiến của lịch sử, đã càng phát huy ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười.

Nhìn chung, phong trào cách mạng giữa hai cuộc chiến tranh thế giới đã bảo vệ được Liên-xô, mở rộng đấu tranh cách mạng ở khắp nơi. Tuy trong thời kỳ này, ngoài Liên-xô ra, cách mạng chưa giành được thắng lợi ở một nơi nào khác, song ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười làm cho phong trào cách mạng thế giới có những thay đổi cơ bản về chất, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi to lớn sau này.

Trước hết, ý thức đấu tranh và tổ chức của giai cấp công nhân ngày một vững mạnh. Trong thời kỳ Quốc tế thứ I, giai cấp công nhân mới có ý thức về sứ mạng lịch sử của mình mà Mác đã nêu trong « Tuyên ngôn Đảng cộng sản », song chưa có đủ lực lượng, chưa có tổ chức mạnh mẽ để tấn công chủ nghĩa tư bản, bảo đảm cho cuộc cách mạng vô sản đầu tiên—Công xã Pa-ri—thắng lợi. Thời kỳ Quốc tế thứ II, chủ nghĩa Mác được phổ biến sâu rộng trong hàng ngũ của giai cấp công nhân nhiều nước, song chủ nghĩa tư bản còn trong giai đoạn phát triển hòa bình, lực lượng nó còn đủ mạnh để đàn áp phong trào cách mạng. Hơn nữa, một bộ phận của giai cấp công nhân—công nhân quí tộc—bị mua chuộc làm cho hàng ngũ của phong trào công nhân không được củng cố, trong sạch. Trong thời kỳ Quốc tế thứ III, phong trào cách mạng thế giới có

cách mạng Nga làm chỗ dựa, nêu gương, nên vững mạnh về tổ chức, về ý thức tin tưởng vào khả năng và tiền đồ thắng lợi của mình, cho nên dù tạm thời ở thế thủ vẫn không hoang mang, dao động, mà biết rèn luyện, tổ chức đội ngũ, chuẩn bị xông lên giành thắng lợi cuối cùng.

Cách mạng tháng Mười cũng đem lại cho phong trào cách mạng dân tộc một nội dung đấu tranh mới, một người lãnh đạo mới, vạch ra con đường phát triển tất thắng của cách mạng. Nếu trước Cách mạng tháng Mười, nhân dân các nước thuộc địa và lệ thuộc còn mò mẫm tìm con đường giải phóng, thì sau năm 1917, họ đã tìm được người lãnh tụ chân chính của mình—giai cấp vô sản, họ đã nhận thấy cách mạng giải phóng dân tộc phải là một bộ phận của cách mạng vô sản, phải tiến theo con đường Nga—con đường xã hội chủ nghĩa—mới thực sự được giải phóng. Cho nên, quyền dân tộc tự quyết do Lê-nin nêu ra, có tiếng vang rộng lớn và được hoan nghênh nhiệt liệt ở các nước thuộc địa. Phong trào giải phóng dân tộc sau Cách mạng tháng Mười từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ chuyển sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo, với xu thế tất yếu tiến tới cách mạng vô sản.

Cao trào cách mạng thế giới từ 1945 đến nay ở thế tấn công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc, đã và đang đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bắt đầu cao trào cách mạng thế giới mới sâu rộng chưa từng thấy trong lịch sử và phát triển liên tục ngày càng mạnh mẽ. Đồng chí Lê Duẩn viết: « Giai đoạn hiện nay rõ ràng là giai đoạn mà các lực lượng cách mạng, đứng trên phạm vi toàn thế giới mà nói, đang ở thế chiến lược tấn công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc » (1).

Phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm phe xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa. Nó đã thu được những thắng lợi cực kỳ to lớn, làm cho địa vị thống trị, ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc bị suy giảm mạnh mẽ.

(1) Lê Duẩn — Về những vấn đề quốc tế, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, trang 78.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời là thành tựu to lớn nhất của cao trào cách mạng vô sản trong giai đoạn cách mạng thứ hai từ 1945 đến hiện nay, là nhân tố chính và quyết định giai đoạn thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Ngày nay, phe xã hội chủ nghĩa chiếm 1/4 đất đai thế giới, 1/3 nhân loại, có lực lượng chính trị, kinh tế, quân sự hùng hậu, đủ sức một mình đương đầu thắng lợi với phe đế quốc chủ nghĩa. Vì vậy, hệ thống xã hội chủ nghĩa là thành trì vững chắc của cách mạng thế giới và hòa bình thế giới, là lực lượng lãnh đạo và đội quân chủ lực trong việc *trực diện tấn công* mạnh mẽ vào bọn đế quốc trên mọi trận tuyến. Cuộc tấn công hiện nay là sự tiếp tục và phát triển cao hơn, sâu hơn, quyết liệt hơn cuộc tấn công của Cách mạng tháng Mười Nga và Liên-xô trước đây.

Cao trào giải phóng dân tộc Á-Phi-Mỹ la-tinh và châu Đại dương đang dồn dập tấn công vào chủ nghĩa đế quốc thực dân với khí thế cách mạng vô cùng dũng mãnh. Á-Phi-Mỹ la-tinh hiện nay là nơi vũ bão cách mạng, nhân dân Á-Phi-Mỹ la-tinh đang trực tiếp đương đầu với chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Chính vì vậy, sau hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, ở đây là nơi hàng ngày đã và đang diễn ra những biến đổi sâu sắc, là nơi nhân dân đang *đánh mạnh vào hậu phương rộng lớn* của các nước đế quốc, làm cho nó chóng suy yếu và sụp đổ.

Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và quần chúng lao động các nước tư bản chủ nghĩa chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, vì hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ sau chiến tranh phát triển rộng lớn, *dính ngay vào sào huyệt* của các nước đế quốc. Tuy đang còn gặp những khó khăn, nhưng phong trào đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa đang góp phần to lớn vào việc đập tan chính sách gây chiến của chủ nghĩa đế quốc, làm suy yếu tiềm lực kinh tế, hạ uy thế chính trị của chúng và giành được những quyền lợi hàng ngày của mình.

Thực tế lịch sử thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai chứng tỏ rõ rệt rằng lực lượng cách mạng thế giới đã mạnh hơn lực lượng đế quốc phản động. Do đó, *thế tấn công liên tục là một thực tế khách quan* đối với các lực lượng cách mạng trên thế giới hiện nay. Và chính là *phát huy điều kiện chủ quan tấn công liên tục* vào chủ nghĩa đế quốc, mà các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đã liên tiếp đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc hết vị trí này đến vị

trí khác, đã đánh đổ từng bộ phận hệ thống tư bản đế quốc, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc. Dĩ nhiên sự thất bại tạm thời, cục bộ của phong trào cách mạng ở một vài nơi vì điều kiện chủ quan riêng vẫn không làm ngưng trệ thế chiến lược tấn công liên tục vũ bão của cách mạng thế giới vào phe đế quốc chủ nghĩa.

Những sự kiện lịch sử trên thế giới trong 20 năm qua kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đã nói lên rằng cao trào cách mạng thế giới đang *tấn công vào thành trì của chủ nghĩa đế quốc từ nhiều phía khác nhau*, đang thực hiện cuộc tấn công vào chủ nghĩa đế quốc bằng *sức mạnh tổng hợp của chính trị, kinh tế, tư tưởng*, nhưng chủ yếu là cuộc tấn công bằng chính trị.

Các lực lượng cách mạng trên thế giới đã và đang tấn công chủ nghĩa đế quốc từ hai phía chủ yếu — đấu tranh cách mạng nhằm tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc giành giải phóng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới chống chính sách gây chiến của phe đế quốc phản động hòng dùng chiến tranh tiêu diệt phong trào cách mạng và củng cố chủ nghĩa tư bản già cỗi. Chiến thắng lịch sử của Quân đội xô-viết trong chiến tranh thế giới thứ hai, các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân của các nước Trung Đông Âu, Việt-nam, Trung-quốc, Triều-tiên, Cu-ba đã đưa tới sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt các lục địa Á — Phi — Mỹ la-tinh, hơn 50 nhà nước độc lập với những mức độ khác nhau đã ra đời. Và nhân dân Á — Phi — Mỹ la-tinh hiện nay đang còn phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, chủ yếu là chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới thu hút hàng trăm triệu người đã và đang góp phần to lớn vào việc ngăn chặn âm mưu gây chiến tranh thế giới mới của phe đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu. Đồng thời, các cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân, nhân dân lao động các nước tư bản đế quốc, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc góp phần tích cực vào việc củng cố hòa bình thế giới, vì phong trào đấu tranh cách mạng trực tiếp làm suy yếu lực lượng của chủ nghĩa đế quốc. Cho nên hiện nay, cuộc đấu tranh của mỗi dân tộc có hai mặt: vì độc lập dân tộc và vì hòa bình thế giới.

Sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới có đường lối chính trị đúng đắn, lại

đạt được những thành tựu rực rỡ trong công cuộc xây dựng xã hội mới, là sự tấn công mãnh liệt nhất vào sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Trung-quốc, Việt-nam, Triều-tiên, Cu-ba, các nước Trung Đông Âu đã chọn con đường Cách mạng tháng Mười. Những sự kiện lịch sử đó chứng tỏ hùng hồn rằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin « tung ra bốn biển » đều đúng, rằng lý tưởng Cách mạng tháng Mười đang cổ vũ và hướng dẫn nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội không còn người bóc lột người. Đó là hướng tấn công mãnh liệt nhất của phe xã hội chủ nghĩa vào thành trì của chủ nghĩa đế quốc.

Chính sách đối ngoại cách mạng và đúng đắn của các nước xã hội chủ nghĩa — kiên quyết bảo vệ hòa bình thế giới và hết lòng ủng hộ phong trào cách mạng thế giới — lại là một hướng tấn công mạnh mẽ của phe xã hội chủ nghĩa vào phe đế quốc chủ nghĩa. Thực tiễn cách mạng trong hơn 20 năm qua đã chứng tỏ rằng chính là tư tưởng Cách mạng tháng Mười vĩ đại đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân Á-Phi—Mỹ la-tinh, đồng thời phe xã hội chủ nghĩa lại là chỗ dựa vững chắc cho các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức.

Sự lớn mạnh nhanh chóng của toàn phe xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với những thành tựu rực rỡ về chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật, là sự lên án nghiêm khắc chế độ tư bản chủ nghĩa già cỗi. Một trong nhiều thí dụ rõ rệt nói lên tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản là công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc. Không đầy 20 năm từ khi bước vào thời kỳ độc lập, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đã từ một nước nửa thuộc địa lạc hậu trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế phát triển, nền khoa học kỹ thuật tiên tiến. Đặc biệt, những thành tựu kỳ diệu của nhân dân Trung-quốc trong lĩnh vực nghiên cứu hạt nhân, việc Trung-quốc ba lần thử thành công bom hạt nhân và ngày 17 tháng sáu năm nay lại thử thành công bom khinh khí, đang gây niềm phấn khởi tự hào sâu sắc trong các dân tộc phương Đông.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là sự kế tục và sự phát huy sự nghiệp của Cách mạng tháng Mười. Phe xã hội chủ nghĩa ngày càng trở thành trung tâm thu hút và hướng dẫn tất cả mọi lực lượng cách mạng, dân chủ và hòa bình chống chủ nghĩa đế quốc và mọi thế lực phản động khác.

Phong trào cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc nằm trong hệ thống tư bản chủ nghĩa đang ngày càng xích tới cuộc đấu tranh quyết liệt, là những lực lượng vĩ đại quyết định vận mệnh của chủ nghĩa đế quốc. Một đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc hiện nay nói lên sự tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc, là khả năng thực hiện cách mạng không ngừng, từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của các dân tộc bị áp bức. Trung-quốc, Việt-nam, Triều-tiên, Cu-ba, Mông-cổ từ cách mạng giải phóng dân tộc đi thẳng tới cách mạng giải phóng xã hội, đang là những tấm gương về tinh thần cách mạng triệt để cổ vũ mạnh mẽ nhân dân lao động Á—Phi—Mỹ la-tinh.

Phong trào cách mạng thế giới ngày nay lại có *phong trào cộng sản quốc tế là phong trào chính trị to lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trong thời đại hiện nay làm nòng cốt*. Nếu Quốc tế thứ II bao gồm chủ yếu các Đảng xã hội dân chủ ở châu Âu, thì Quốc tế thứ III là tổ chức của giai cấp công nhân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên toàn thế giới. Hiện nay, phong trào cộng sản quốc tế có 90 Đảng cộng sản và công nhân với trên 42 triệu đảng viên. Ngày nay, chủ nghĩa Mác—Lê-nin, lý tưởng Cách mạng tháng Mười đã trở thành kim chỉ nam cho hành động của hơn 1.000 triệu người trong phe xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Những lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đã chinh phục được con tim, khối óc của hàng trăm triệu người trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Đó là cuộc tấn công lịch sử của hệ tư tưởng vô sản vào thành trì của hệ tư tưởng tư sản đế quốc và mọi loại tư tưởng phản động khác.

Đứng trước cơn bão táp cách mạng ngày càng sôi sục, phe đế quốc chủ nghĩa đã buộc phải lui về thế thủ, mặc dầu bọn phản động đế quốc do Mỹ cầm đầu điên cuồng tìm mọi cách ngăn chặn bước tiến của lịch sử.

Trải qua chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ tạm thời vươn lên trên cơ sở sự suy yếu của toàn phe đế quốc, đã hùng hổ đề ra kế hoạch xâm lược toàn thế giới để thiết lập quyền bá chủ thế giới cho giai cấp tư bản lũng đoạn Mỹ. Nhưng chính đế quốc Mỹ đã bị những thất bại nặng nề ở Trung-quốc, Triều-tiên, Việt-nam, Cu-ba và ở nhiều nơi khác trên thế giới. Trong chiến lược chính trị, đế quốc Mỹ đã bị động chuyển từ « chính sách thực lực » chủ trương giải quyết mọi vấn đề quốc tế có lợi cho Mỹ bằng những hành động xâm lược, gây chiến trắng trợn, sang cái gọi

là « chiến lược hòa bình » trong thực chất là nhằm che-đậy những hành động xâm lược bằng những lời lẽ hòa bình giả dối. Về mặt quân sự, đế quốc Mỹ cũng đã phải thay đổi nhiều lần chiến lược quân sự chứng tỏ sự lúng túng bị động đối phó với phong trào cách mạng thế giới (chiến lược « áp chế » trong thời kỳ Tơ-ru-man (1945 — 1953), chiến lược « trả đũa ào ạt » (1953—1960), chiến lược « phản ứng linh hoạt » (từ 1961), hiện nay trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ lại đề ra cái gọi là lý luận « leo thang chiến tranh »).

Đặc biệt, Việt-nam hiện nay đang là nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa những lực lượng cách mạng nhất và những lực lượng phản động nhất trong thời đại ngày nay. « Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là trung tâm hiện nay của cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân thế giới... » (1) Ý chí quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ của nhân dân Việt-nam, chiến lược tấn công của cách mạng Việt-nam hiện nay cũng như thế bị động sa lầy đến tận cổ của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, có thể nói là hình ảnh tập trung của tình hình đấu tranh giữa các lực lượng cách mạng và các lực lượng phản động trên phạm vi toàn thế giới.

*

Từ những sự kiện lịch sử chủ yếu trên đây, có thể rút ra những kết luận cơ bản sau đây chỉ rõ nội dung, phương hướng và đặc điểm của quá trình phát triển của phong trào cách mạng thế giới trong 50 năm qua :

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại đã giải phóng thực sự giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức. Hồ Chủ tịch đã viết : « Như ánh mặt trời rạng đông xua tan bóng tối, cuộc Cách mạng tháng Mười đã chiếu rọi ánh sáng mới vào lịch sử loài người » (3). Chính vì vậy, Cách mạng tháng Mười có ảnh hưởng sâu rộng, có tác động sâu sắc đến sự phát triển của lịch sử loài người, mà không một cuộc cách mạng nào có thể so sánh được.

Cách mạng tháng Mười đã mở ra thời kỳ mới cho phong trào cách mạng thế giới — thời đại cao trào cách mạng vô sản thực hiện việc chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

Ánh sáng Cách mạng tháng Mười đã chiếu sáng bước đường phát triển của cách mạng

— Giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới hiện nay. Đồng chí Lê Duẩn đã nói : « Xác định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là vấn đề cốt tử của cách mạng thế giới cũng như ở trong mỗi nước » (2).

— Con đường Cách mạng tháng Mười là con đường cách mạng triệt để giải phóng thực sự nhân dân lao động bị áp bức bóc lột, là con đường duy nhất đúng và tất yếu trong thời đại hiện nay.

— Thực tiễn cách mạng trên thế giới trong nửa thế kỷ qua đã hoàn toàn chứng minh dự kiến thiên tài của Lê-nin về quá trình chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, về quá trình phát triển của cách mạng vô sản thế giới. Cách mạng vô sản thắng lợi từng bước ở những khâu yếu nhất trong dây chuyền đế quốc chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội từ trong phạm vi một nước phát triển thành một hệ thống thế giới. Và đa số nhân loại sẽ trải qua con đường tự giải phóng dân tộc tiến tới giải phóng hoàn toàn về xã hội.

— Hệ thống tư bản chủ nghĩa không còn là hệ thống xã hội duy nhất trên thế giới ; hơn nữa nó ngày càng sụp đổ từng mảng lớn, ngày càng đi sâu vào con đường tổng khủng hoảng. Kết quả là lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới đã thay đổi tận gốc — lực lượng cách mạng của nhân dân từ yếu chuyển sang mạnh, lực lượng đế quốc và các thế lực phản động khác chuyển từ mạnh sang yếu, và ngày nay lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội đã lớn mạnh hơn lực lượng phe đế quốc phản động và hiếu chiến do Mỹ cầm đầu.

Việt-nam. Hồ Chủ tịch vạch rõ : « Nhờ Đảng cộng sản Pháp và Đảng cộng sản Trung-quốc, những người cách mạng Việt-nam đã được tiếp thụ ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng

(1) Trích bài nói của Thủ tướng Phạm-văn-Đồng tại Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước.

(2) Lê Duẩn : « Vai trò của giai cấp công nhân Việt-nam và nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn trước mắt », báo Nhân dân, số 4768, ngày 29-4-1967.

(3) Hồ-chí-Minh : « Cách mạng tháng Mười và sự nghiệp giải phóng các dân tộc phương Đông », trong Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, trang 157.

tháng Mười và chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Điều đó, tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn» (1).

Ngày 3 tháng Hai 1930, Đảng cộng sản Đông-dương ra đời. Lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt-nam được vạch ra một cách đúng đắn — mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt-nam chủ yếu là nông dân với đế quốc thực dân Pháp, mâu thuẫn giữa nông dân chiếm tuyệt đại đa số trong dân tộc Việt-nam với địa chủ phong kiến; quần chúng công, nông được xác định là động lực cơ bản của cách mạng Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Đảng lại chỉ rõ cách mạng Việt-nam trải qua hai giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc và phong kiến, cách mạng vô sản giải phóng nhân dân lao động.

Thời kỳ cao trào cách mạng ở Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản Việt-nam bắt đầu. Xô-viết Nghệ-Tĩnh, khởi nghĩa Nam-kỳ, khởi nghĩa Bắc-sơn, Cách mạng tháng Tám lật đổ ách thống trị của phát-xít Nhật và chế độ phong kiến hàng ngàn năm, cuộc kháng chiến lâu dài chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ, công cuộc chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền

Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước, là những cuộc tấn công to lớn và liên tục vào chủ nghĩa đế quốc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân Việt-nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đã từ địa vị một dân tộc nô lệ tiến tới địa vị một dân tộc anh hùng, đã đánh thắng đế quốc Nhật, đế quốc Pháp, nhất định đánh thắng đế quốc Mỹ, và đang xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc.

Hiện nay, Cách mạng tháng Mười Nga vẫn phát huy ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào cách mạng thế giới, những bài học của Cách mạng tháng Mười vẫn còn nguyên giá trị cho bất cứ cuộc đấu tranh cách mạng nào trên thế giới. Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười, phát huy ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười, học tập, vận dụng sáng tạo các bài học của Cách mạng tháng Mười là nhiệm vụ của mọi người cách mạng trên thế giới. Nhân dân ta hiện nay thực hiện đúng đắn, đầy đủ và sáng tạo những nhiệm vụ nói trên nên càng tin tưởng chắc chắn vào thắng lợi tất yếu của mình.

(1) Sách đã dẫn, tr. 171.

Cách mạng Việt-nam với các...

(Tiếp theo trang 20)

so với thời Pháp thuộc. Do đó, đồng bào càng tin yêu Đảng, càng cố kết với chế độ mới.

Bài học thứ năm là vai trò của lãnh tụ dân tộc có tác dụng rất lớn trong việc đoàn kết các dân tộc, động viên, cổ vũ sản xuất và chiến đấu. Thực vậy, đức độ, tác phong quần chúng của Hồ Chủ tịch có tác dụng cảm hóa mọi người. Không có một đồng bào nào được gặp Người — khi còn là « Ông cụ mặc áo Nùng » ở khu giải phóng cũng như khi đã làm Chủ tịch nước tiếp các đại biểu dân tộc ở Phủ Chủ tịch — mà lại không cảm thấy Người chỉ thiết với mình. Người luôn luôn khuyên bảo các dân tộc: « Giang sơn và chính phủ là giang sơn và chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên các dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta

và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng để giữ gìn quyền tự do, tự chủ của chúng ta » (1).

Dưới ánh sáng của Cách mạng tháng 10 vĩ đại và những bài học kinh nghiệm quý báu về vấn đề dân tộc mà Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn cách mạng ở nước ta, theo đường lối của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, các dân tộc ở Việt-nam đang vững bước tiến lên, quật ngã quân xâm lược Mỹ, hoàn thành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Tháng 8-1967

(1) *Hồ-chí-Minh tuyển tập* — Nhà xuất bản Sự thật — 1960 — trang 235.

Một số tư liệu về Cách mạng tháng Mười Nga đối với Cách mạng Việt-nam

Năm 1930, ngay sau khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập, Đảng đã công bố một loạt văn kiện hoan nghênh Cách mạng tháng Mười và ủng hộ Liên-bang Xô-viết.

Trong 13 khẩu hiệu của bản Luận cương chính trị cách mạng tư sản dân quyền cũng tức cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của chúng ta đã có những khẩu hiệu ủng hộ Liên bang Xô-viết, con đẻ của Cách mạng tháng Mười. Và, cũng từ đó, mỗi năm cứ đến dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, trên các báo chí của Đảng đều có những bài giới thiệu và ủng hộ Cách mạng tháng Mười. Năm 1930, đã xuất hiện tờ « Truyền đơn kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga — Kỷ niệm thứ 13 cuộc đại thắng Cách mạng tháng Mười » như sau :

Kỷ niệm thứ 13 cuộc đại thắng Cách mạng tháng Mười

Thợ thuyền và lao động các nước !

Ngày 7 tháng 11, cùng nhau thị uy phản kháng đế quốc chiến tranh !

Ủng hộ Nga Xô-viết ! Ủng hộ vô sản chuyên chính !

Cách mạng tháng Mười là cái kết quả thực hiện của chủ nghĩa Mác — Ăng-ghe-n, mà Lê-nin là đồ đệ trung thành đã hiểu thấu và noi theo trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại lập chính quyền vô sản để kiến thiết xã hội chủ nghĩa theo cách khoa học.

Cách mạng tháng Mười thành công là vì có đảng Bôn-sê-vich do Lê-nin làm thủ lĩnh, tổ chức rất nghiêm ngặt theo con đường cách mạng tranh đấu của chủ nghĩa Mác, chỉ dẫn thợ thuyền và kéo nông dân lao động làm cách mạng được toàn thắng.

Cách mạng tháng Mười đại thắng không phải là một sự biến động thường trong lịch sử, mà

chính là bước đầu tiêu diệt của chế độ tư bản khai xương uống máu kẻ làm ăn.

Lê-nin học lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin đem tài học và kinh nghiệm tranh đấu thực hành ở thời đại thế giới cách mạng. Lê-nin phân tích rành rẽ các cuộc vận động cách mạng tư bản ở Âu Mỹ, các vận động cách mạng vô sản đã qua, và nhất là học xét tỉ mỉ những điều lầm lỗi của Paris Công xã 1871, cách mạng Nga 1905, nên đã luyện đảng Bôn-sê-vich thành đội quân tiên khu của giai cấp vô sản vững như đồng, cứng như sắt. Nhờ sức tranh đấu rất quyết liệt của thợ thuyền và nông dân hàng mấy trăm năm, kinh nghiệm đã nhiều hy sinh cũng lắm, và cũng nhờ đảng Bôn-sê-vich tổ chức rất vững vàng mạnh mẽ nên một phần sáu địa cầu mới thoát vòng tư bản, phong kiến.

*

Lúc trước Nga là một xứ quân chủ chuyên chế, đế quốc khoét đào, tư bản bóc lột, quân phiệt hoành hành 118 dân tộc, 160 triệu nhân dân, trừ ra một năm người được hưởng lợi, còn thì đều bị ở dưới ách của chế độ Nga hoàng.

Đế quốc Nga rất rộng lớn, song cũng rất là hậu tiến đối với các xứ tiền tiến Âu Mỹ thì chỉ là một xứ nông phổ thuộc địa mà thôi. Thợ thuyền và nông dân bị bóc lột rất ghê gớm, thợ đàn bà trẻ con càng khốn khổ hơn, chẳng khác nào ở Đông-dương vậy. Các dân tộc thuộc địa của Nga hoàng thì lại lầm than kẻ ra khôn xiết. Mỗi năm đói rét, dịch tễ, chết không biết bao nhiêu, còn bọn tư bản và lũ công hầu thì vẫn sung sướng vui chơi trên đồng xương vô định.

Kịp đến hồi đại chiến tranh 1914, bọn Nga hoàng theo liệt cường đế quốc đem thợ thuyền và nông dân ra bắn giết nhau với thợ thuyền và nông dân Đức — Áo, hàng triệu người phải

bỏ xác chốn sa trường. Ở trong nước, kinh tế tiêu điều, thương mại đình trệ. Phần thì đói rét chết không biết bao nhiêu, phần thì trước bị bọn Nga hoàng sau bị bọn xã hội khủng bố, mỗi mỗi đều là những cái nguyên nhân làm cho quần chúng nổi dậy.

*

Thợ thuyền và nông dân bị đói chết, bị tàn sát như vậy, lại không có một chút may mắn tự do quyền lợi gì, cũng như Đông-dương ở dưới quyền đế quốc Pháp. Trước chính phủ quân chủ áp chế thế nào, thì sau chính phủ dân chủ tư bản áp chế cũng thế, vì hình thức tuy có đổi, nhưng cái nguyên chất tư bản bóc lột vẫn còn; ngoài biên thì lính tráng vẫn phải nằm chờ đạn, cho nên đều sức rục rục đứng lên, đòi: cơm ăn, ruộng đất và hòa bình.

*

Song những điều kiện ấy giai cấp tư bản không thể nào giải quyết được, trừ phi giai cấp vô sản hợp với nông dân lao động nổi lên làm cách mạng mới giải quyết xong. Đảng Bôn-sê-vich là đảng của giai cấp vô sản bèn hiệu triệu quần chúng đứng lên ngày 7 tháng 11, cướp lấy chính quyền, lập chính phủ Xô-viết của Thợ thuyền Nông dân Bình lính. Chính phủ Xô-viết tịch ký tất cả của cải của bọn đế quốc, tư bản, phong kiến, nhà máy giao cho thợ thuyền; ruộng đất cấp phát cho nông dân; giải phóng cho đàn bà, cho quyền lợi như đàn ông; cho các dân tộc nhỏ yếu bị áp chế khi trước được quyền tự quyết; lập Hồng quân cách mạng của thợ thuyền và nông dân bảo vệ cho cách mạng.

*

Cách mạng Nga tháng Mười đứng 13 năm nay; chính quyền vô sản được 13 tuổi. Chế độ xã hội của vô sản củng cố ngày nào là cái nguy cơ cho chế độ tư bản thối tha ngày ấy. Không những bọn tư bản mất chỗ cướp bóc nguyên liệu, tiêu thụ hàng hóa lợi dụng nhân công ở một phần sáu mặt đất mà muốn đánh phá Nga Xô-viết, mà vì Nga Xô-viết lại là cái lò nung nấu cách mạng, cái thành trì của thế giới cách mạng.

Cách mạng tháng Mười chẳng những thành công về đường chính trị mà lại đắc thắng về đường kinh tế nữa. Bọn tư bản phong kiến Nga để lại hương hỏa không bao nhiêu: một xíu không công nghiệp, nông nghiệp thì còn theo lối tiền tư bản và phong kiến. Bởi vậy muốn cho Liên bang Xô-viết độc lập về kinh tế không

phải đầu hàng đế quốc, và có đủ điều kiện kiến thiết xã hội chủ nghĩa, chính phủ phải dùng sức phi thường, một mặt mở mang kỹ nghệ (như kỹ nghệ làm máy móc, v.v...), một mặt mở mang nông nghiệp, tổ chức nông dân vào đường làm ăn công cộng.

Anh chị em thợ thuyền Nga xây đắp nền xã hội rất sốt sắng hăng hái, vì họ hiểu rằng làm là làm cho họ, chứ không phải làm cho quân thù tư bản. Bọn tư bản đế quốc thấy vậy rất kinh hồn. Chúng hết cách tổ chức phá Xô Nga, nào cấp tiền cho bọn phản cách mạng, nào giúp quân nhu cho các xứ Balkan, nào xúi bọn quân phiệt Tàu cướp đường xe lửa Trung Đông để gây chinh chiến, nào cầm đầu các nước nhỏ thắt chặt đường kinh tế để ngăn cản việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

*

Song thợ thuyền thế giới không cho quân thù đứng tới Liên bang Xô-viết. Mỗi năm đến ngày 7 tháng 11, anh em khắp các nước đều biểu tình ủng hộ tổ quốc của lao động.

Nhưng đến lần kỷ niệm thứ 13 này không phải ta chỉ còn ở trong cái thời kỳ tuyên bố biểu đồng tình với Xô Nga mà thôi. Đường lúc này là lúc khủng hoảng kinh tế làm rung động hoàn cầu là lúc thợ thuyền tranh đấu với tư bản rất kịch liệt, sinh mệnh giai cấp thợ thuyền toàn thế giới càng liên lạc khăng khít chết sống với Cách mạng tháng Mười. Mỗi một cuộc thắng lợi về việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở Xô Nga là một cuộc thắng lợi của giai cấp vô sản thế giới. Mỗi một cuộc mưu phá Xô Nga là một cuộc mưu hại đến quyền lợi sinh hoạt của thợ thuyền các nước. Những cường quốc mưu đồ phá hoại Xô Nga bằng chiến tranh hay bằng kinh tế, chính là những bọn thắt chặt trình độ sinh hoạt của thợ thuyền, của cả lao động thành thị thôn quê ở các nước tư bản và các thuộc địa.

Bởi thế việc ủng hộ Xô Nga không bao giờ xung hợp với việc chống giữ quyền lợi sinh hoạt của lao động thiết thực như bây giờ. Bảo hộ Xô Nga nghĩa là bảo hộ giai cấp vô sản chống với sự tiến công của tư bản, chống với chế độ khủng bố và độc tài phát-xít.

*

Cách mạng tháng Mười chói sáng khắp năm châu. Ánh sáng ấy làm cho thợ thuyền và nông dân, mà nhất là anh em ở các xứ bị áp chế, tỉnh dậy theo gương các đồng chí ở Xô Nga. Dưới cờ Quốc tế cộng sản của Lê-nin chúng ta sẽ nổi lên diệt trừ chế độ tư bản sau này.

Cách mạng tháng Mười Nga thành công muôn năm ! Thế giới cách mạng muôn năm !

(Theo Báo vô sản, cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp (S.F.I.C.)

số 3 ra ngày 7-11-1930, năm thứ nhất
Theo nguyên văn bản chụp phim của Viện Bảo tàng Cách mạng, số 473b.

Đây là truyền đơn « Tuyên truyền đại cương kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga năm 1930 » của xứ ủy Nam-kỳ.

Tuyên truyền đại cương kỷ niệm Cách mạng tháng Mười (Nga) năm (1930).

Cuộc Cách mạng tháng Hai 1917, vô sản và nông dân đánh trúc Nga hoàng lập. Chánh phủ Xô-viết, đó là cuộc Cách mạng tư sản dân quyền. Nhưng lúc bấy giờ giai cấp vô sản và nông dân chưa có tổ chức kiên cố. Vì thế nên tuy vô sản và nông dân nổi lên bạo động đánh trúc Nga hoàng mà rốt cuộc chánh quyền về tay tư bản. Cách mạng tư sản dân quyền được thành công thành lập chánh phủ lâm thời, nhưng chưa thi hành được nhiệm vụ căn bản nào cả : Nghĩa là, không tịch kỹ ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày, không thực hành giải phóng các dân tộc thiểu số, thế thì sau cuộc Cách mạng tháng Hai phải có cái chuyển hướng trên con đường chính trị và kinh tế của Đảng Bôn-sê-vich. Cũng bởi chánh phủ lâm thời trước khi nắm chánh quyền thì hứa hẹn này nọ rất nhiều với quần chúng lao động nên chiếm được đa số trong các Xô-viết, tiếp đến sau khi chánh quyền về tay chúng nó rồi, thì chúng nó không dám đã động đến quyền lợi của tư bản, cũng không thi hành được một mảy may gì những lời hứa với quần chúng công nông, không những vậy mà lại còn ra mặt phản động (bắn lính cách mạng, lấy súng của lính và thợ cách mạng bắt phái Bôn-sê-vich, phá nhà báo cách mạng, theo hùa với đế quốc Anh, Pháp khởi chiến lại với Đức v.v...) vì thế nên bắt đầu từ tháng 7 quần chúng Công Nông tự kinh nghiệm gỡ mắt nạ chánh phủ lâm thời, phản cách mạng, nổi lên biểu tình thị oai đã đảo chánh phủ lâm thời, và lại giữa lúc này dân chúng hết sức đói rét nền kinh tế trong xứ rất nguy nan. Đảng Bôn-sê-vich nhân cơ hội nỗ lực tuyên truyền cổ động, hô cao các khẩu hiệu « Phất bánh cho dân » « Dứt chiến tranh » « Đảo đảo chánh phủ lâm thời ». Quần chúng Công Nông Bình hết sức hưởng ứng chiếm được đa số trong Xô-

viết. Ngày 25 tháng Mười 1917 mới nổi lên làm võ trang bạo động đánh trúc chánh phủ lâm thời, chánh quyền hoàn toàn về tay giai cấp vô sản lập chính phủ Xô-viết, chấm dứt chiến tranh với Đức, cho các dân tộc thiểu số được quyền tự quyết, tịch kỹ ruộng đất chia cho dân cày, quốc hữu hóa những cơ quan sanh sản chánh. Đó là cuộc Cách mạng tháng Mười được thành công triệt để, quần chúng Công Nông Nga được hoàn toàn giải phóng ách nô lệ vậy. Nhưng hiện thời Liên bang Xô-viết đương kiến thiết xã hội chủ nghĩa, không giai cấp, không người bóc lột người, không người thất nghiệp, nền kinh tế càng ngày càng thịnh vượng, so với các đế quốc thì trước kia ở cực chót mà nay đã vượt lên cực cao hơn, kế hoạch 5 năm thứ nhất sẽ được hoàn toàn thắng lợi trong 4 năm rưỡi, 180 triệu vô sản ở Liên bang Xô-viết hiện giờ được hưởng hạnh phúc hoàn toàn. Cái kết quả cuộc Cách mạng tháng Mười là cái kết quả rất tinh thần, rất tốt đẹp, rất vẻ vang, toàn thế giới xưa nay chưa từng thấy vậy. Làm cho tư bản chủ nghĩa trên thế giới phải kinh hồn, tìm hết cách để phá hoại mà không sao phá nổi, phải đành khoanh tay nhượng bộ ngay. Cách mạng tháng Mười thành công không những quần chúng vô sản Nga được hoàn toàn giải phóng kiếp nô lệ của mình, mà cái gương ấy chói rọi khắp cả hoàn cầu làm cho vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức toàn thế giới noi theo gương kịch liệt phấn đấu chống với giai cấp bóc lột để cởi ách cường quyền của mình. Cách mạng tháng Mười thành công không những để làm gương cho quần chúng vô sản toàn thế giới noi theo, mà lại thúc dục tinh thần hy sinh cương quyết của công nông toàn thế giới bước ra trường chiến đấu làm cho cách mạng thế giới chóng thành công. Cách mạng tháng Mười thành công không những làm thành tri kiên cố cho ta, mà lại là một bài học rất đáng để cho ta học hỏi kinh nghiệm mà tổ chức cuộc cách mạng thắng lợi ở xứ ta vậy. Và lại hiện tình thế giới ngày nay, trình độ phát triển của tư bản chủ nghĩa đã đến cực điểm rồi, chánh là cái thời kỳ mà chúng nó sắp nhào đầu xuống huyết. Vậy đương cơn nguy cấp chúng muốn sống tạm phải làm sao ? Một là gây cuộc đế quốc chiến tranh, xô đẩy công nông ta ra làm mồi cho tên đạn để cướp giật thuộc địa, thị trường lẫn nhau để tiêu thụ hàng hóa. Hai là tìm hết cách để ép nặn máu mỡ công nông ta để chần chỉnh nền kinh tế của chúng. Riêng về Công nông Đông-dương ta vì chính sách áp bức của thuộc địa càng nặng nề thâm khổ hơn nữa cứ chịu một phần ảnh hưởng ấy, chắc chắn rằng không thể gì tránh khỏi cuộc chết đói, chết bắn với lũ tàn

nhấn kia. Bởi thế nên phong trào tranh đấu càng ngày càng dữ dội, để quốc Pháp lo cho nền thống trị phải nghiêng đổ, bèn dờ hết ngón thủ đoạn dã man để thâm sát và tù đầy chiến sĩ cách mạng ta. Vì vậy mà cuộc kỷ niệm Cách mạng tháng Mười mỗi năm mỗi mới là vì Đảng ta bao giờ cũng liên lạc cuộc kỷ niệm với các quyền lợi nhu cầu của Công Nông lao động. Lại Đảng ta và tùy theo trường hợp mà huy động và tổ chức các hình thức tranh đấu của Công Nông nếu quần chúng sức tranh đấu mà Đảng ta không lãnh đạo chỉ huy chờ tới ngày «đỏ» sẽ tổ chức tranh đấu, thì hết sức nguy hiểm, lại một điều nguy hiểm hơn nữa là, không nhân ngày «đỏ» mà tăng gia sức tuyên truyền cổ động để gây dựng một phong trào Công nông cho mạnh mẽ. Đó chính là chánh sách hoạt đầu, cần phải tranh đấu trừ diệt những lối ấy đi; thì mới mong đoàn thể cách mạng được đông đúc, hàng ngũ Đảng ta được vững vàng, chúng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Mười là cốt để phổ trương lực lượng hùng dũng của Công nông ta và kiên cố thành trì của cách mạng vô sản cũng như để quốc Pháp mỗi năm đến ngày 14 tháng 7 diễu binh tập trận ăn chơi vui mừng là cốt để duy trì chế độ tữ bôn cho bền vững lâu dài. Vì những tình hình trên đây mà cuộc kỷ niệm Cách mạng tháng Mười năm nay hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí phải đứng cảm ra sức tuyên truyền huy động quần chúng ra trường tranh đấu.

LÂM THỜI CHẤP ỦY NAM-KY
(Theo nguyên bản chụp phim của
Viện Bảo tàng cách mạng số: S-CII-1)

Báo Tranh đấu, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt-nam ngày 1-11 năm 1930, số đặc biệt, năm thứ nhất, viết bài kỷ niệm Cách mạng tháng Mười như sau:

Kỷ niệm Cách mạng tháng Mười

Ngày mồng 7 tháng 11 (dương lịch) tức là ngày 25 tháng 10 (lịch Nga) vô sản giai cấp Nga liên hiệp cùng dân cày, binh lính đánh đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản dựng lên nền vô sản giai cấp chuyên chính.

Vô sản Nga làm cách mạng tháng Mười để làm gì? Để mở đường cho việc xây dựng xã hội cộng sản; trong xã hội cộng sản ai cũng làm, ai cũng đủ ăn, đủ dùng như nhau không có phân chia giai cấp, áp bức lẫn nhau như ở xã hội tư bản hiện thời. Con đường đi đến xã hội cộng sản không phải một ngày mà đến ngay được xã hội cộng sản. Trước hết hãy đuổi bọn tư bản đi đã,

rồi vô sản giai cấp nắm lấy hết cả chính quyền vào trong tay và đem sung công các khí cụ sinh sản trọng yếu, để làm việc xây dựng cái xã hội mới. Từ lúc đánh đổ tư bản cho đến lúc xã hội Cộng sản xuất hiện, xã hội phải trải qua một thời kỳ quá độ (1) để xây nền tảng xã hội mới, và để dạy dỗ loài người theo một tinh thần xã hội mới.

Thời kỳ ấy tức là thời kỳ xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội tức là bước đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Xô Nga đương ở vào thời kỳ kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

Con đường kiến thiết xã hội chủ nghĩa. — Muốn gây dựng xã hội theo xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng cái nền móng của nó đã. Cái nền móng đó tức là kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế công cộng. Ta thử xem Xô Nga kiến thiết xã hội chủ nghĩa ra sao? Ở Xô Nga, kinh tế trước sút kém lại gặp 7 năm đế quốc chiến tranh và nội chiến, nền kinh tế bị đổ nát tan hoang. Vậy hồi đầu hãy để cho tư bản nhỏ sống đã, còn đại công nghệ, đại nông nghiệp phải công cộng hóa. Một mặt nhà nước vô sản đã sung công các cơ quan sinh sản trọng yếu và lấy pháp luật quyền luật hết sức hạn chế phần tư bản nhỏ lại, một mặt nhà nước đem tiền của, pháp luật và quyền lực, hết sức khuếch trương nền kinh tế xã hội thì tư bản chủ nghĩa không thể ngóc lên được, chỉ có ngày một tiêu diệt đi thôi, mà phần kinh tế xã hội ngày một bành trướng, lấn áp phần kinh tế tư bản, cho đến lúc nuốt hẳn cả kinh tế tư bản, lúc bấy giờ xã hội chủ nghĩa hoàn toàn ra đời.

Sự thực hành kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở Xô Nga. — Bốn năm đầu sau khi cách mạng Xô Nga bậ về nội chiến đến năm 1921 mới thực bắt đầu kiến thiết nền tảng xã hội mới. Đến năm 1927 Xô Nga phục hưng lại được nền kinh tế như trước hồi đế quốc chiến tranh (1914-1918). Trước kia năm 1928 Xô Nga kiến thiết kinh tế theo chương trình đặt từng năm một, bắt đầu từ tháng 10 năm 1928 đến tháng 10 năm 1930 để kiến thiết xã hội chủ nghĩa cho mạnh hơn. Cái chương trình 5 năm ra đời, tụi tư bản và tụi phần cách mạng đều cho là một việc không bao giờ thực hành được, chúng ta hãy xem sự thực, mới 2 năm đầu mà sự sinh sản tăng quá số dự tính trong chương trình gấp đôi, gấp ba, tăng mau chóng đến nỗi sức sinh sản của nhiều ngành công nghệ đã vượt được sức sinh sản các ngành ấy trong nước Hoa-kỳ là nước tư bản mạnh nhất thế giới. Người ta tính ra rằng: chỉ 4

(1) Thời kỳ quá độ là thời kỳ phải đi qua.

năm hay 3 năm rưỡi là làm xong chương trình định làm trong 5 năm. Kinh tế Xô Nga phát đạt trong 2 năm trời bằng kinh tế các nước tư bản nở mang trong mấy chục năm. Chương trình 5 năm là chương trình cải tạo của Xô Nga.

Lại phải nhớ rằng kinh tế phát đạt như trên là kinh tế xã hội, nghĩa là kinh tế công cộng. Sự sản xuất đồ vật đã tăng lên rất nhiều mà do kinh tế công cộng làm ra, thế nghĩa là thợ thuyền dân cày làm ra bao nhiêu được hưởng bấy nhiêu. Sự sinh hoạt ngày càng sung sướng. Thợ thuyền dân cày Xô Nga được hưởng nhiều quyền lợi chính trị, kinh tế, không có thợ thuyền dân cày nước nào trên thế giới được như thế. Những quyền lợi đó có nhiều lắm nhưng đây bày kê ra mấy thứ đặc biệt:

1. Anh chị em ở Xô Nga nắm hết cả chính quyền vào trong tay, làm chủ trong nước, tự mình cai trị lấy mình.

2. Thợ thuyền tự quản lý lấy các nhà máy, dân cày tự quản lý lấy hợp tác xã, lợi làm ra bao nhiêu, trừ tiền công ngày một cao lên, còn góp vào quỹ công cộng của nhà nước (của mình) để nhà nước đem sửa sang sự sinh hoạt cho toàn thể thợ thuyền dân cày chứ không như ở nước tư bản, tư bản và địa chủ thu hết cả lợi của thợ thuyền, dân cày làm ra để sung sướng riêng.

3. Thợ thuyền, dân cày được nhiều thì giờ thảnh thơi để giải trí, học tập và được học từ bậc ấu học đến đại học không mất tiền nên tri khôn càng nở mang. Sự kiến thiết xã hội chủ nghĩa càng phát đạt thì thợ thuyền và dân cày Xô Nga càng sung sướng, ý nghĩa thông thường của sự kiến thiết xã hội chủ nghĩa là như thế.

Vì sao Xô Nga kiến thiết xã hội chủ nghĩa được mau chóng như thế?

Đương khi công việc làm ăn ở Xô Nga được thịnh vượng về kinh tế phát đạt mau chóng lạ thường như thế thì cả thế giới tư bản mắc phải cái nạn kinh tế khủng hoảng dữ dội xưa nay chưa từng thấy. Bao nhiêu nhà máy, đồn điền, nhà buôn đều đóng cửa thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể, lại còn hàng vạn thợ thuyền... (1) mà không có cơm ăn, việc làm, khổn khổ vô cùng. Vì sao? Chính vì 4 điều này:

1. Sự kiến thiết kinh tế theo một cách chương trình nhất định, theo sự cần dùng của nhân dân và năng lực sinh sản của bộ máy kinh tế, như thế không bao giờ thừa thãi quá, hay thiếu thốn quá, không hoang phí nhiều vật liệu và thì giờ, lại có thể lợi dụng tất cả những vật liệu ở khắp trong nước có thể lợi dụng được.

2. Hợp lý hóa những tiền lời làm ra không úp vào túi một thằng tư bản nào cả, mà thu về nhà nước để nhà nước mở mang thêm kinh tế và những việc công ích.

3. Quần chúng hiểu rằng: mình kiến thiết xã hội chủ nghĩa là để cho mình, nếu không làm nhanh thì các đế quốc chủ nghĩa sẽ đến phá nát công cuộc của mình, vì thế quần chúng hết sức đua tranh làm cho nhanh, cho nhiều, cho tốt, cho rẻ.

(Báo *Tranh đấu* cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt-nam, ngày 1-11-1930, số đặc biệt, năm thứ nhất, số báo này do Đảng bộ Hải-phòng in lại.

Theo nguyên văn bản chụp phim của Viện Bảo tàng cách mạng số: 471b)

Báo *Tân học sinh* số 1 ra ngày 13-11-1930 của Nam-kỳ học sinh liên hiệp Hội đã đăng những tin về các nơi kỷ niệm Cách mạng tháng Mười năm 1930 như sau:

Tin tức kỷ niệm Cách mạng tháng Mười

Công Nông Bình Đông-dương đã thị oai rầm rộ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga. Anh em học sinh cùng biểu tình đồng tình tỏ ý phản kháng chế độ tàn ngược của đế quốc Pháp, quyết đề công nông binh tiêu diệt đũa thù chung.

Các trường:

Tối bữa thứ năm 6—11 thì truyền đơn rải như mưa tuông nơi trường sư phạm Huỳnh-công-Phát, Beaux Arts và Huỳnh-k-Ninh. Qua ngày thứ sáu anh em trường Huỳnh-công-Phát nghỉ một buổi học để kỷ niệm Cách mạng tháng Mười.

Anh em trường Sa-đéc cũng rải truyền đơn và treo bản đồ.

Chợ lớn:

Phước-hưng, 5—11. — Anh em dân cày tụ họp nhau trên đường hơn 200 người diễn thuyết hơn nửa giờ rồi giải tán rất thông thả.

Rạch-kiến 7—11. — Anh em nông dân kéo nhau ra chợ hơn 300, tình đề diễn thuyết nhưng còn đợi anh em lân cận thì lính đến nên giải tán.

Mấy làng kế cận thì đều coi ngày ấy như bữa tết, tụ họp ăn uống đốt pháo.

(1) Mất hai chữ (B.T.).

Gia-định :

Dân làng Tân-lương hợp nhau làm biểu tình thị oai, trưng bản đồ. Linh can thiệp vào, 1 người dân bị thương.

Thủ-dầu-một :

Bữa 7—11, lối 8 giờ rưỡi, hơn trăm nông dân làng Thuận-giáo trưng băng đồ diễn thuyết. Sau đó tụi làng bắt bảy 7 người.

Nghệ-an, Hà-tĩnh :

Tối bữa 7—11 hơn 2.500 anh em nông dân biểu tình thị oai ở Cẩm-lộc, Đô-lương, Yên-xuân, Yên-thanh, Phủ-diên. Linh can thiệp. 40 người chết và bị thương.

Hiện nay nhiều làng trong mấy tỉnh đó đã lập Xô viết Công nông.

(Báo *Tán học sinh* số 1, ra ngày 13-11-1930 của Nam-kỳ học sinh liên hiệp hội.

Theo nguyên bản chụp phim của Viện

Bảo tàng Cách mạng số : b. CII — 1).

* *

Năm 1930 — 1931 do sự khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp đối với phong trào cách mạng nước ta, phong trào có tạm lắng xuống. Nhưng đến cuối 1931, và những năm 1932, 1933, 1934 Đảng bắt đầu và đã phục hồi lại tổ chức. Do đó, đến 1934 nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, báo *Lao động*, cơ quan tuyên truyền địa phương của Chấp ủy Tây Nam-kỳ ra số báo đặc biệt « Lịch sử và ý nghĩa kỷ niệm Cách mạng tháng Mười » : trình bày những lý do khiến cho giai cấp công nhân và nông dân ở Đông-dương phải kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga :

« Chỉ có Đảng Bôn-sê-vich mới bênh vực quyền lợi cho Công Nông và quần chúng lao khổ mà thôi ».

Lịch sử và ý nghĩa kỷ niệm Cách mạng tháng Mười

Ngày 7-11 Tây, lịch Nga vào ngày 25-10-1917, cách đây 17 năm.

Anh em chị em thợ thuyền dân cày, binh lính và quần chúng lao khổ Nga đều ở dưới chế độ rất dã man, rất áp bức bóc lột của bọn Nga hoàng nên anh em chị em lao khổ không thể chịu nổi, tổ chức ra nhiều đoàn thể cách mạng âm mưu lật đổ Nga hoàng. Vì ở Nga có nhiều đoàn thể cách mạng còn non, chưa từng kinh nghiệm về đường đấu tranh, cho nên bị thất bại luôn, mà mỗi lần bị thất bại thì Nga hoàng thẳng tay tàn sát : nào là tù đầy, bắn giết không biết bao nhiêu ; những sự dã man ấy còn hơn Đông-dương ngày nay ! Bọn Nga

hoàng có phải áp bức và tàn sát như vậy mà thôi đâu, chúng nó lại còn lôi kéo quần chúng ra trận năm 1914—1918 nữa.

Nga hoàng áp bức quần chúng một cách vô cùng tàn nhẫn vậy, cho nên trong nước phong trào cách mạng chống với Nga hoàng chẳng khác nào như dầu sôi lửa cháy, Nga hoàng không tài nào bài trừ cho tuyệt.

Đồng thời trong lúc phong trào cách mạng ở Nga đang sôi nổi như vậy, thì có bọn hoạt đầu phản cách mạng là đảng « Xã hội », chúng nó đứng ra hô hào sẽ bênh vực quyền lợi cho công nông. Chúng nó tuyên bố như vậy là để lừa gạt quần chúng làm theo, tăng gia thêm lực lượng đánh đổ Nga hoàng, cướp chánh quyền về tay chúng nó ; ấy là cuộc cách mạng tư sản dân quyền tháng Hai ở Nga.

Sau khi cuộc cách mạng tư sản dân quyền được thắng lợi thì bọn « xã hội » tổ chức ngay ra « chánh phủ Lâm thời của tháng Kê-răng-ky ». Chánh phủ lâm thời tổ chức ra không phải là để bênh vực quyền lợi cho quần chúng mà trái lại chúng nó phản bội quyền lợi của quần chúng, tiếp tục chánh sách của Nga hoàng, kéo quần chúng tham gia chiến tranh.

Thái độ của chánh phủ lâm thời hành động như vậy, quần chúng không tin nhiệm nên đứng ra biểu tình phản đối chánh phủ lâm thời. Bọn chánh phủ lâm thời, không thể dấu cái mặt nạ phản cách mạng được, nên chúng nó ra lệnh bắn giết đám quần chúng biểu tình.

Cái chân tướng phản cách mạng của chánh phủ lâm thời biểu lộ ra như vậy, cho nên Đảng Cộng sản Bôn-sê-vich (bolchevick) Nga gỡ mặt nạ phản cách mạng cho quần chúng được biết.

Cách mấy tháng sau, Đảng Cộng sản Bôn-sê-vich Nga liền ra khẩu hiệu « Phải làm vô trang bạo động cướp chánh quyền về tay vô sản, nông dân ».

Ngày mà Đảng Cộng sản Bôn-sê-vich Nga lãnh đạo quần chúng, đánh đổ chính phủ lâm thời là ngày 7-11-1917.

Ngày ấy là ngày 150 triệu quần chúng lao khổ Nga thoát ly khỏi chế độ áp bức ; ngày ấy là ngày chánh phủ Xô-viết tịch thu ruộng đất của địa chủ mà chia cho dân cày nghèo ; ngày ấy lại còn giải quyết nhiều vấn đề sanh hoạt cho quần chúng lao động nữa, như là : bãi chiến, công nhân ngày làm 8 giờ, có xã hội bảo hiểm, nam nữ bình quyền.

Cách mạng vô sản Nga được thành công, không phải bênh vực quyền lợi cho nước Nga mà thôi, lại còn giải quyết nhiều vấn đề quan trọng cho các dân tộc thiểu số (là dân tộc tự quyết) ; cùng giúp cho cách mạng thế giới mau thành công.

Thành lập Đế tam quốc tế để chỉ huy Cộng sản toàn thế giới. Đó là những điều lợi của cuộc cách mạng tháng Mười được thành công, mở đường sanh lộ cho tất cả quần chúng còn ở trong vòng áp bức và dốt đường chỉ lối cho các dân tộc còn chưa thắng lợi mau thành công, lo kiến thiết xã hội chủ nghĩa, làm cho không còn giai cấp, không người bóc lột người.

(Báo *Lao động*, cơ quan tuyên truyền địa phương Chấp ủy Tây Nam-kỳ.
Số báo đặc biệt ra ngày.... 1934 (1)
Theo nguyên văn bản chụp phim của Viện Bảo tàng cách mạng số: b - CII - 5).

Tại sao Công Nông Đông-dương phải kỷ niệm Cách mạng tháng Mười?

Chúng ta kỷ niệm đây:

1. Vì Cách mạng tháng Mười là một bước đầu tiên thắng lợi của vô sản thế giới.
2. Chúng ta noi theo tinh thần của các chiến sĩ cương quyết hy sinh vì quyền lợi giai cấp tranh đấu mà phải bỏ mình.
3. Chúng ta học kinh nghiệm hay của Cách mạng tháng Mười.
4. Chúng ta vạch mặt chỉ trán bọn Quốc gia cải lương phản cách mạng và bọn chủ trương cực tả hoạt đầu Tờ-rốt-xkit (Troskyste) đồ đệ của Tờ-rốt-ky (Trosky) ở Đông-dương.

PHỤ CHÚ: Ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Mười nên anh em Công Nông chỗ nào có đủ lực lượng kéo ra tranh đấu, biểu tình, họp mit-tinh, diễn thuyết:

a) Nâng cao tinh thần Cách mạng tháng Mười.

b) Thừa cơ hội kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, anh em chị em ra tranh đấu đòi quyền lợi thiết thực của chúng ta như là:

1. Chống các sưu thuế (đòi bỏ hẳn thuế thân).
2. Chống lúa ruộng, lúa vay, tiền thế chun, cống lễ.
3. Công nhân ngày làm 8 giờ, có xã hội bảo hiểm.
4. Trợ cấp cho công nhân thất nghiệp.
5. Đàn bà con nít làm ngang hàng với đàn ông thì tiền lương phải ngang nhau.
6. Đòi tự do đoàn kết, tự do ngôn luận, tự do đi lại của lao động.
7. Phản đối khủng bố trắng, thả tù chính trị.
8. Gỡ mặt nạ lừa gạt của Rô-banh và Ba-rếch.
9. Phản đối phát-xít chủ nghĩa và đế quốc chiến tranh; làm nội chiến cách mạng.

10. Ủng hộ Liên bang Xô-viết là thành trì của thế giới cách mạng.

11. Cách mạng tháng Mười muôn năm!

12. Quốc tế cộng sản muôn năm!

13. Đông-dương Cộng sản muôn năm!

L.N.

(Báo *Lao Nông*, cơ quan tuyên truyền địa phương Chấp ủy Tây Nam-kỳ.
Số báo đặc biệt ra ngày...-....-1934 (2)
Theo nguyên văn bản chụp phim của Viện Bảo tàng cách mạng số: b-CIII-5)

Năm 1935 Đảng lại có «truyền đơn kỷ niệm Cách mạng Nga tháng Mười—ngày 7-11-1935».

Tờ truyền đơn này giống như truyền đơn của lâm thời xứ ủy Nam-kỳ năm 1930 ở trên, nhưng vì ở cuối có những khẩu hiệu mà truyền đơn trên không có, nên căn cứ theo tài liệu của Viện bảo tàng cách mạng, chúng tôi công bố để bạn đọc tham khảo.

Truyền đơn kỷ niệm Cách mạng Nga tháng Mười (Ngày 7-11-1935)

Tuyên truyền đại cương kỷ niệm Cách mạng

Cuộc cách mạng tháng Hai năm 1917 vô sản và nông dân đánh trúc Nga hoàng lập chánh phủ Xô-viết. Đó là cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Nhưng lúc bấy giờ giai cấp vô sản và nông dân chưa có tổ chức kiên cố. Vì thế nên vô sản và nông dân nổi lên bạo động đánh trúc Nga hoàng. Rớt cuộc chánh quyền về tay giai cấp tư bản. Tuy cách mạng tư sản dân quyền được thành công lập chính phủ lâm thời. Nhưng chưa thi hành được nhiệm vụ căn bản nào cả nghĩa là không tịch ký ruộng đất của giai cấp địa chủ chia cho dân cày. Không thực hành giải phóng các dân tộc thiểu số. Thế thì sau cuộc Cách mạng tháng Hai phải có cái chuyển hướng trên con đường kinh tế và chánh trị của Đảng Bôn-sê-vich. Cũng bởi chánh phủ lâm thời trước khi nắm chánh quyền thì hứa này hứa nọ rất nhiều với quần chúng lao động nên chiếm được đa số trong các Xô-viết, kịp đến sau khi chánh quyền về tay chúng nó rồi thì chúng nó không dám đi động đến quyền lợi của tư bản, cũng không thi hành được một mảy gì những lời hứa hẹn với quần chúng công nông. Không những vậy mà lại còn ra mặt phản động (bán linh cách mạng, lấy súng của

(1) Mờ không đọc được (B.T.).

(2) Mờ không đọc được (B.T.).

linh và thợ cách mạng), bắt phái Bôn-sê-vich, phá nhà báo cách mạng, theo hứa với đế quốc Anh—Pháp khởi chiến lại với Đức v.v... Vì thế nên bắt đầu từ tháng 7 quần chúng công nông tự kinh nghiệm, gỡ mắt nạ chánh phủ lâm thời phản cách mạng. Nổi lên thị oai biêu tinh đã đảo chánh phủ lâm thời. Chánh phủ lâm thời đàn áp dữ dội. Và lại lúc này dân sự hết sức đói rách, nền kinh tế trong xứ rất nguy nan. Đảng Bôn-sê-vich nhân cơ hội tuyên truyền cổ động hô các khẩu hiệu « Phát bánh cho dân », « Dứt chiến tranh » liên lạc với khẩu hiệu « Đảo đảo chánh phủ lâm thời, tất cả chánh quyền về tay Xô-viết ». Nhờ sức tuyên truyền cổ động của Đảng Bôn-sê-vich và phản động lực của chánh phủ lâm thời mà quần chúng Công Nông Bình hết sức hưởng ứng, chiếm được đasổ trong các Xô-viết. Ngày 7 tháng Mười một năm 1917 nổi lên vũ trang bạo động đánh trục chánh phủ lâm thời, chánh quyền hoàn toàn về tay giai cấp vô sản, lập chánh phủ Xô-viết, dứt chiến tranh với Đức, cho các dân thiểu số được quyền tự quyết. Tích ký ruộng đất địa chủ chia lại cho dân cày, quốc hữu hóa những cơ quan sanh sản chánh. Đó là cuộc cách mạng tháng Mười thành công triệt để, quần chúng Công Nông Nga được hoàn toàn giải phóng ách nô lệ vậy. Nhưng hiện thời Liên bang Xô-viết đương kiến thiết xã hội chủ nghĩa, không giai cấp, không người bóc lột người, không người thất nghiệp, nền kinh tế càng ngày càng thịnh vượng, so với các đế quốc thì trước kia ở bực chót, mà nay đã vượt lên bực cao hơn. Kế hoạch 5 năm thứ nhất được hoàn toàn thắng lợi trong 4 năm rưỡi, 180 triệu vô sản ở Liên bang Xô-viết hiện giờ được hưởng hạnh phúc hoàn toàn. Cái kết quả cuộc Cách mạng tháng Mười, là cái kết quả rất có tinh thần, rất tốt đẹp về vang toàn thế giới xưa nay chưa từng thấy. Làm cho tư bản chủ nghĩa trên thế giới, phải kinh hồn, tìm hết phương cách phá hoại mà không sao phá nổi, phải đành khoanh tay nhượng bộ ngay.

Cách mạng tháng Mười thành công không những quần chúng Nga được hoàn toàn giải phóng kiếp nô lệ của mình, mà cái gương ấy chói rọi khắp cả hoàn cầu làm cho vô sản giai cấp và dân tộc áp bức toàn thế giới noi theo gương ấy, kịch liệt phấn đấu chống với giai cấp bóc lột để cởi ách cường quyền của mình. Cách mạng tháng Mười thành công không những đã làm gương cho quần chúng vô sản toàn thế giới noi theo mà lại giục thúc tinh thần hy sinh cương quyết của Công Nông toàn thế giới bước ra trường chiến đấu làm cho cách mạng toàn thế giới chóng thành công. Cách mạng tháng Mười thành công không

những giục thúc chỉ hy sinh cương quyết của vô sản giai cấp toàn thế giới. Mà lại là thành trì kiên cố của vô sản giai cấp toàn thế giới dựa vào cho vững bước đi đến mục đích cuối cùng của mình.

Cách mạng tháng Mười thành công không những thành trì kiên cố cho ta, mà lại là một bài học rất đáng để cho ta học đòi kinh nghiệm mà tổ chức cuộc cách mạng thắng lợi ở xứ ta vậy — Và lại hiện tình thế giới ngày nay trình độ phát triển của tư bản, đã đến cực điểm rồi, chính là cái thời kỳ mà chúng nó sắp nhào đầu xuống huyết vậy. Đương cơn nguy cấp chúng nó sống tạm phải làm sao? Một là gây cuộc đế quốc chiến tranh xô đẩy Công Nông ta ra làm mồi cho tên đạn, để cướp giật thuộc địa thị trường lẫn nhau, để tiêu thụ hàng hóa — Hai là tìm hết cách để ép nắn máu mỡ Công Nông ta để chấn chỉnh nền kinh tế của chúng. Riêng về Công Nông Đông-dương ta vì chánh sách áp của thuộc địa càng thâm khổ hơn nữa cùng chịu một phần ảnh hưởng ấy. Chắc chắn rằng không thể gì tránh khỏi cuộc chết đói chết bần với lũ tàn nhân kia. Bởi thế nên phong trào tranh đấu càng dữ dội. Đế quốc Pháp lo cho nền thống trị phải nghiêng đổ bèn dờ hết thủ đoạn dã man để thám sát và tù đầy những chiến sĩ cách mạng. Vì vậy mà cuộc kỷ niệm Cách mạng tháng Mười mỗi năm mỗi mới là vì Đảng ta bao giờ cũng liên lạc cuộc kỷ niệm với các quyền lợi nhu cầu của Công Nông lao động hiện thời. Lại Đảng ta phải tùy theo trường hợp mà huy động và tổ chức tranh đấu của Công Nông. Nếu quần chúng sục sục tranh đấu mà Đảng ta không lãnh đạo chỉ huy, chờ tới ngày « Đỏ » sẽ tổ chức tranh đấu thì hết sức nguy hiểm, lại một điều nguy hiểm hơn nữa là không nhơn ngày « Đỏ » mà tăng gia sức tuyên truyền cổ động để gây dựng một phong trào Công Nông cho mạnh mẽ. Đó chính là chánh sách hoạt đầu. Cần phải tranh đấu trừ diệt những lối ấy đi, thì mới mong đoàn thể Công Nông được đông đúc, hàng ngũ Đảng ta được vững vàng. Chúng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Mười là cốt để phổ trương lực lượng hùng dũng của Công Nông ta và kiên cố thành trì của Cách mạng vô sản. Cũng như đế quốc Pháp mỗi năm đến ngày 14-7 diễu binh tập trận ăn chơi vui mừng, là cốt để duy trì chế độ tư bản cho bền vững lâu dài. Vì những tình hình trên đây mà cuộc kỷ niệm Cách mạng tháng Mười năm nay hết sức nghiêm trọng. Các đồng chí phải tăng gia sức tuyên truyền hoạt động quần chúng kịch liệt ra trường tranh đấu những khẩu hiệu sau này :

1. Kỷ niệm Cách mạng tháng Mười.
2. Chống các thứ thuế, bỏ hẳn thuế thân.
3. Tăng tiền lương, bớt giờ làm trợ cấp cho dân thất nghiệp.
4. Tăng lúa gạo, bớt lúa ruộng, bỏ công lễ, hạn chế nợ nần.
5. Chống các độc quyền của đế quốc chủ nghĩa Pháp như rượu, muối, v.v...
6. Phản đối thuế thuốc.
7. Cấm sự cúp phạt, đánh đập dã man của bọn chủ. Thi hành luật bảo hiểm.

Ngày 7 tháng 11 năm 1935

(Theo nguyên văn bản chụp phim của
Viện Bảo tàng cách mạng — Số : t-CIII-3)

* *

Thực dân Pháp lợi dụng bọn Tờ-rốt-kit, bọn cách mạng tả đầu lưỡi chuyên bịa đặt những chuyện hoang đường về Liên-xô và chuyên vu cáo Liên-xô. Ngày 19-11-1938, Đảng ta công bố một tài liệu gọi là « Bọn Tờ-rốt-kit đối với lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười và kiến thiết xã hội chủ nghĩa » để vạch mặt phản cách mạng chuyên làm tay sai cho thực dân đế quốc của bọn Tờ-rốt-kit :

Bọn Tờ-rốt-kit đối với lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười và kiến thiết xã hội chủ nghĩa

Mấy tờ báo của Tờ-rốt-kit ở đây đối với cuộc kỷ niệm Cách mạng tháng Mười chỉ nói ít câu qua loa, và dệt thêm chuyện để bôi nhọ Lê-nin và tô điểm cho thầy Tờ-rốt-sky của chúng. Còn đối với công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa lớn lao, mà hết thầy mọi người ngay thẳng ham chuộng tự do, hòa bình, bác ái ở trên thế giới đều đề ý, đều yêu mến, và ủng hộ, thì chúng nói sai lạc để lừa gạt nhân dân thế giới.

Nhưng mọi người đều nhận thấy sự kết quả tốt đẹp ở Liên-xô, chỉ trừ bọn phát-xít bọn tư bản thì mới ghen ghét sự thắng lợi của xã hội chủ nghĩa, vì sự kiến thiết ấy là cái tiêu biểu của cuộc tấn công của nhân loại, sự kiến thiết ấy cho quần chúng lao động, nhân dân bị áp bức, cho các phần tử trí thức có lương tâm đều nhận thấy rằng dùng lực lượng đoàn kết của dân chúng chẳng những có thể đánh đổ chế độ tư bản, mà lại còn có thể chiến thắng hết mọi trở lực để kiến thiết xã hội chủ nghĩa một chế độ không giai cấp, không người bóc lột người. Sự kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở

Liên-xô dưới quyền lãnh đạo sáng suốt của Sta-lin đã đưa chủ nghĩa Mác — Lê-nin ra thực hành trong một xứ đã thực hiện giấc mộng mà nhân loại mơ ước bấy lâu nay.

Bọn Tờ-rốt-kit bịa đặt lịch sử : chúng nói sau hồi Cách mạng tháng Hai : « Đảng Bôn-sê-vich thiếu người chỉ đạo, chỉ giữ thái độ « dân chủ » không khác nào bọn Men-sê-vich và bọn xã hội cách mạng. Chính quyền vì thế mà lọt vào tay bọn dân chủ tiểu tư sản, đội lối xã hội » (Phụ nữ thời dăm).

Bọn Tờ-rốt-kit sở dĩ bịa đặt như vậy là vì chúng muốn « dựng chứng » rằng sau hồi Cách mạng tháng Hai, lúc mà Lê-nin còn ở Thụy-sĩ, Tờ-rốt-sky cũng chưa về nước, Đảng Bôn-sê-vich thiếu người chỉ đạo, nên đã đi sai đường, cúi đầu ủng hộ dân chủ để cho chính quyền lọt vào tay tư sản. Chúng dùng lối gian xảo để tung bocc địa vị của thầy chúng lên, đặt thầy chúng ngang hàng với Lê-nin. Nhưng sự thực ai đã có nghiên cứu lịch sử Cách mạng Nga đều biết rằng thái độ chính trị của chàng Tờ-rốt-sky từ 1905 đến 1917, trừ một đôi lúc long lay, còn thì hoàn toàn và luôn luôn giống chủ trương Men-sê-vich.

Còn sau cuộc Cách mạng tháng Hai, chính quyền lọt vào tay bọn tư bản là vì lực lượng của Đảng Bôn-sê-vich lúc ấy còn yếu và vì đảng Men-sê-vich và Đảng Xã hội cách mạng theo phe tư bản chứ không phải vì Đảng Bôn-sê-vich không khác gì các Đảng kia như bọn Tờ-rốt-kit bịa đặt.

Báo « Phụ nữ thời dăm » của bọn Tờ-rốt-kit nói : « Trước tình thế ấy (tình thế nội chiến) Đảng Bôn-sê-vich và Lê-nin chỉ còn một cách là mong chờ một cuộc cách mạng thắng thế ở Âu châu trong một hay nhiều nước tiên tiến, nhất là nước Đức để cứu vãn Cách mạng Nga và cùng nước ấy thành lập xã hội chủ nghĩa. « Vì thế mà họ khinh thường sự tổ chức kỹ nghệ ».

Chỉ trông mong vào cách mạng thắng lợi ở Âu châu, tức là chủ trương của bọn Tờ-rốt-kit, bọn Bu-kha-rin.

Trong thời kỳ nội chiến, Đảng và quần chúng mãi lo tiêu diệt bọn tướng soái phản động, đánh lui quân đế quốc can thiệp còn có sức dẫu mà chăm nom tổ chức, phát triển kỹ nghệ. Chớ không phải vì trông mong vào cách mạng ở Âu châu, mà không chú ý tới tổ chức kỹ nghệ.

Bọn Tờ-rốt-kit nói : « Tờ-rốt-sky tham dự một cách hoạt động và chỉ huy cuộc Cách mạng tháng Mười, tháng Mười 1917 ông được cử làm chủ tịch ủy ban cách mạng ở Pê-tơ-rô-gorát để tổ chức cuộc bạo động vũ lực ».

Mãi đến tháng 5 Tờ-rốt-sky vào Đảng Bôn-sê-vich, sau được cử vào Ban trung ương, và làm chủ tịch Xô-viết thành Pê-tơ-rô-gơ-rát. Còn trong ban tổ chức vũ trang bạo động chỉ có Sta-lin với những người khác mà thôi. Tờ-rốt-sky đâu có chân trong Ban Cách mạng ủy viên, như bọn Tờ-rốt-kit bịa đặt.

Bọn Tờ-rốt-kit ở Đông-dương muốn tung bocc bịa đặt để đưa Tờ-rốt-sky ngang hàng với Lê-nin. Song kỳ thực thì chính Tờ-rốt-sky luôn luôn tự phụ là hơn cả Lê-nin và vì vậy thường chủ trương chống Lê-nin. Trước kia chính Tờ-rốt-sky còn viết bài nói đề cương tháng 4 năm 1917 của Lê-nin là học theo đề cương tháng 3 của Tờ-rốt-sky.

Báo « Phụ nữ thời đàm » không nói tới khẩu hiệu của Tờ-rốt-sky « không đánh không hòa » không chịu ký hòa chiến với Đức, mà lại bịa đặt rằng: « trong cuộc hội nghị thứ bảy của Đảng, bình vực điều ước Bơ-rét — Li-tốp (điều ước ký hòa với Đức), Lê-nin nói: « Sự thực tuyệt đối là thiếu một cuộc cách mạng Đức, chúng ta sẽ chết ».

Lê-nin cực lực tranh đấu để ký hòa ước với Đức, để cho dân chúng nghĩ đến kiến thiết xã hội chủ nghĩa, để tiến đánh giai cấp tư bản. Lê-nin đâu có nói: « thiếu một cuộc cách mạng Đức, chúng ta sẽ chết ».

Năm 1915, Lê-nin nói, căn cứ luật phát triển bất đồng và có tính chất nhảy vọt của chủ nghĩa tư bản, nên có thể kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ tư bản.

Thì bọn Tờ-rốt-kit lại bảo Lê-nin nói: « Để quốc chủ nghĩa thế giới và cách mạng thành công không thể đi đôi với nhau được » (Phụ nữ thời đàm). Chúng tưởng đặt bịa như thế là để bác thuyết « kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ » của Lê-nin và Sta-lin nhưng khốn nạn! chúng đã thất bại hoàn toàn vì đặt bịa như thế chẳng những là chửi Lê-nin, mà cũng chửi cả Tờ-rốt-sky nữa, vì Tờ-rốt-sky nói có thể cách mạng thành công trong một xứ, nhưng không thể kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ.

Lê-nin nói có thể kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ thì bọn Tờ-rốt-kit lại đặt bịa Lê-nin nói: « ... chúng ta nhắm đến cách mạng quốc tế và chúng ta nhắm đúng... chúng ta đánh dấu luôn luôn rằng công việc như cách mạng xã hội không thể thực hiện trong từng nước một » (Phụ nữ thời đàm).

Còn vô số những câu đặt bịa mà chúng nó tự viết ra, tự họa lại rồi cho là lời của Lê-nin. Ở báo này không thể dẫn từng câu mà trả lời hết được.

Vấn đề kiến thiết xã hội chủ nghĩa trong một xứ, nay đã là sự thực hiện nhiên, không phải là lý luận nữa. Song bọn Tờ-rốt-kit trong « Phụ nữ thời đàm » lại cho rằng: « Hiện nay kể những bản thống kê lao động của bè đảng Sta-lin nói rằng xã hội chủ nghĩa đã thành lập ».

Chúng nó cho rằng những sự thắng lợi ở Xô-viết Liên bang đều là đặt bịa.

Nhưng thử hỏi các ông Tờ-rốt-kit rằng nếu trên thế giới này ai cũng nói suông đầu miệng như mấy ông ở đây thì có thể được, song sự thực, nếu Xô-viết Liên bang chỉ thống kê đặt bịa thì tại sao có biết bao nhiêu văn sĩ, nghệ sĩ, bác sĩ trừ danh mà không phải là cộng sản hay cảm tình với cộng sản — ở khắp các nước trên thế giới đã có dịp qua Liên-xô đều tỏ lời khen ngợi công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa? Và nếu chỉ là thống kê gian xảo thì bọn đế quốc đã xúm nhau đánh cho tan Liên-xô rồi, chớ sợ gì mà bọn Đức, Ý, Nhật vẫn lăm le đánh Xô-viết mà chưa dám đánh.

Còn bọn Tờ-rốt-kit ở Nam-kỳ, trong báo « Đại chúng » số 1 lại nói một cách khác rằng: « ... Tóm lại: nước Nga Xô-viết bước thứ nhất đã từ chỗ chống đế quốc đi lần qua nhập phe với đế quốc; bước thứ nhì theo thân thiện đế quốc dân chủ để giữ chừng để quốc phát-xít. Với 2 bước ấy, nước Nga đã lọt ra ngoài xã hội chủ nghĩa của Mác—Ăng-ghe-n định nên ».

Rồi cả lũ Tờ-rốt-kit từ Nam chí Bắc đều kết luận giống nhau: là đánh đổ chính quyền Xô-viết.

Phụ nữ thời đàm: « Bồn phận đội tiền phong cách mạng trong phút nghiêm trọng này là phải kêu gọi quần chúng làm cách mạng chính trị ở Nga, lật đổ bọn thợ lại, để củng cố độc tài vô sản và dẫn đạo cách mạng thế giới.

« Chỉ có cách mạng thế giới mới cứu nước Nga khỏi cái họa đế quốc ».

Quần chúng lao động và những phần tử trí thức có lương tâm, không ai ngu gì mà hưởng ứng bọn Tờ-rốt-kit phản cách mạng để chống Xô-viết liên bang. Các ông Tờ-rốt-kit cứ hô phát lên là bắt tay với bọn phát-xít để chống chủ nghĩa cộng sản có được không, còn che đây làm gì?

Những hành động « tả » cách mạng đầu môi, trở tay đặt bịa và phá phách của bọn Tờ-rốt-kit ở các nước ai có chút lương tâm có trí óc phán đoán và xem xét đều cho bọn Tờ-rốt-kit là tay chân bọn phản động phát-xít.

31-19/11/1938

U.T.

(Theo nguyên văn bản đánh máy của Viện Bảo tàng cách mạng — số DIII/3b-1)

Sau khi phát-xít Đức mở cuộc tấn công xâm lược Liên-xô, Đảng Cộng sản Đông-dương càng ra sức tuyên truyền bảo vệ Liên-xô, bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Mười. Báo *Cờ giải phóng*, cơ quan tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông-dương số 8 ra ngày 10-11-1944 đã viết bài « Ngày 7 tháng Mười một! » để ủng hộ Liên-xô, ủng hộ Cách mạng tháng Mười:

Ngày 7 tháng Mười Một

Ngày 7 tháng 11 đã tới. Thợ thuyền và nhân dân lao khổ toàn thế giới đang náo nức nhớ lại ngày 7 tháng 11 năm 1917.

Năm ấy, các nước trên thế giới cũng đánh nhau kịch liệt. Hàng chục triệu dân nghèo bỏ mạng, hàng trăm thành phố tan hoang. Ở Nga, dân chúng sống dưới gông xiềng của nhà vua tàn ác, lại bị chiến tranh bòn rút hết của, hết người. Họ phần nộ thét lên. Rồi giai cấp thợ thuyền phát cờ đi trước, cùng toàn dân hăm hở tiến lên đập nát ngai vàng của Nga hoàng. Họ lập ra hội đồng của nhân dân gọi là xô-viết đề tự cai trị. Sau đó, họ lại đoàn kết đánh bại được 14 nước thù địch làm le bóp chết chế độ Xô-viết mới ra đời.

Oanh liệt thay!

Từ đấy, họ chăm lo vun đắp cho đời sống của họ được tốt tươi. Thợ trông coi nhà máy. Dân què đủ ruộng cấy chung. Đàn bà ngang hàng với đàn ông. Con trẻ được chăm nom. Ông già được nuôi nấng. Các dân tộc dưới quyền Nga hoàng được giải phóng cùng hợp với dân Nga lập thành Liên bang Xô-viết (gọi tắt là Liên-xô), rộng một phần sáu quả địa cầu.

Thợ thuyền thế giới đã nhận Liên-xô là tổ quốc của mình. Dân nghèo thế giới đã có Liên-xô là thành trì cách mạng. Chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô đã đe dọa bọn đế quốc thế giới. Nên năm 1940 phát-xít Đức, tên linh sen đầm của tư bản tài chính quốc tế hung hăng xông vào cướp đất Liên-xô. Chúng định phá tan hòa bình hạnh phúc của dân Liên-xô, xóa bỏ chế độ Xô-viết đẹp đẻ của họ và đập đổ thành trì cách mạng thế giới.

Nhưng chúng đã thất vọng đau đớn. Ngót 200 triệu dân vùng đứng dậy. Cả thế giới xô lên một làn sóng bất bình. Và sau bốn năm chiến đấu cực kỳ anh dũng, Hồng quân Liên-xô dưới quyền chỉ huy của Thống chế Sta-lin, đã phá được hết các cuộc tấn công tàn khốc của lũ mọi phát-xít, quét sạch được những vết chân nhor bần của chúng trên đất Liên-xô, giữ vững được thành trì cách mạng thế giới và giúp các dân tộc nhỏ yếu châu Âu thoát khỏi nanh vuốt phát-xít.

Chẳng bao lâu nữa, Hồng quân sẽ tiến sâu vào đất Đức cùng quân Anh, Mỹ bóp chết con thú dữ phát-xít. Ở châu Âu, làm tròn nhiệm vụ của đội quân tiên phong chống phát-xít xâm lược, mở rộng chế độ dân chủ ra khắp thế giới, xây dựng hòa bình hạnh phúc cho loài người.

Vẻ vang thay!

Ngày 7 tháng 11 đã là ngày sinh nhật của một thế giới huy hoàng trong đó loài người thuận hòa, no ấm.

Ngày ấy đã về, về giữa-lúc phát-xít đang lùi bước, làm nức lòng thợ thuyền và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới.

Lá cờ hồng đang lướt gió.

Ngọn lửa đã vùng lên. Giặc phát-xít phải rụng đầu! Thợ thuyền Đông-dương đang cùng các giới đồng bào chiến đấu cho nền độc lập, hãy phấn dũng tiến bước.

Và nhân ngày kỷ niệm oanh liệt này, hãy gior tay hát khúc ca hùng tráng ca ngợi những thắng lợi vẻ vang của Hồng quân Liên-xô và thề quyết theo gương chiến đấu anh dũng của Liên-xô.

Thế giới chiến tranh và Nhật — Pháp xung đột đã tạo ra cho nhân dân Đông-dương những điều kiện ngày thêm thuận tiện cho cuộc khởi nghĩa đánh Nhật Pháp. Nhân dân Đông-dương hãy kịp xếp chặt hàng ngũ dưới lá cờ của Đảng Cộng sản Đông-dương đang chớp lấy cơ hội giành quyền tự do độc lập cho giống nòi.

C.G.P.

(Báo *Cờ giải phóng*, cơ quan tuyên truyền cổ động Trung ương của Đảng Cộng sản Đông-dương — Số: 8, ra ngày 10-11-1944.

Theo nguyên văn bản chụp phim của

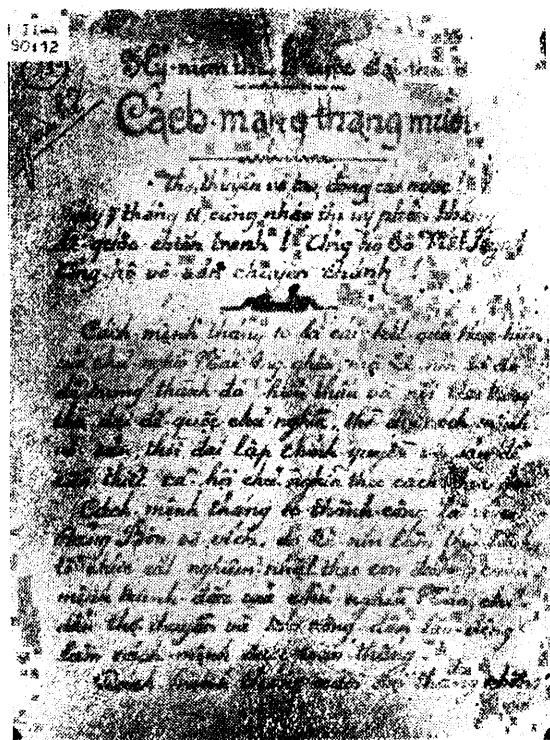
Viện Bảo tàng cách mạng Việt-nam—số: 881b)

* * *

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu hai ảnh chụp tờ truyền đơn năm 1930 của Đảng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga. Ảnh (1): truyền đơn bằng chữ nôm của Đảng Cộng sản Đông-dương. Phần trên của ảnh chụp bị mờ, chỉ đọc rõ từ chữ... Liên bang Xô-viết là Tổ quốc chung trở xuống. Ảnh (2) truyền đơn kỷ niệm thứ 13 cuộc đại thắng Cách mạng tháng Mười (1930). Ảnh này chỉ chụp được phần trên của truyền đơn, phần dưới bị thất lạc. Chúng tôi xin phiên âm bản truyền đơn bằng chữ nôm ra chữ quốc ngữ để các bạn tham khảo:



Ảnh số 1



Ảnh số 2

Truyền đơn kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga

Gương Cách mạng tháng Mười là thế

Cho nên Cách mạng tháng Mười là một cách mạng chung cho tất cả anh em Công Nông thế giới.

Liên bang Xô-viết là

TỜ QUỐC CHUNG

Cho tất cả những người làm lụng bị bóc lột đè nén trên thế giới này.

Vậy chúng ta phải kỷ niệm Cách mạng tháng Mười thế nào cho xứng đáng?

I — Phải bênh vực Xô Nga, và Xô Nga lãnh đạo cho cách mạng thế giới, cho nên các đế quốc chủ nghĩa đều muốn nuốt sống Xô Nga.

Chúng ta phải gìn giữ Xô Nga.

1) Nếu có đế quốc chủ nghĩa chiến tranh thì anh em nhất định không đi lính cho đế quốc chủ nghĩa Pháp, nhất định không đánh Xô Nga mà quay đầu súng lại bắn chết đế quốc chủ nghĩa Pháp.

2) Phải tuyên truyền cho ai cũng biết đến Xô Nga để bênh vực cho Xô Nga.

3) — Phải theo gương Cách mạng tháng Mười.

Anh chị em phải theo gương Cách mạng tháng Mười cùng với anh em chị em Công Nông thế giới làm Cách mạng Cộng sản, phải mau mau đoàn kết nhau lại để:

Ủng hộ Xô Nga

Phản đối đế quốc chiến tranh.

ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG

(Theo nguyên bản chụp phim của Viện Bảo tàng cách mạng—số: 18/BXII—5)

NGUYỆT HƯƠNG

và

MAI KHẮC ỨNG
sưu tầm, giới thiệu

MÃY NÉT LỚN VỀ NỀN VĂN HÓA MIỀN NAM VIỆT-NAM DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI CỦA MỸ

TÔ-MINH-TRUNG

Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nền văn hóa miền Nam là một nền văn hóa ngoại lai, vong bản. Nhưng các tập đoàn tay sai ngụy miền Nam đã khéo vẽ vời thành một cái gì như là riêng của chúng. « Công lao » đó, trước hết là của tập đoàn Diệm—Nhu.

Trong bản « thông điệp » gửi cho « quốc hội » (4—1956) Ngô—đình—Diệm tuyên bố: « Đứng trước khối kinh tế hoặc chính trị cấu kết thành những lực lượng lớn luôn luôn uy hiếp chúng ta, dân tộc ta cảm thấy hơn các dân tộc khác sự cần thiết phải xây dựng đời sống chính trị của chúng ta trên một căn bản rõ rệt vững chắc, và phải triệt để hướng tất cả các giai đoạn liên tiếp của sự hoạt động ta vào con đường tiến bộ dân chủ ngày càng sâu rộng ».

Căn bản ấy chỉ có thể là căn bản duy linh. Con đường ấy là con đường theo sát nhân vị ».

Và Ngô—đình—Nhu, trong « Huấn thị giải thích » (15—11—1957) đã chủ trương: « Phải vũ trang tinh thần cho con người », mà « vũ trang tinh thần của con người công dân Việt-nam là phải làm thế nào tuyên truyền phổ biến cho họ hiểu biết cái lý thuyết nhân vị cộng đồng ».

Nền văn hóa miền Nam lấy học thuyết « duy linh nhân vị » làm cơ sở tinh thần, để xây dựng ý thức tư tưởng, xây dựng cách sống « mới » của nhân dân miền Nam hơn chục năm qua. Hiện nay, dù bề ngoài bọn tay sai Thiệu—Kỳ làm bộ ra mặt chữ Diệm—Nhu (vì chúng đã chết hồi 1—11—1963 rồi), nhưng thực chất nền văn hóa mà chúng đang áp dụng cũng chỉ là nền văn hóa « duy linh nhân vị » không có chữ « duy linh nhân vị » thôi. Những biểu hiện cụ thể được trình bày dưới đây sẽ giải thích rõ ràng thực chất của nền văn hóa miền Nam Việt-nam là nền văn hóa gì? Và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã có công gì đối với nền văn hóa đó?

* *

MỘT HỆ THỐNG TỔ CHỨC VĂN HÓA PHẢN ĐỘNG LỆ THUỘC MỸ

Cơ quan văn hóa cao nhất của ngụy quyền Sài-gòn là Bộ thông tin tuyên truyền. (Sau khi Diệm bị lật đổ và bị giết chết, bọn tay sai mới đổi lại là Bộ văn hóa xã hội). Nhiệm vụ của Bộ này là làm công việc truyền bá nền văn hóa duy linh nhân vị (mà những biểu hiện cụ thể của nó sẽ được trình bày tiếp theo sau phần này). Nó còn là cơ quan có chức năng « tiêu thụ » văn hóa ngoại lai du nhập vào thị trường miền Nam, theo chủ trương của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Dưới Bộ này là một hệ thống Sở, Ty thông tin tuyên truyền (bây giờ là văn hóa — xã hội) ở các khu, tỉnh; có trách nhiệm thi hành mọi mệnh lệnh văn hóa của trung ương. Ở các huyện, xã, chúng còn tổ chức một hệ thống thông tin viên văn hóa dày đặc để truyền bá nọc độc văn hóa Mỹ vào sâu trong quần chúng nhân dân.

Ngoài ra, tại phủ tổng thống Diệm, còn có cái quái thai « Sở nghiên cứu chính trị, văn hóa, xã hội » do tên mật vụ Trần-kim-Tuyến điều khiển. Và các « tham vụ văn hóa » của Sở này thật ra chỉ là những tên mật vụ trá hình. Chính báo *Trung lập* Cẩm-pu-chia (30—5—1961) đã tố cáo rằng: Sở này là cơ quan « chuyên dò xét tư tưởng, hành động của giới nghệ sĩ, tri thức, ký giả; sẵn sàng áp dụng mọi biện pháp tàn bạo, dùng mọi áp lực để mua chuộc, lôi kéo, đàn áp, thủ tiêu, giam cầm, bắt bớ những ai không chịu tuân theo ».

Những cánh tay đắc lực của cái quái thai trên đây là các tổ chức « Mặt trận bảo vệ văn hóa tự do », « Cơ sở báo chí và xuất bản tự do », « Tinh Việt văn đoàn », « Câu lạc bộ văn hóa ». Còn các nhóm « Quê hương », « Bách khoa », « Sống », « Văn hữu », « Văn nghệ tiên phong », « Sáng tạo », « Quan điểm », « Nhân loại », « Văn hóa ngày nay »... đều là cốt cán trong việc truyền bá nền văn hóa Âu—Mỹ tại miền Nam Việt-nam. Các văn nghệ sĩ trong

các nhóm này được nhân dân miền Nam gọi là « văn nghệ sĩ có chính quyền », nghĩa là những văn nghệ sĩ được ngụy quyền miền Nam giúp đỡ tiền, được cảnh sát và pháp luật yểm trợ, để cho họ có đủ điều kiện hoạt động « chống cộng », chống nhân dân cách mạng, làm cái loa tuyên truyền, phun chất độc của nền văn hóa Mỹ vào đời sống của các tầng lớp xã hội miền Nam Việt-nam. (Còn những văn nghệ sĩ không chịu ôm chân Mỹ—Diệm, thường bị Mỹ—Diệm tìm cách khủng bố, đàn áp, thì được nhân dân miền Nam gọi là « văn nghệ sĩ không chính quyền »).

Đứng bên cạnh hệ thống tổ chức văn hóa phản động của ngụy quyền Sài-gòn, còn có các tổ chức văn hóa nô dịch của các nước ngoài, nhất là Mỹ. Các tổ chức văn hóa ngoại quốc này chia làm 2 loại :

— Loại thứ nhất, do ngụy quyền Sài-gòn công khai đảm nhiệm như : « Hội Việt—Mỹ » (Vietnamese American Association) thành lập ngày 18-5-1955 ; « Hội văn hóa Á châu » (Asian Culture Association) thành lập ngày 21-10-1957 ; « Nhóm Việt bút » (Pen Club) thành lập ngày 17-8-1957. Ba tổ chức này, tuy về tên gọi và những việc làm cụ thể có khác nhau, nhưng nhìn chung, chúng đều là những tổ chức có nhiệm vụ « đón tiếp » sự « viện trợ » văn hóa của các nước khác, qua bàn tay của chủ Mỹ, rồi chuyển cho các tổ chức văn hóa thuộc ngụy quyền Sài-gòn tiêu thụ. Tiếng là có quan hệ « giao lưu văn hóa Âu—Á—Mỹ », kỳ thật nó chỉ là các tổ chức bị động, nhận hàng văn hóa do Mỹ nhập vào miền Nam là chính (không phải tất cả những văn nghệ sĩ tham gia trong ba tổ chức này đều là bồi bút, là tay sai của Mỹ ; cũng có những người tiến bộ, yêu nước và tha thiết với nền văn hóa dân tộc, nhưng không có lối thoát).

— Loại thứ hai, do người Mỹ nắm như các tổ chức : « Phù luân hội » (Rotary club) ; « Thanh thương hội » (Jaycee) ; « Cơ quan viện trợ văn hóa Á đông » (Asia Foundation).

Đây là ba tổ chức núp dưới hình thức hoạt động khác nhau, nhưng đều thực hiện một chức năng cơ bản là đưa nền văn hóa Mỹ thâm nhập ngày càng nhiều vào đời sống tinh thần của nhân dân miền Nam, đẩy nền văn hóa vốn có truyền thống dân tộc của nhân dân miền Nam xuống mức lệ thuộc và nô dịch, đi đến chỗ bị tiêu diệt.

Cơ quan văn hóa có thẩm quyền nhất của Mỹ ở miền Nam Việt-nam là « Joint U. S. Public Affaire Office » (Liên cơ quan công cộng Mỹ). Cơ quan này có nhiệm vụ trang bị và chỉ đạo cho ngụy quyền Sài-gòn và các trung tâm văn hóa của Mỹ ở miền Nam về phương

tiện và phương hướng hoạt động tâm lý chiến, thông tin văn hóa. (Nó còn có trách nhiệm tuyển lựa giáo sư Mỹ cho nền giáo dục miền Nam, duyệt danh sách đi học nước ngoài của ngụy quyền Sài-gòn).

Hệ thống tổ chức văn hóa phản động, lệ thuộc Mỹ, đã kể trên, đều hoạt động cho một mưu đồ đã định sẵn của Tòa nhà trắng Mỹ, là : lấy văn hóa đòi trụ đề đầu độc nhân dân miền Nam, phá hoại cách mạng, củng cố nền thống trị độc tài, phản động của tập đoàn tay sai bán nước, phục vụ đắc lực cho chính sách bành trướng của đế quốc Mỹ ở Đông-dương và châu Á. Thuyết minh cho chức năng văn hóa này, Ngô-dinh-Diệm đã công khai nói rằng : « Thử chiến tranh này không phải là thử chiến tranh quân sự, thử chiến tranh « bấm nút », hay thử chiến tranh chỉ liên hệ đến một số quân nhân mà thôi đâu. Thử chiến tranh mà ta đối địch là thử chiến tranh cách mạng, một thử chiến tranh lý tưởng đối đầu với lý tưởng » (*Cách mạng quốc gia*, 1-7-1960). Nếu không làm được cái gọi là « thử chiến tranh lý tưởng đối đầu với lý tưởng » ấy thì ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ không có cơ sở để tồn tại trên đất miền Nam, dù chúng có nhiều quân đội, cảnh sát và nhà tù ; bởi vì, theo như bọn chúng nhận định : « Dân ngày nay quả thật không còn như dân 10 năm về trước ». Họ « đã được men cách mạng làm bùng dậy. Họ đã trưởng thành trong máu lửa và có ý thức về những vấn đề dân sinh một cách sâu sắc ». Và « chủ nghĩa Mác là một lý thuyết vô cùng hấp dẫn », nó « có một sức mạnh ghê gớm, có sức biến những người dân mặc niệm lành thành những chiến sĩ gan dạ hy sinh » (1). Vậy là, văn hóa chính là một công cụ, một phương tiện nhằm đạt đến mục đích thành công của Mỹ—ngụy trong cuộc « chiến tranh lý tưởng đối đầu với lý tưởng » — cuộc chiến tranh tiêu diệt chủ nghĩa Mác, tiêu diệt lý tưởng cách mạng của nhân dân miền Nam Việt-nam (!) Phương sách thực hiện tốt nhất cho thắng lợi của Mỹ—ngụy trong cuộc « chiến tranh lý tưởng » này là làm sao cho nhân dân miền Nam lãng quên căm thù, đi tìm hạnh phúc trong nguồn vui của nền văn hóa đòi trụ, trong cách sống ăn chơi đàng điếm. Do đó, chúng đã mở cửa cho xã hội miền Nam tiếp xúc với văn hóa Âu-Mỹ trên mọi phương diện tinh thần : văn nghệ, báo chí và thể thao.

* *

(1) Lời than của Nguyễn Trân, tỉnh trưởng Định-lương, trong báo cáo « mật » gửi lên cho Diệm hồi 1958.

TRÀO LƯU VĂN NGHỆ MÃI DÂM

Mỹ-ngụy nêu: nền văn nghệ miền Nam phải là nền văn nghệ «đả thực, bài phong, chống cộng». Nhưng thật ra chỉ có «chống cộng», còn «đả thực», «bài phong» chỉ là chiêu bài để che giấu tính chất cực kỳ phản động của nó thôi. Điều này đã được các «văn nghệ sĩ không chính quyền» tố cáo rằng: Viết về kháng chiến chống thực dân Pháp thì bị «kết tội là đề cao cộng sản». Viết về nghiệp đoàn chống sếp Tây (thực dân) thì bị «kết tội cổ vũ đấu tranh giai cấp». Còn viết về tá điền oán ghét địa chủ (phong kiến) cũng «lại bị kết án cổ vũ giai cấp đấu tranh». Nhưng, nếu viết «chống cộng» thì gặp trở lực vì «báo không ai mua». Vả lại, cái «xấu» của cộng sản «người Việt ở miền Nam cũng ít có dịp thấy rõ rệt». Do đó, «Văn nghệ sĩ lâm vào ngõ bí, chỉ còn một lối thoát là viết chuyện nhằm nhĩ, phóng túng, lãng loạn, bậy bạ» (1).

Vậy, hướng đi của văn nghệ miền Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ chỉ là «chống cộng». Nhưng, nếu văn nghệ chống cộng lại lộ liễu như chính sách khùng bớ, đàn áp thì không còn là văn nghệ mị dân nữa. Cho nên, Mỹ ngụy đã đem những nhân tố truy lạc, mãi dâm làm chất men hưng phấn cho cái gọi là «văn nghệ tự do»; đem cái khi hư sa đọa toát ra từ những sáng tác văn nghệ theo kiểu Mỹ để nhét vào cuộc sống tâm hồn của quần chúng nhân dân. Văn nghệ miền Nam phải sáng tác theo hướng làm cho «con gái bán khoán sầu muộn», làm cho con trai «khinh bạc, hoài nghi», và làm cho con người ta nghĩ đến «vật dục mà quên ái tình», «ham tiền mà xa đạo nghĩa»... nhằm «xuyên tạc chân lý, che lấp bản hàn, ca ngợi quyền lực» (2). Nếu ai chịu khó đọc mục văn nghệ của các tạp chí *Bách khoa*, *Văn*, *Đại học*, *Phổ thông*, *Quê hương*... của các tuần báo *Bóng lủa*, *Chị cùng em*... và hầu hết các trang 2,3 của các tờ nhật báo xuất bản tại Sài-gòn, sẽ thấy được sự thật ề chế đến khốc hại đó.

Sản phẩm văn hóa kiểu truy lạc, mãi dâm ấy, nhất thời đã ngự trị mãnh liệt ở các thành phố có tiếng ăn chơi như Sài-gòn, Huế, Đà-nẵng. Nó đã có tác dụng mạnh nhất, đánh ngã không ít tầng lớp thanh niên có tiền, mất chí hướng. Báo Pháp *Thế giới* (7-4-1967) viết: «Cách đây một năm thượng nghị sĩ Mỹ Phun-bơ-rai nói: «Sài-gòn là một nhà chứa khổng lồ». Câu nói đó đến nay không quá đáng nữa. Hình ảnh mà thượng nghị sĩ Phun-bơ-rai nêu lên đang trở thành hiện thực ở Sài-gòn». Vì vậy, nó làm cho đại đa số các tầng lớp xã hội miền Nam giạt mình, lo sợ cho đạo đức gia đình, cho bước đường hạnh phúc của con em

minh; họ tìm cách lánh xa nó như người ta xa lánh bệnh hủi vậy. Cuộc đấu tranh chống nền văn nghệ mãi dâm do Mỹ-ngụy gieo rắc của nhân dân miền Nam, là một cuộc đấu tranh gay gắt, khi âm thầm, khi bột phát, bằng nhiều hình thức khác nhau; mà trước hết, phổ biến nhất là tẩy chay, không mua, không đọc những sách báo kiểu ấy. Do đó, sách báo văn hóa của Mỹ-ngụy ngày càng ế, bán không chạy, tình trạng xuất bản ngày càng sút kém. Theo như sự phản ánh của báo chí Sài-gòn: So với năm 1958 thì năm 1959 số sách xuất bản bị sụt xuống chỉ còn có 68% và năm 1960 còn ít hơn năm 1959 là 34% (nghĩa là chỉ bằng 1/2 của năm 1959). Tác phẩm *Tìm về sinh lộ* mang danh là «tác phẩm thời đại», với nội dung xuyên tạc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt-nam và nói xấu cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc, tác phẩm được «giải nhất văn chương» năm 1958, cũng chỉ được dư luận miền Nam đánh giá là «vô hiệp trình thám kỳ tình» (nghĩa là chuyện bịa, gọi tình hiểu kỳ, không có giá trị văn chương) (3).

Còn *thơ ca* thì lâm vào cảnh «ngưng trệ», «loay hoay của sự túng quẫn tâm hồn». «Nội dung của nó chỉ có uể oải, an nhàn, truy lạc, đau khổ, bùn lầy của tâm hồn gai góc, của tuyệt vọng». Đó là lời bình luận của một số văn nghệ sĩ miền Nam còn có ý thức trách nhiệm với nền văn nghệ dân tộc (4). Bởi vậy, không lấy gì làm lạ rằng: «Thơ ca không có quần chúng cũng như tiểu thuyết không có người xem» (4). Quần chúng nhân dân miền Nam không thèm ngó đến những tiểu thuyết, cũng như không thèm đọc thơ ca đồi trụy, mãi dâm của lớp «văn nghệ sĩ có chính quyền», sáng tác trong những đêm ở phòng trà, tiê mê hút, hay ghê tởm hơn nữa là trong cuộc sống điên loạn của dâm dục theo kiểu Mỹ, bởi nhiều lẽ khác nhau, nhưng trong đó có một lẽ nổi bật nhất là, nó không phản ánh được cái gì của cuộc sống, mà nó chỉ có gây nhiều tai hại cho con trai, cho con gái và cho tất cả những ai nhẹ dạ tin và nghĩ theo nó.

Nhịp sống của văn thơ miền Nam là nhịp sống gấp, sống với cái thực tại nhơ bẩn, lầy lội, sống không biết ngày mai. Nhịp sống ấy không chỉ thao túng trong một cái hố đen có giới hạn, mà nó ngày càng lan tràn rộng khắp, đến tận hang cùng ngõ hẻm của các đô thị

(1) *Thời luận*, số 480, 1-8-1958.

(2) Tạp chí *Bách khoa*, số Tết 1959.

(3) Xem *Bách khoa*, số Tết 1959.

(4) — 15-1-1961.

miền Nam, theo vết dầu loang của cuộc đầu cơ văn hóa Mỹ, của cuộc chiến tranh nô dịch văn hóa, song hành với cuộc chiến tranh xâm lược về quân sự và chính trị của đế quốc Mỹ.

Nếu dưới thời Diệm — Nhu (1954 — 1963), văn thơ còn núp dưới cái mũ « duy linh — nhân vị » để ru ngủ con người bằng chất nha phiến, phù phiếm, truy lạc, những mơ hồ, thần bí, thì từ sau đó đến nay (1964 — 1967), làn sóng văn chương Mỹ (kiểu Chicago) đã dội mạnh vào người ta như chất men của rượu cồn 90°. Nó làm cho những người nào chịu uống vào, phải say đến quên hết sự đời, quên mất chức năng cao thượng của con người. Nó đẩy con người rơi xuống vực sâu của nhục dục, chìm đắm trong kiếp sống sa đọa không lối thoát. Nhóm « Sáng tạo » chủ trương : « Đời vô nghĩa, con người sinh ra đời hi hục đau khổ để đi tới đâu. Thì cái vinh dự cuối cùng của con người là tự ý liả đời và mời mọc người cùng đồng loại hãy cùng mình vui lòng đi vào trong cõi chết. Được không? Và quần chúng trả lời : Phải sống! Phải chấp nhận cái phi lý của đời, và nhận thấy rằng đời càng oái oăm ta càng nên sống. Sống để kéo dài nỗi đời phi lý ». Đây là một sự nhai lại của học thuyết « sinh tồn » (Giăng Pôn Xác) trong văn nghệ. « Đời vô nghĩa », nên con người « đi vào trong cõi chết ». Nhưng lại không muốn chết, « Phải sống... để kéo dài nỗi đời phi lý » (!). Thật là hé tặc! Bể tắc đến mức không biết có cách nào thoát hơn là « chịu đựng », là « vui lòng » với cái thực tại của nền văn hóa ngoại lai, nhờ bản và đáng kinh tởm đó! Một số văn nghệ sĩ « Mỹ hóa » càng đi sâu hơn trong cách viết tiểu thuyết kỳ dị của Mỹ. Họ thi nhau tán tụng và cổ động rầm rộ đến trắng trợn rằng : « Tiểu thuyết Mỹ sở dĩ nổi bật lên sau này là nhờ sự bạo tay liều lĩnh của tác giả, nhờ cái đức tính hợp chất của nó. Đọc tiểu thuyết Mỹ trong đó sự sống còn như tươi rói, như sù sì góc cạnh, người ta có cảm giác cắn vào trái me chua vừa dứt ngay từ trên cây vút xuống. Có khoái đấy nhưng phải nhắm mắt mà khoái, tê răng mà khoái » (1).

Và cái « bạo tay liều lĩnh », cái « đức tính hợp chất » theo kiểu Mỹ đã được áp dụng ngay trong sáng tác văn nghệ ở miền Nam trong mấy năm qua, theo như sự liều lĩnh tăng quân ở ạt vào miền Nam Việt-nam của đế quốc Mỹ vậy. Các tác phẩm « Yêu, Sống, Tiền, Ghen Loạn » của tên mặt thâm đội lột nhà văn Chu Tử đã được coi là những « giá trị mới » — cái giá trị khiêu dâm, điên loạn và « chống cộng » — trong nền văn nghệ mãi đắm ở miền Nam Việt-nam. Các tác phẩm khác như *Con đường* của Nguyễn-đình-Toàn; *Khuôn mặt*, *Ung thư*,

Bếp lửa và *Cát lầy* của Thanh-tâm-Tuyền; *Những hạt cát đêm* của Thế Uyên... đều phản ánh một thứ tâm hồn tạt nguyên, bốc đồng, khao khát lối sống Mỹ, nặng về tình dục. Tình trạng văn nghệ này, không phải chúng ta, mà ngay giới văn nghệ sĩ miền Nam không chịu luôn cúi trước sức mạnh điên loạn ấy, buộc phải nhận xét khéo rằng : « Trọn năm 1965 chưa có một luồng sinh khí nào thổi vào văn đàn », mà những nhân vật được đưa ra trong các tác phẩm đó là những nhân vật « chán chương của những cuộc đời bị lãng quên », « bị rã rời trước cái xã hội trắng tráo miền Nam », cái xã hội « được nguy trang bằng sự phẳng lặng vết phong hủi của tâm hồn » (*Tin sách*, số 43, 1-1966).

Cùng với việc ca ngợi, tôn sùng và học theo lối viết tiểu thuyết Mỹ, các văn nghệ sĩ đời truy miền Nam lại ra mặt tuyên truyền cách sống Mỹ, cách « yêu đương hiện đại » của người Mỹ, làm cho quần chúng nhân dân hết sức ghê tởm. Họ lợi dụng thời loạn để ca ngợi cho những lập luận điên cuồng : « Khi mọi giá trị bị khuynh đảo, mọi tin tưởng đã bị sụp đổ, trước cảnh hoang tàn xơ xác, con người bơ vơ càng thấy cần đắm vui vào lạc thú xác thịt. Xã hội miền Nam có một lớp người không có tin tưởng mà tâm hồn ủ ê, khô cằn. Cái ủ ê (morasité), khô cằn (sécheresse) ấy... là một trong các nguyên nhân khiến thể hệ hiện tại ham điều dâm dục », và « con người chỉ còn nước chui nấp vào bộ phận sinh dục » (*La dernière parcelle de l'âme se réfugie dans le sexe*) (2).

Còn gì điên cuồng, dâm loạn và nhờ nhờ hơn khi ngòi bút của văn nghệ sĩ lại say mê diễn tả cái tâm hồn dĩ điểm của xã hội lãng loạn tư sản Mỹ trên sách báo miền Nam như vậy !

Rõ ràng, bằng con đường văn chương, một số văn nghệ sĩ miền Nam đã cố ý đẩy người đọc sa vào cái hố bùn truy lạc, mãi đắm, đề rồi quên hết mọi thực tại, để dăng « lỗ hổng sang ngang » theo tiếng hú gọi của đồng đê-la dâm máu, làm tay sai cho Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Bên cạnh khuynh hướng mãi đắm kiểu Mỹ, còn có dòng văn chương « chống cộng » nổi lên hều trên cái ao rác rưởi, tù đày của xã hội miền Nam. Đó là mục « Buồn vui chiến trường » của « quân đội cộng hòa », là « giải thưởng văn

(1) Xem bài « Có khi ái tình », *Bách khoa*, 1-11-1965.

(2) « Lối yêu hôm nay », tạp chí *Bách khoa*, 15-10-1965.

nghe « chống Cộng » một triệu đồng » hồi 1966 của Nguyễn-cao-Kỳ, là tác phẩm *Trái tim không lồ* của Vương Thanh, *Hai đứa trẻ, một cây cầu* của Nguyễn-mạnh-Côn...

Chính trong cái hỗn loạn của nền văn chương sa đọa này, nhân dân các đô thị miền Nam càng thấy trân trọng hơn đối với một số truyện ngắn do một số văn nghệ sĩ yêu nước, có tinh thần dân tộc, đã viết ra, được in trên báo chí công khai một thời, rồi bị cấm, tác giả bị truy nã, như các truyện *Bát máu* và *Cửa hiệu bán văn chương*... Tiếng vang của cuộc đấu tranh do giới văn nghệ sĩ có tinh thần dân tộc tổ chức hồi ngày 1-5-1958, đòi Mỹ — Diệm ban hành một qui chế tiến bộ cho những người làm công tác văn nghệ đã thôi thúc nhiều người cầm bút ở miền Nam, nhất là ảnh hưởng ngày càng lớn, mạnh của Hội văn nghệ giải phóng, mà người đứng đầu tổ chức này lại là nhà soạn kịch nổi tiếng Trần-hữu-Trang, đã rời Sài-gòn, rồi bỏ cảnh sống ao tù, vượt khỏi vòng cương tỏa của Mỹ — ngụy, phát lên ngọn cờ giải phóng văn nghệ cho giới văn nghệ sĩ miền Nam. Đó là nhân tố, là nguồn cổ vũ những người cầm bút có trách nhiệm với đạo đức gia đình, với tương lai văn hóa của dân tộc, còn đang sống trong đô thị, trong nanh vuốt của kẻ thù, như nhà văn Vũ Hạnh, nhà thơ Hà Kiều, soạn giả Thu An v.v... đứng lên chống Mỹ — ngụy bằng những sáng tác phẩm tiến bộ của mình.

Đó là thực trạng văn thơ. Còn tình cảnh nghệ thuật miền Nam cũng vô cùng bi đát !

Ngành *cải lương*, riêng năm 1967, có đến 20 đoàn bị tan rã. Và từ bấy đến nay, nó tiếp tục vỡ gánh như tường đất mục trước sức phá của sóng bể. Cái lý do rõ ràng của các đoàn cải lương, trước hết là nó bị đàn áp, bị khủng bố và bị Mỹ — ngụy giải tán. Thi dụ, vở *Nhụy hoa lan* bị làm khô chỉ vì dám đả tấu Ngô-đình-Diệm, tuồng *Đưa bay* của Lê-hoài-Nữ bị buộc tội cho chủ trương chung sống hòa bình...

Hiện nay, trên sân khấu miền Nam, nếu gánh cải lương nào còn sống, phải là những gánh cải lương phục tùng đường lối này : Nội dung tuồng hát phải bắt nguồn từ ngoại quốc và hình thức cũng phải ngoại lai (1) — nghĩa là, hàng đêm không diễn tuồng La-mã thì cũng phải diễn tuồng Nhật-bản, tuồng Tàu hoặc Ấn-độ. Các tuồng hát hay kịch nói đều phải tập trung vào chủ đề tình ái (dâm dục), ca ngợi bọn vua quan phong kiến, ca ngợi văn minh Âu — Mỹ, phở trương lối sống tư sản, dề cao đồng tiền và thú vui sống gấp.

Bởi vậy, cuộc đời của những soạn giả và diễn viên miền Nam, buộc phải chọn một trong 2 con đường sống trong chế độ đó, nếu họ không

biết thoát ly như nhà soạn kịch Trần-hữu-Trang : Một, họ sẽ trở thành « ngụy binh nghệ thuật » đem tài năng của mình « đánh thuê » cho bọn « chiến tranh tâm lý » ; hoặc đem tài năng của mình làm trò vui cho bọn giàu sang trong các quán rượu, phòng trà. Hai, phải chịu nằm im, sống cuộc đời lao động thiếu thốn như Tư Hiếu một « cây vĩ cầm duy nhất trong làng nhạc cổ điển » phải chuyển nghề, đi đập xe lôi. Hơn nữa, phần đông « đã và sẽ chết lạnh trong nhà thương thí, dưới gầm sân khấu, trên các vỉa hè hoặc dưới các hàng ghế hay trước rạp hát » (2) như thảm trạng của Sáu Tùng, Tư Chơi...

Ngành *tân nhạc* thì lâm vào tình trạng bế tắc, không lối ra. Câu phủ « phục hưng quốc nhạc » của Mỹ — ngụy, chẳng khác nào là lũ đồng bóng la lối trước con bệnh sắp chết. Nó không giúp cho các nghệ sĩ suy nghĩ gì khác hơn là « hoang mang tìm đường nhảy qua nghề khác » ; bởi vì, nếu cứ bám theo cái đuôi của nghề đồn hát oản oại, đau thương, « suốt ngày rên rỉ như người sắp chết ấy » (3) thì có được ai chú ý nghe và tán thưởng đâu !

Phần lớn nhạc phẩm được gọi là « chọn lọc », đều lấy theo điệu « măm-bô » (điệu nhạc khiêu vũ của Tây phương), và lời lẽ hết sức suông sã, trắng tráo, thô bỉ như : « Đừng thẹn thùng vì nếu lỗi quen em ngoài đồng vắng », hoặc « Về đây em ! Dù trời khuya anh sẽ đưa em về », hoặc « Anh vui đi, anh say đi, đón tình đi rồi mai lại chia ly ! »... Tờ báo *Thời luận* (12-1959) đã phản ánh yêu cầu của thỉnh giả miền Nam đối với các nhạc phẩm này như sau : « Các nhạc sĩ măm-bô đừng khai sinh những đứa con tinh thần khốc hại nữa ». Ban hợp ca Thăng-long (Sài-gòn) trước vẫn được tiếng là có tinh thần dân tộc, thì nay cũng bị mĩa mai là « Âu-Mỹ tộc nhiều quá ! ».

Theo dõi quá trình « phát triển » của ngành tân nhạc miền Nam, những người có tinh thần dân tộc, quý chuộng độc lập tự do đều nhận ra một cảnh tình bi đát như sau : đó là một nền âm nhạc bị quyền rũ « trước làn sóng xâm nhập của nhạc ngoại quốc (Mỹ) và trước sự quen giống nòi của một số đồng ca sĩ Việt » (*Lê sông*, 1-1-1961). Nhạc và lời của bất cứ loại nhạc phẩm nào cũng giống tiếng rên rỉ của loài ve sầu lo lắng trước cơn mưa giông ; hoặc giả nó giống như những tiếng rống của những con thú đang bị mắc phải bẫy giữa rừng đêm. Những tiếng đệm « cha cha... cha cha... cha

(1) *Thời cuộc*, 5-1958.

(2) *Dân chúng*, 1-6-1959.

(3) *Thời cuộc*, 5-1958.

cha» xen lẫn vào những đoạn du dương thống thiết, với những lời lẽ lạc lõng vô bờ của những cuộc đời dâm loạn, tình si, khiến cho ngành tân nhạc miền Nam trở nên trò chơi quái gở của những tâm hồn đầy đọa, chứ không còn nghĩa gì là thanh cao và đẹp đẽ, có sức thu hút thính giả được nữa.

Đi theo tân nhạc là *tân vũ*. Các kiểu nhảy Mỹ tràn lan khắp đô thành; Rốc-en-rôn, Sa-sa-sa, Măm-bô, Yan-bô, Tuyết, Tà-bu tà-bu, Hu-la-húp... Những đoàn nghệ sĩ cao bồi Mỹ đã đến Sài-gòn, biểu diễn các điệu nhảy múa giếtگان nhất của thanh niên truy lạc Mỹ. Nhà khiêu vũ Bắc-ca-ra (đường Trần-quý-Cáp, Sài-gòn) được phép nuôi hẳn một vũ nữ ngoại quốc chuyên biểu diễn lối thoát y vũ.

Các điệu tân vũ kỳ quái trên đây đã gây nên một sự ghê tởm đối với nhiều người trong các tầng lớp xã hội miền Nam, nhưng nó lại có sức lôi cuốn tầng lớp thanh thiếu niên lãng mạn, ham chơi. Vì vậy, tân vũ đã là điều kiện, giúp cho Mỹ — nguy đào tạo thêm nhiều cao bồi và mem-phết (memphettes). Mỹ — nguy đã coi môn tân vũ này là « môn thể thao » nhằm « lãnh mạnh hóa xã hội » kiểu như vậy đấy.

Tuy nhiên, cái « ồn ào » nhất trong lĩnh vực nghệ thuật miền Nam là ngành *phim ảnh*.

Mỹ — nguy tuyên truyền rằng: ngành phim ảnh miền Nam đang « phát triển theo nhịp điệu tân tiến nhất » (1). Nếu hiểu hai chữ « tân tiến » theo nghĩa « Mỹ hóa » thì đúng thật; bởi vì trong số hơn 30 hãng phim ở miền Nam thì có hơn 20 hãng của người Mỹ và các nước chư hầu Mỹ. Toàn miền Nam có 120 rạp chiếu bóng, hầu hết đều chiếu phim Mỹ và các nước khác. Một số phim được xây dựng và sản xuất tại miền Nam thì bị ế, không rạp nào muốn chiếu, vì nó « không ra gì ». Có một số phim nội địa có chất lượng như các phim « Võ mộng » thì bị ghép tội là « đề cao lòng can đảm của nông dân », phim « Trai thời loạn » thì bị ghép tội là « miệt thị cơ quan tư pháp, làm mất ảnh hưởng quân đội cộng hòa », các phim « Tình hận » và « Giọt máu rơi » thì bị lên án là « đề cao thuyết đấu tranh giai cấp ». Vì vậy, riêng năm 1958, số phim chiếu ở miền Nam là 500 cuốn thì đã 211 cuốn của Mỹ, 192 cuốn của Trung-hoa Tưởng Giới-Thạch. Năm 1959, phim Mỹ chiếm 85%. Nói chung, phẩm chất phim ảnh lưu hành trong các rạp chiếu bóng miền Nam như sau: 45% phim cao bồi; 18% phim vua quan; 42% phim truyện đảng điểm, ngoại tình, lãng mạn...

Chính những phim Mỹ, với những cuộc tàn sát người da đen vô tội; những « găng-xơ » Mỹ với điệu thuốc ngậm lệch trên môi, lái xe chạy loạn trong thành phố để xả súng bắn nhau;

những phụ nữ nhảy múa trần truồng kêu gọi... đã để ra khắp các đô thị miền Nam những tên cao bồi mặc quần ống túm, áo chim cò, đi khệnh khạng; những thanh niên ăn chơi, đảng điểm, truy lạc; những nữ sinh với bộ quần áo ni-lông mỏng dính, bỏ học để thi giờ bắt chước những dáng điệu lẳng lơ của các đào nguyên tử Mỹ...

Ngay giữa thành phố Sài-gòn, vì bị ảnh hưởng của phim ảnh Mỹ, nên có những thiếu niên chưa sạch nước mũi đã hiệp đám, giết người; có những thiếu nữ được mệnh danh là mem-phết mới 13, 14 tuổi đầu đã ăn mặc lố lăng, đầu tóc rối bù, nghênh ngang đi giữa phố, giở đủ trò đề khuê gợi nhục dục. Tệ nạn xã hội này đã làm cho nhiều người sống dưới quyền Mỹ — nguy lo lắng, họ đòi « cấm nhập phóng xạ nguyên tử của màn ảnh Âu-Mỹ đang đầu độc thanh niên nam nữ Việt-nam (Nam) » (Tuần báo *Nhân loại*, số 71).

Rõ ràng, nền văn nghệ mại dâm của Mỹ — nguy ở miền Nam đã gây nên một thảm trạng sống vô cùng đen tối cho nhân dân các đô thị, nhất là cho thanh thiếu niên.

Nhật báo Viễn đông (26-3-1958) đã tố cáo rằng: « Về án hộ, năm 1955 ở miền Nam có 17.541 vụ, năm 1956 tăng lên 23.774 vụ, và năm 1957 có đến 37.734 vụ. Về án hình, chỉ riêng tệ nạn xã hội, năm 1955 có 12.904 vụ, năm 1957 tăng lên đến 21.254 vụ ». Riêng thiếu niên phạm tội, từ 1955 đến 1960 có 11.464 vụ trộm cướp, đâm chém, hãm hiếp.

Phụ nữ diễn đàn (số 176) đã kêu lên: « Xã hội Việt-nam (Nam) đang bị làn sóng vật chất Âu Tây tràn ngập và ảnh hưởng văn hóa thiếu lãnh mạnh ngoại lai... Lôi cuốn mãnh liệt, đưa đẩy một số thanh niên xuống dốc đồi truy ».

Ngay tên Nguyễn-cao-Kỳ, trùm cao bồi miền Nam, là tên tay sai đắc lực của Mỹ đang thi hành một chính sách văn hóa nô dịch nặng nề nhất ở miền Nam hiện nay, cũng phải cúi đầu thừa nhận: « Thật ra, trong lúc xã hội bị phân hóa, tình trạng kinh tế khó khăn, không lẽ gì ngăn cản nổi sự suy sụp trên phương diện văn hóa xã hội. Sự có mặt của quân đội đồng minh (Mỹ) trên lãnh thổ chúng ta (miền Nam) nếu quả thật là một sự cần thiết gần như tuyệt đối thì cũng là một yếu tố quan trọng xô đẩy nhiều phần tử trong xã hội vào những cam bẫy của bả vật chất... » (2).

(1) *Cách mạng quốc gia*, 12-1960.

(2) « Diễn văn » đọc trước « quốc hội » bù nhìn miền Nam, ngày 23-12-1966.

Thực tế ấy đã nói lên đầy đủ phẩm chất « Á đông tính, dân tộc tính » của nền văn nghệ miền Nam Việt-nam là như thế nào? Nó tố cáo sâu sắc cái chế độ xã hội thuộc địa kiểu mới, cái lối sống « Mỹ hóa » ở miền Nam. Tất cả đều trở thành dĩ điểm ! Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã tạo cho xã hội miền Nam có những phong tục đồi bại nhất so với lịch sử thuộc địa của các nước châu Á.

Với trào lưu văn nghệ mãi dâm, Mỹ-ngụy mong muốn hướng những tâm hồn trong sạch nhất đi theo con đường nhơ bẩn nhất. Và nó đã làm cho một số văn nghệ sĩ miền Nam tự chà đạp lên vinh dự « kỹ sư tâm hồn » của họ, để tự biến thành những tên bồi bút, buôn văn bán chữ tởi tệ nhất. Hậu quả của nó sẽ như là một số người đã biết than thở: **muối rang sẽ « Mai kia, sau cuộc « đấu bằng bút người mới sẽ không hiểu gì về tâm trạng của những người trẻ đời đó tất cả nền văn nghệ của chúng ta sẽ bị vấy đi một loạt. Nhưng đó mới chỉ là một lớp chúng ta còn người mới có thể khôi phục lại những bộ xương sống, xương cốt, hồn là thích đọc thơ văn của chúng ta »** (1). Thật ra, không phải đợi đến « sau cuộc đấu bằng bút » ngày nay, mà ngay từ bây giờ, văn nghệ sĩ miền Nam đã tay chân mạnh mẽ nên văn nghệ đó, và họ đang xây dựng một nền văn nghệ dân tộc dân chủ dưới sự hướng dẫn của Hội văn nghệ giải phóng. Còn, khoảng 4 triệu dân ở các đô thị cũng đã tìm cách làm cho nền văn nghệ mới phát triển ở Mỹ-ngụy, tìm cách chống lại nó bằng nhiều hình thức.

MẶT TRẬN BẢO CHỈ VÀ CÔNG CUỘC
THE THAO PHẢN ĐỘNG

Nếu như thế ngoài, (nghĩa là) thấy họ chỉ
miền Nam có bản «*Đất đỏ*» như là
đời trước không biết nên chọn từ nào nào để
xem. Thật chất của việc «*Đất đỏ*» là
là sự đỏ của đất sét, «*Đất đỏ*» là
bị «*Đất đỏ*» và «*Đất đỏ*» không phải là
nguy, (bởi vì) là «*Đất đỏ*» là một điều nói là
10 năm, cho vậy là «*Đất đỏ*» là một điều nói là
lập lại một lần, nó sẽ biến thành sự «*Đất đỏ*»
và «*Đất đỏ*» là «*Đất đỏ*» là một điều nói là
ta «*Đất đỏ*». Ấy là phước của «*Đất đỏ*» của
công tác báo chí do «*Nhà*» «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*»
lý của «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*»
mang, quốc gia «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*» «*Đất đỏ*»
(dưới thời Diệm)... và các tờ báo Tiền tuyến,
Đổi thời, Công chúng, Tiếng Việt, Thanh niên...
đang lưu hành hiện nay ở miền Nam là những
tờ báo trung thành tuyệt đối với đường lối
phản động đó. (bị cộng đồng dân) (E)

Tờ báo nào có ý thức hoặc vô tình đi ngoài quỹ đạo trên, tức khắc sẽ bị Mỹ—nguy bóp nghẹt. Hàng ngày các báo đều nhận được một bảng thống kê những tin phải đăng và tin không đăng. Báo nào làm không đúng qui định, dù là đối với một tin nhỏ nhất cũng bị « nghiêm khắc cảnh cáo », bị « xóa sổ cấp phiếu mua giấy báo » và « bị truy tố ».

Báo chí ra mắt người đọc được xếp trong khuôn khổ « phi tự do » ấy, làng báo miền Nam rất dễ bị gán tội là « thân cộng », là « tay sai » cho Việt cộng, là « cán bộ cốt cán của Việt cộng ». Nghề làm báo và nhà tù rất gần gũi đối với các ký giả không phải bởi vì các nhà Mĩ - ngụy, trong giai đoạn trước, một số nhà

Từ 1954 đến 1960 có trên 400.000 báo chí được
 của và hơn 300.000 gia đình được hưởng lợi
 theo khuôn phép báo chí của Việt Nam Cộng
 hòa. Từ 1961 đến 1965, số báo chí được
 có trên 1 triệu gia đình. Năm 1965, số báo chí
 bán chính thức được 1 triệu gia đình. Ngày 15-12-
 1965, số báo chí được 1 triệu gia đình (do thời hạn
 vĩnh viễn) được 1 triệu gia đình. Từ 1966 đến
 năm 1969, số báo chí được 1 triệu gia đình
 được 1 triệu gia đình (tổng cộng 1 triệu gia đình)
 hành chính = số « báo chí » được 1 triệu gia đình

Thức ăn mà tui dùng cho cá là cá mè đã vớt
trên những ruộng dàu gần nhà của Mỹ - nguyễn
và những ruộng của: 2 ông chủ không phải vụ
chính trị, ông chủ họ Nguyễn ở gần nhà
ông chủ họ Lê ở gần nhà ông chủ họ Lê ở gần nhà

đều được đánh giá là những tác phẩm có giá trị văn học và tư tưởng, dù dưới quyền thống trị của Mỹ - ngụy, cũng không thể ngăn cản được yêu cầu đấu tranh của dòng đạo nhân cư làm hàng đầu để tiếp tục nhiệm vụ và không bao giờ theo kiểu cách độc tài và phá hoại. Từ cuộc đấu tranh chống "đạo 13" (20-2-1956) chống "qui chế báo chí" (1957) đến yêu sách "ưu tiên xuất bản"

báo chí cho kỹ giả và những người trong giới
văn học" (1945-1990) giới nhà báo miền Nam
đã gây được một tiếng vang trong các giới, đã
xuất hiện một số nhà báo tiến bộ, yêu nước,
được mọi người kính trọng như đại nhà báo
Anh Hoàng và nhiều Sơn. Tuy nhiên, các
cuộc đấu tranh của làng báo miền Nam
chưa được tiếp nối một cách liên tục, do
điều kiện của phòng trào chung của quần
chúng lao động và các tầng lớp trung gian
do đó, nên họ sẽ đang bị khủng bố, đàn áp.

Nội sai sự thật của bản chất của báo chí phản
động! Và cho mà, Mỹ ngày nay còn có kêu gào
giam giữ nhân dân ở các tỉnh miền Bắc.

phải « can đảm nói thật! ». « Can đảm nói thật » theo kiểu của chúng tức là tự do tuyên truyền chiến tranh, tự do gây xúc động trong quần chúng, tự do biến giả thành thật, biến ít thành nhiều.

Có ai còn nghi ngờ gì nữa rằng, đế quốc Mỹ đã bị thất bại hoàn toàn trong chiến lược « chiến tranh đặc biệt » ở miền Nam và chúng đang tiến hành chiến tranh cục bộ ở đó. Thế nhưng, báo chí miền Nam đã bịt hẳn sự thật. Chúng lại hô hào rầm rộ rằng: « Quân đội Hoa-kỳ đã thắng, đang thắng và sắp thắng lợi! », « Việt cộng đã thua, đang thua và sắp thua hoàn toàn! » (?). Đây là trò tâm lý chiến hết sức rẻ tiền, không lừa bịp được ai. Thực tế của tình hình lịch sử từ 1954 đến nay, đã giúp cho nhân dân miền Nam nhận ra điều gì là thật, điều gì là dối.

Báo chí phản động miền Nam là một mặt trận tác chiến tinh thần được chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ rất coi trọng; bởi vì ở mặt trận này, chúng có thể tung những màn khói mịt mù, che mặt thể gian với diện rộng rãi nhất, với một nhịp độ nhanh nhất. Tuy nhiên, tác dụng của nó rất bị hạn chế, bởi lẽ nó được xếp vào công thức « báo = nói láo! ». Nhân dân miền Nam đã phát ngậy về những điều bịa đặt, vu khống, xuyên tạc nhiều sự thật của các tờ báo thuộc ngụy quyền nuôi nấng, nên không ai chịu tin và nghe nó nữa. Người ta có ý thức đi tìm sự thật nhiều hơn!

Một bạn đọc miền Nam đã phát biểu: « Trong hiện tình này, tốt hơn hết là đừng đọc tin tức chính trị đăng trên báo, vì nó chỉ có tác dụng gây hoang mang, nhức đầu, hoài nghi: sự thật là ở đâu?... Tốt nhất, chỉ nên đọc các tin quảng cáo thuốc an thần, rao hàng vật hoặc đọc chuyện nhảm nhí để giải trí có lẽ tốt hơn » (1).

Gần đây, để che dấu những sự thật giả dối về cuộc « tuyên cử tổng thống », ngụy quyền Thiệu-Kỳ, đã ra lệnh đóng cửa tờ báo *Thần chung*, bắt ông Văn-Lương chủ bút tuần báo *Sân khấu*; đồng thời với hành động khủng bố, đàn áp, bắt bớ một số văn nghệ sĩ tiến bộ, như các ông: Thu-An (một soạn giả và là giám đốc một đoàn ca kịch lớn « Hương mùa thu »), Hoài-Linh và Mai-Quân (nhà soạn kịch); nhà thơ Hà-Kiều; nhà văn Vũ-Hạnh (vừa là nhà báo, tổng thư ký tổ chức bảo vệ văn hóa dân tộc); giám đốc nhà in và xuất bản Cửu-long Nguyễn-sĩ-Hồng; các diễn viên Yến-Lang, Ngọc-Trai, Bạch-Tuyết v.v...

Hành động bóp chết quyền tự do ngôn luận, sáng tác cũng như biểu diễn của Thiệu-Kỳ hồi tháng 5-1967 trở lại đây, là một hành động cực kỳ tàn bạo, vô liêm sỉ. Dù cho chúng có dùng

bạo lực phản động để bắt bớ, hãm hại các văn nghệ sĩ, các nhà báo nổi trên, chúng cũng không thể dập tắt được phong trào yêu nước, chống Mỹ-Thiệu-Kỳ đang dấy lên trong tâm hồn của đông đảo anh em văn nghệ sĩ và nhà báo miền Nam Việt-nam.

Vừa khủng bố, vừa xoa dịu là 2 mặt của Mỹ —ngụy đối với phong trào báo chí miền Nam hiện nay. Trong những ngày đầu tháng 7-1967, khi cả nước Việt-nam đang sôi sục, phần nộ và đấu tranh chống hành động bắt bớ trên đây của Mỹ-Thiệu-Kỳ, thì « quốc hội » bù nhìn miền Nam lại bày trò « thông qua một quyết nghị đòi chính phủ (ngụy) hủy bỏ lệnh kiểm duyệt báo chí » (2). Nhưng, nhân dân miền Nam đã hiểu quá rõ cái trò bịp bợm của bọn bù nhìn hai mặt, một lòng, do chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đào tạo trên sân khấu chính trị phản động rồi. « Lệnh kiểm duyệt báo chí » của Mỹ-Thiệu-Kỳ có thể được công khai thừa nhận; nhưng thực chất, báo chí miền Nam vẫn không thể nào tự do nói thật, nếu chế độ thống trị của Mỹ —ngụy vẫn tồn tại.

Cùng với mặt trận báo chí, còn có công cuộc *thể thao* phản động, gây tác hại không nhỏ cho đời sống hoạt động vui khỏe của nhân dân miền Nam Việt-nam.

Dưới chiêu bài « đào tạo cho quốc gia một thể hệ thanh niên tráng kiện từ thể chất đến tinh thần để phụng sự giống nòi, và xây dựng hòa bình nhân loại » (3), Mỹ —ngụy tìm cách lôi cuốn thanh thiếu niên miền Nam vào công cuộc thể thao đen tối, « thể thao phải chống cộng »; lấy sức khỏe của vận động viên để đầu cơ trục lợi cho chính sách cướp bóc của chúng.

Nòng cốt cho phong trào thể thao của thanh niên miền Nam, dưới thời Diệm là « Đoàn thanh niên cộng hòa », hiện nay là các « Đoàn thanh niên phụng sự quốc gia », « Liên đoàn thanh niên ái quốc », nhưng nói chung đều là tổ chức hiến binh trá hình của Mỹ—ngụy. Còn, tổ chức lãnh đạo phong trào thể thao miền Nam là « Tổng nha giám đốc thanh niên và thể thao », nằm trong « Bộ công dân vụ » (thời Diệm) (bây giờ là Tổng bộ an ninh quốc gia), do bọn đặc vụ khét tiếng cầm đầu (Ngô-trọng-Hiếu thời Diệm. Nguyễn-ngọc-Loan thời Thiệu-Kỳ). Vây, thanh niên thể thao còn là thanh niên làm một thám nữa!

Rõ ràng, tổ chức và phát động phong trào thể thao ở miền Nam Việt-nam, Mỹ—ngụy

(1) *Dân chủ*, 12-12-1965.

(2) *AP*, 3-7-1967.

(3) *Cách mạng quốc gia*, 2-1957.

nhằm đạt âm mưu lôi cuốn thanh niên ham chuộng thể thao vào con đường làm tay sai, mật vụ cho công cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Ngoài ra, chúng còn lợi dụng phong trào thể thao làm nơi đầu cơ, mua bán và đánh thuế.

Mỗi một trận đấu giữa các « Tổng cuộc bóng tròn » miền Nam với quốc tế, là mỗi lần bọn tay sai Mỹ vơ vét cho chúng một số tiền khá lớn. Chẳng hạn như: tiền thu của 2 trận đấu với đội Pê-ru (Nam Mỹ) ở Sài-gòn vào đầu năm 1960 là 1.987.200 đồng (miền Nam) thì tiền thuế đã chiếm mất 882.599đ60 (nghĩa là gần bằng 50%). Đó là số tiền phải trả cho cảnh sát là 65.700 đồng.

Còn một việc làm gian lận, bỉ ổi hơn, là « Tổng nha giám đốc thanh niên và thể thao » đã cùng các hãng buôn lớn bí mật mua bán với nhau về các trận đấu bóng hoặc đua xe đạp của giới thể thao miền Nam. Hãng buôn nào chịu đóng cho Tổng nha một số tiền lớn thì được dùng trận đấu bóng hay cuộc đua đó để quảng cáo hàng một cách công khai cho hãng buôn của mình.

Do đó, không lấy gì làm lạ rằng: ở miền Nam Việt-nam đã xuất hiện những quảng cáo thể thao rất mua bán như: « Giải bóng bàn Air-France », « Giải bóng bàn Shell », « Giải đua xe đạp Bastos-Artichaut-Hynos »... (nghĩa là « giải bóng bàn hàng không dân dụng Pháp », « giải bóng bàn hãng dầu Shell của Mỹ », « giải đua xe đạp thuốc lá Bastos — nước ngọt Artichaut — xà phòng đánh răng Hy-nos »...).

Trong các trận đấu, trận đua, các vận động viên và cua-rơ đều phải mang nhãn hiệu của các hãng ấy, sau lưng và trước ngực. Trong trường hợp này, vận động viên là người quảng cáo hàng.

Đã là mua bán thì không tránh được đồ đen, và cũng bởi lẽ cờ bạc là sinh hoạt công khai được Mỹ—ngụy bảo trợ, nên cuộc đồ đen đã xâm nhập vào trong lĩnh vực thể thao. Các vận động viên trên sân bãi đã trở thành những con ngựa đua để khán giả đánh cá với nhau. Một số khán giả miền Nam đã nhận xét khá đúng rằng: tỷ số các trận đấu không biểu hiện một cách trung thực về lực lượng và tài năng của cầu thủ hai đội, mà lại phản ánh sự tương quan tiền bạc của những người đánh cá với nhau. Do bởi ma lực của đồng tiền chi phối, nên các cầu thủ trên sân bãi miền Nam sẵn sàng vứt bỏ đạo đức thể thao, biến thành những đầu sỏ, đâm đá nhau để giành phần thắng cho chủ bạc.

Hình ảnh thể thao này là con đẻ của nền thể thao Mỹ. Bóp-tê-mi-át, một cầu thủ nổi tiếng của Mỹ đã nói: « Thể thao Mỹ đã trở thành một môn kiếm tiền thông thường nhất, đem lại lợi nhuận cho những kẻ đầu cơ thể thao... tất cả đều phụ thuộc vào đồng đô-la » (1).

* *

KẾT LUẬN

Nền văn hóa miền Nam là một nền văn hóa *đời trụy*, được bắt nguồn từ nền văn hóa tư sản Mỹ ngày nay. Đó là một nền văn hóa ăn chơi theo quan niệm « vivre d'abord » (sống gấp) trước tình thế hỗn loạn của thế giới tư bản, trước sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa đế quốc. Đó là một nền văn hóa cao bồi theo mẫu « người hùng Chicago » (Mỹ), cưỡi ngựa bắn súng, hiếp dâm và đi ăn cướp.

Thông qua mấy nét lớn về nền văn hóa miền Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, chúng ta thấy: đó là sự phản ánh cái điên đảo của những con người không có lối thoát, bị đồng tiền chi phối làm mất cả đức tính cao thượng và nhân phẩm tốt đẹp của loài người, « Trác táng, độc ác, ton hót, dò la, phản bội, con làm ô nhục bố mẹ, chồng hủy hoại vinh dự vợ, mại dâm, tàn bạo, giết chóc, dối trá — tất cả những cái đó là những biểu hiện của người công dân được tin cậy chắc chắn trong cái thế giới tự do của 1/4 đất đai ở miền Nam Việt-nam » (2). Đó là một nền văn hóa ngoại lai được xây dựng trên nền tảng mại dâm, mua bán và phản động. Nó nhằm đầu độc nhân dân miền Nam, hủy hoại trí tuệ và cân não của họ, biến họ thành một giống người khác. Báo chí miền Nam than thở rằng: « Chao ôi, cơ thể, cân não của con người, nếu nó được tạo ra để hưởng năm tháng lơ mơ... thì nó chịu sao nổi sự xài xê ghê gớm của một đời người doanh nhân Âu-Mỹ ngày nay? Không biết sự đổi khác trong điều kiện sinh sống đã làm tiêu diệt giống voi không lông (mammoth) ngày xưa có thể quan trọng hơn chăng? ». Và « phải chăng con người với tim ấy, phổi ấy, bộ thần kinh ấy, khả năng cảm xúc ấy, với cái kiến trúc sinh lý nó hiện có ấy, nó chịu hết nổi nữa rồi?... Nó đang gặp cơn khủng hoảng, phải biến đổi để thích ứng? Phải chăng chúng ta đang biến ra một giống khác » (3).

(1) Nữ-ước thời báo (3-1963).

() Bóp-tét: *Ba tháng sống với những người du kích* — NXB Văn học, Hà-nội, 1964, tr. 86.

(3) « Người đồi giống », tạp chí *Bách khoa*, 1-6-1965.

Với tinh chất ấy, nền văn hóa miền Nam Việt-nam là một nền văn hóa phản dân tộc dân chủ rõ rệt. Nội dung của nó là nội dung bán nước và cướp nước. Với ý nghĩa và công cụ đấu độc tinh thần, nó gieo rắc những tệ hại xấu xa nhất để làm bại hoại ý chí cách mạng của nhân dân miền Nam, để tạo ra một loại « công dân tốt » cho chế độ « Việt-nam cộng hòa ». Đó là loại công dân « giết người không gớm tay », là « những kẻ có con trai nghiện ngập, hư hỏng, có con gái làm đĩ... » để « chứng minh rõ ràng và đầy sức thuyết phục rằng anh không phải là một tên « Việt cộng » mà là một « công dân loại 1 » ... » (1).

Nói cách khác, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã dùng bọn tay sai nguy ở miền Nam Việt-nam xây dựng một nền văn hóa thực dân, nhưng che dấu hai chữ thực dân, để lường gạt dân chúng. Nền văn hóa thực dân này gắn chặt với chính sách xâm lược của Mỹ ở miền Nam. Nó vừa có nhiệm vụ chống phá lý tưởng cách mạng của nhân dân, vừa tiêm cho họ những nọc độc hại nhất, làm cho họ không còn nghĩ gì đến vận mệnh sống còn của dân tộc, không còn thiết đến cuộc sống của bản thân mình, chỉ biết cúi đầu vâng theo sức mạnh của đô-la và vũ khí Mỹ, theo tâm trạng :

« Tôi không có một nhà thờ. Tôi không có một mái nhà. Tôi không có một thần tượng. Tôi trôi xuôi theo dòng thác lũ ở ạt... Tôi ngó ngang thờ ơ tấn thâm kịch đối với số phận tôi và số phận người khác » (2).

Thật là vô cùng nguy hiểm, nếu ai đánh lừa nhầm mắt đưa chân, để cho cuộc sống của mình trôi xuôi theo dòng văn hóa đồi trụy phản động ấy.

Nhưng, ở miền Nam Việt-nam — mảnh đất có truyền thống quật khởi lâu đời — nhân dân miền Nam Việt-nam, những con người đã từng đứng lên chiến đấu cho nền độc lập tự do của dân tộc, đã từng được rèn luyện thử thách qua bao cuộc « đấu bẻ » của ngoại xâm, vẫn đứng vững và chiến thắng kiên cường, không thể nào dễ bị nhận chìm trong cái bẻ văn hóa ngoại lai, vong bản được !

Nhân dân miền Nam Việt-nam, trong hơn 10 năm qua, bằng mọi hình thức, đã đứng dậy đấu tranh chống lại nền văn hóa thực dân kiểu mới của Mỹ ; bằng sức mạnh của ý chí dân tộc, đồng đảo thanh thiếu niên miền Nam đã giữ vững truyền thống Việt-nam trong cuộc sống — truyền thống cần cù lao động, giữ gìn đạo đức gia đình, kiên cường và bất khuất trước sức mạnh của đồng tiền và vũ khí, bảo vệ đến cùng nền văn hóa cách mạng đã đạt được từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Giờ đây, cùng với sự phát triển ngày càng thắng lợi của cách mạng miền Nam, nền văn hóa cách mạng ngày càng phát triển và cắm sâu trong hơn 10 triệu dân miền Nam (trên diện tích 4/5 đất đai giải phóng). Nền văn hóa đó (tức là nền văn hóa dân tộc dân chủ) là nguồn hy vọng của cả 14 triệu nhân dân miền Nam.

Nền văn hóa đồi trụy của Mỹ — nguy sẽ bị dồn xuống hố đen cùng với sự thất bại hoàn toàn về mặt quân sự và chính trị của chúng.

20-7-1967

(1) Bớt-sét, đã dẫn, tr. 85.

(2) Xem tạp chí *Bách khoa*, 15-10-1965.

TÌM LẠI THẤY BÀI THƠ CỦA VUA LÊ THÁI-TỔ Ở LAI-CHÂU

NGUYỄN-NGỌC-TUẤN — TRẦN-TÂM

Đã từ lâu, thư tịch cổ viết bằng chữ Hán của nước ta có nói nhiều đến việc vua Lê Thái-tổ (Lê Lợi) chinh phạt Đèo-cát-Hãn — từ trường vùng Tây-bắc—vào nửa đầu thế kỷ XV cùng những bài thơ của Lê Lợi làm, cho khắc vào đá núi trên dọc đường trở về để ghi công chiến thắng. Năm 1965 Vụ Bảo tồn Bảo tàng và Ty Văn hóa tỉnh Hòa-bình đã tìm lại thấy ở Chợ Bờ thuộc Hòa-bình bài văn bia thứ hai của Lê Lợi cho khắc trên đường về và đã làm thông báo khoa học trên tập san *Nghiên cứu lịch sử* số 73 tháng 4-1965. Còn bài văn bia làm ngay khi đánh dẹp xong Đèo-cát-Hãn và những thể lực phản động vây cánh, được Lê Lợi cho khắc tại Lai-châu là sào huyệt của Cát-Hãn thì cho tới nay hầu như chúng ta mới được biết trên sách vở chứ chưa biết rõ địa chỉ của văn bia và nguyên bản chính xác của nó.

Vừa qua, trong một đợt công tác tại tỉnh Lai-châu, để chào mừng ngày sinh nhật Bác, chúng tôi những người làm công tác Bảo tồn Bảo tàng trẻ tuổi của khu Tây-bắc đã quyết định tìm bằng được di tích văn hóa có nhiều ý nghĩa chính trị, lịch sử và văn học này. Căn cứ vào lời chỉ dẫn của sách vở xưa và câu chuyện về một nơi có khắc chữ Hán ven sông Đà của một số đồng chí cán bộ tỉnh Lai-châu kể lại, chúng tôi đã vượt sông Đà sang tả ngạn tiến hành khảo sát tại xã Lay-từ thuộc huyện Mường Lay tỉnh Lai-châu. Được sự giúp đỡ sốt sắng của chính quyền và nhân dân địa phương, ngày 19-5-1967 di tích này đã được tìm thấy. Sau đây chúng tôi xin miêu tả và sơ bộ nghiên cứu về tấm bia này.

Khác với lời sách của tỉnh Hưng-hóa tư vào Hán lâm viện năm Tự-đức thứ tư (1851) nói bia này khắc ở núi Bàn thuộc Lai-châu (dẫn trong *Hung-hóa địa dư chí*, sách chép tay Thư viện Khoa học Trung ương, ký hiệu A.620). Và

bản đồ tỉnh Hưng-hóa trong *Đồng-khánh địa dư chí* (*Đồng-khánh địa dư chí*, sách chép tay Thư viện Khoa học Trung ương tập 9 Hưng-hóa tỉnh, ký hiệu VHv 2456/IX) ghi núi Bàn ở tả ngạn sông Na (Nậm Na) hữu ngạn sông Đà thuộc tổng Hoài-lai của Lai-châu, hiện nay chúng tôi thấy tấm bia này được khắc trên núi Pú Huồi-chỗ là một trái núi đá vôi nhỏ đứng chênh vênh trên tả ngạn sông Đà thuộc đất của bản Trang xã Lay-từ huyện Mường Lay cách thị trấn Lai-châu 7 km về phía Tây-bắc và cách bản Trang 5 km. Ngược lên phía thượng lưu chừng 1,500 km là thác Lai, một trong số những thác nổi tiếng của sông Đà. Hai bên ngọn núi này có hai suối nước đổ ra sông Đà. Phía hạ lưu là Huồi-chỗ, tiếng Thái có nghĩa là suối ma « chỗ », thứ nĩa theo quan niệm mê tín có thể làm người ốm đau bất ngờ, tên suối này cũng thành tên núi. Phía thượng lưu có Huồi-phắc-nam, có nghĩa là suối nước có nhiều rau « nam » một loại rau rừng có gai mùi hôi, ăn được. Về phía Huồi-phắc-nam có bãi cát rộng, phong cảnh thoáng đãng, có thể đậu nhiều thuyền bè. Còn từ đó trở về xuôi cho tới bản Trang thì hai bờ đá mọc lở nhô dựng đứng cao vút, không có chỗ nào có thể đóng quân lập trại được.

Bia được khắc trên một vách đá cao của núi Pú Huồi-chỗ cách mặt sông Đà chừng 50 mét. Đường từ sông lên rất dốc. Từ chỗ khắc bia đi lên khoảng 10 mét về phía sau là đường đi Mường Tè cắt ngang gần chỏm núi. Như thế là có thể dùng cả đường thủy và đường bộ từ Lai-châu ngược sông Đà dễ tới chỗ có bia được. Vách đá có khắc bia dựng khá cao, trông hướng đông nam. Dưới vách đá có một khoảng bằng phẳng chừng 20 mét vuông. Đứng ở chỗ này nhìn xuống sông Đà cuộn cuộn chảy giữa đôi bờ đá gập ghềnh trắng xóa, núi dăng trùng điệp xanh ngắt một

màu trông thật hùng vĩ. Vách đá thiên nhiên, tuy mặt khá phẳng nhưng cũng còn gồ ghề nhiều, phía trên chồm ra chắn mưa chắn nắng rất tốt. Ở lưng chừng, cách chỗ nền bằng khoảng hơn 3 mét, người thợ đá của thế kỷ XV đã bạt vách núi sâu vào chừng 1,5 phân làm thành một mặt phẳng không trang trí, ngay cả đường viền cũng không có, chiều dài 1,42 mét, chiều rộng 0,77 mét. Trên đó bài văn bia với những chữ cao từ 6 đến 8 phân có chữ đến 9 phân được khắc bằng những nét sâu và rõ. Cho tới nay tất cả số chữ đều còn sắc nét, có lẽ cũng nhờ ở cái thể thượng thạc hạ thu của vách đá đã ngăn trở phần nào tác dụng phá hoại của những yếu tố thiên nhiên.

Toàn văn bài bia có một lời tựa và một bài thơ luật thất ngôn, kể cả hai hàng lạc khoản tất cả gồm 132 chữ, bố trí thành 15 hàng dọc từ trái sang phải. Có sự phân bố chữ khá đều đặn: lời tựa gồm 81 chữ nhỏ chia làm 7 hàng mỗi hàng 11 chữ và một hàng lẻ 4 chữ; bài thơ gồm 40 chữ lớn chia làm 5 hàng mỗi hàng 8 chữ; lạc khoản 2 hàng: hàng niên đại 6 chữ nhỏ, hàng tên tác giả 5 chữ lớn có chữ cao 9 phân.

Phiên âm toàn bài văn bia:

«Di dịch chi vi biên hoạn, tự cổ hữu chi.
Hán chi Hung-nô, Đường chi Đột-quyết, ngã
Tây Việt chi Mang Lễ (1) chư man thị dã.
Khoảnh do Trần Hồ suy chính, phiên thần bạt
hỗ; Cát Hãn nữ ư cưu tập phụ cổ phất thoan.
Dư kim suất sư vãng chinh, thủy lục tịnh
liển, nhất cử tự bình. Nhân tả nhất luật khắc
chi vu thạch dĩ giới hậu thế man tù chi ngạnh
hóa giả, vân:

Cuồng tặc cảm bố tru

Biên manh cửu hệ tô

Bạn thần tông cổ hữu

Hiềm địa tự kim vô.

Thảo mộc kinh phong hạc (2)

Sơn xuyên nhập bản đồ.

Đề thi khắc nham thạch

Trần ngã Việt Tây ngưng (đọc là «ngư»).

Tân hợi quý đông cát nhật

Ngọc-hoa động chủ đề»

Dịch nghĩa:

Di dịch là mối lo ở biên thủy, từ xưa vẫn có.
Rợ Hung-nô ở đời Hán, rợ Đột-quyết ở đời
Đường, các man vùng Mường Lễ phía tây
nước Việt ta là như vậy. Vừa rồi vì nhà Trần
nhà Hồ chính sự suy vi, kẻ bầy tôi ở nơi phen
giậu sinh ngạo ngược; Cát-Hãn nhờn theo thói
cũ giữ vững không chừa. Ta nay mang quân

lời đánh, đường thủy đường bộ cùng tiến,
một trận dẹp ngay. Nhân làm một bài thơ luật
cho khắc vào đá đề răn các tù trưởng man
không theo đức hóa ở thời sau. Thơ rằng:

Bọn giặc cuồng sao dám trốn tránh tội
đáng giết.

Dân ngoài biên đã từ lâu đợi ta đến cứu
sống.

Kẻ bầy tôi làm phản từ xưa vẫn có.

Đất đai hiểm trở từ nay không còn.

Hình bóng cỏ cây và tiếng gió thổi hạc
kêu cũng làm quân giặc kinh sợ.

Non sông này vào một bản đồ.

Đề thơ khắc lên đá núi,

Chấn giữ phía tây nước Việt ta.

Ngày lành tháng chạp năm Tân hợi.

(tức tháng 1 năm 1432)

Nhà vua hiệu là Ngọc-hoa động chủ đề.

Như thế là so sánh với sự ghi chép của một
sổ sách xưa, chúng ta thấy giữa sách vở và
nguyên bản văn bia có chỗ dị đồng do sự
«tam sao thất bản» từ đời này qua đời khác.

Quyển 5 trong bộ *Toàn Việt thi lục* của Lê-
quý-Đôn (sách chép tay Thư viện Khoa học
Trung ương tập hai, ký hiệu VHv 117/2 tờ 36b).
Có chép bài thơ với nhan đề «Thần chính Phục-
Lễ châu Diêu-cát-Hãn» nhưng không chép lời
tựa. Bài thơ cũng giống như trong nguyên bản
văn bia, trừ chữ thứ 4 câu thứ 7 có khác: Sách
chép là «Đề thi khắc vu thạch». Còn văn bia
là: ... khắc nham thạch». Quyển thượng, bộ
Hoàng Việt thi tuyển của Tồn-am Bùi-huy-Bích

(1) *Mang Lễ*: Tên phiên âm Hán — Việt của
đất Mường Lay tức là Lai-châu. Xưa kia người
miền xuôi cũng gọi đất này là Mường Lễ. Có
câu ca dao cổ:

«Đường lên Mường Lễ bao xa,

Trăm bảy mươi thác trăm ba mươi ghềnh».

(2) Cả câu thơ này nhắc lại điển tích:

Bồ-Kiên đời Tần đem quân 100 vạn đánh
Tân bầy trận ở sông Phi. Tả An bên Tấn
cho Tả Huyền đem 3.000 quân tinh nhuệ
qua sông đánh úp. Quân Tần vỡ chạy quăng
giáp trốn hết, nghe tiếng gió thổi hạc kêu
cũng tưởng là tên quân Tấn bắn và thấy hình
cỏ cây trên núi Bát công (ở tây bắc huyện
Phụng-đài tỉnh An-huy phía bắc sông Phi)
cũng cho là quân Tấn đuổi theo.

Cũng do điển này mà có câu «Thảo mộc
giải bình» và câu «Phong thanh hạc lộ» (tiếng
gió thổi tiếng hạc kêu) đề tượng trưng cho
quân uy.

khắc in đời Minh-mệnh cũng theo *Toàn Việt thi lục* mà chép nguyên văn bài thơ ấy kể cả nhan đề và nội dung.

Hung-hóa địa dư chí (Sách Thư viện Khoa học Trung ương ký hiệu A.620) cũng chỉ chép riêng một bài thơ và chép đúng hoàn toàn như trong văn bia không sai một chữ nào.

Riêng *Đại nam nhất thống chí* phần Hưng-hóa (sách chép tay Thư viện Khoa học Trung ương ký hiệu V.Hv.129) quyển 7 tờ 49 a-b có chép trong mục cổ tích gọi là «Bia cổ Hoài lai» (Hoài lai cổ bi) gồm cả toàn văn bài bia, có sai sót ít chữ, nói rằng khắc ở Lai-châu trên núi đá thượng lưu sông Pha tức là sông Bờ, tên nôm của sông Đà. Trong lời tựa, câu «Ngã tấy Việt chí Mang-Lễ chư man thị dã» sách chép là «Ngã Nam Việt...»; Câu «Khoảnh do Trần Hồ suy chính...» sách chép là «khoảnh nhân...»; Câu «nhân tả nhất luật khác chi vu thạch» sách bỏ chữ *chi*; Câu «dĩ giới hậu thế man tù...» sách chép là «dĩ cảnh»; Lại thêm một chữ «*thi*» vào trước chữ «*văn*» cuối lời tựa. Bài thơ cũng có một chỗ sai: câu thứ nhất chữ «*cuồng* tặc» sách chép là «*ngịch* tặc», còn đều đúng như nguyên bản.

Về địa chỉ của văn bia, như trên ta đã biết, nó không phải được khắc ở núi Bàn theo như sách xưa đã chép, nhưng có lẽ tên núi Bàn là tên phiên âm Hán-Việt của dãy núi Pú Hin-băng (núi đá lang) là một dãy núi điệp thạch có vỏ ngoài đã bị phong hóa thành đất khá lớn chạy dài theo tả ngạn sông Đà, mà ngọn núi Pú Huồi-chỗ là một nhánh nhỏ nhỏ ra đứng sừng ven sông.

Nhân dân địa phương đã ngẫu nhiên phát hiện thấy nơi khắc bia trong khi làm nương tại núi Huồi-chỗ trong thời gian gần đây. Cũng chỉ có ít người biết và hầu hết không ai hiểu gì về nội dung tấm bia. Chúng tôi đã đi tìm tìm hỏi nhưng không thu được thêm tài liệu truyền miệng nào về tấm bia này. Về sau, khi chúng tôi tới xã Mường Tùng cùng huyện, được nhân dân ở đây kể lại xưa có vua Kinh lên đánh Tào Mường Lay, quân lính lấy đá lên ngồi bỏ kín cả bãi sông Đà chỗ ngã ba sông Đà-Nậm Na nên thành tên bãi là Đon-Keo (bãi người Kinh). Thật ra đây chỉ là một bãi cuội móng mênh mông gồm những hòn cuội lớn của đủ các loại nham thạch được nước bào nhẵn và cuốn về chất chồng lại thôi.

Tuy nhiên, bằng vào những đoạn văn ngắn ghi trong những sách sử xưa, chúng ta cũng có thể biết được khá rõ ràng về sự kiện lịch sử có liên quan đến di tích này.

Đại Việt sử ký toàn thư (bản kỷ thực lục) một trong những tài liệu xưa nhất có chép sự việc này đã viết:

— Nhâm tý năm thứ 5 (1432) mùa xuân tháng giêng, vua sai thân vương Tư-Tề đem binh đánh châu Mường Lễ, con thồ tù Điều-cát-Hãn là Điều-mạnh-Vương ra hàng, cho ở Đông-kinh (Hà-nội bây giờ, — người viết bài chú) lập làm tư mã, năm sau giết đi — (quyển 10, tờ 73b/74a).

— Mùa đông tháng 11 vua thân chinh châu Phục-lễ vua lại đánh Ai-lao.

— Quý sửu năm thứ 6 (1433) thân chinh châu Phục-lễ trở về (quyển 10 tờ 74a).

Đại Việt thông sử của Lê-quý-Đôn làm xong năm Kỷ tị, Cảnh-hưng thứ 10 (1749) bộ sách gồm 30 quyển được nhà sử học Phan-huy-Chú đánh giá là «Kỷ lưỡng đầy đủ đáng làm một bộ sử hoàn toàn cho một đời» (*Lịch triều hiến chương loại chí*, văn tịch chí, bản dịch Viện Sử học — 1961, tập 4 trang 52)—tuy chỉ còn lại một phần nhỏ nhưng nói khá chi tiết về sự kiện lịch sử này. Đặc biệt lời chiếu của vua Lê ban bố với thần dân sau khi thắng trận trở về được Lê-quý-Đôn chép lại nguyên văn ở phần bản kỷ đã giúp chúng ta có được một tài liệu chính xác và rõ ràng về nguyên nhân và diễn biến của trận đánh cũng như tổ chức hành quân của nhà Lê trong suốt chiến dịch. Sách chép như sau (sách viết tay Thư viện Khoa học Trung ương ký hiệu A.1389, một tập, từ tờ 54a, đến tờ 59a nguyên bản là quyển 2):

— Tháng Chạp năm Tân-hợi niên hiệu Thuận-thiên thứ tư (tháng 1-1432) thồ tù Mường Lễ là Đèo-cát-Hãn cùng Phạm-văn-Xảo hợp mưu làm phản, lại kết với phản thần Ai-lao là Kha-lại xâm phạm châu Mường Mổi. Vua sai tư đồ Lê Sát, quốc vương Tư-Tề đem binh đi dẹp, rồi vua lại thân chinh.

— Nhâm-tý năm thứ 5 (1432) mùa xuân tháng giêng dẹp Mường Lễ. Kha Lại bị giết, Đèo-cát-Hãn trốn. Bất hết đảng nó, lấy đất ấy đặt thành châu Phục-lễ. Ngày 3-3 ban sư. Chiếu rằng:

«Dân Miêu trái mệnh mà vua Hạ Vũ tới đánh, người nước Mạt không cung thuận mà vua Văn-vương nổi giận. Đắt Mường Lễ từ xưa vốn thuộc nước ta, làm kẻ bày tôi ở biên thùy. Vì triều trước chính trị suy đốn, nhà vua không có kỷ cương, việc biên phòng bỏ bễ, nó mới cậy nơi hiểm trở mà rộng rãi, không chịu nộp thuế nước, lại cướp phá vùng biên cương, làm hại dân lành. Các trấn Thái-nguyên Tuyên-quang Quy-hóa Gia-hưng bị hại càng lắm.

Trẫm từ khi chịu mệnh trời đến nay luôn chủ trương sự mềm mỏng không lúc nào bỏ. Nay kẻ thồ tù là Điều-cát-Hãn nhờn theo thói cũ, không chịu vào châu. Trẫm vẫn răn điều

lín nghĩa, tăng thêm sự vô về, ưu thường cho tước phong đẹp đẽ, ban cho ơn dày không tiếc. Nhưng nó lòng dạ sói lang, ôm mãi chi khác, quên ơn bội nghĩa, mặt phản đã thấy rõ ràng. Hợp với kẻ nghịch là con trai tên Hối-Khánh và bọn Đinh-Quế, dối lừa dụ dỗ dân ngoài biên mưu làm việc trái phép, trốn tránh tỵ bạ đóng đúc thành bè lũ. Lại cùng kẻ bày tội phản nghịch của nước Ai-lao là bọn Kha-Lại kết thành đảng cùng giúp nhau làm điều ác đánh chiếm các xứ đất đai Ai-lao và châu Mường Mổi. Nhân dân các sách man rất bị hại.

Nay bàn già Ai-lao sai sứ xin binh tới giúp. Trẫm làm cha mẹ dân, thay trời che chở dân, đất đai khắp nước đều là con đồ, chẳng nỡ để một phương bị độc hại, bèn sai các tướng đem quân đánh dẹp. Nhưng Cát-Hãn lại đem hết đảng chúng ra chống lại quân ta. Đánh một trận ở Mường Kê, Kha-Lại thua to, đầu mục của Cát-Hãn là bọn Lãm-Cương kinh sợ vỡ chạy tan tác. Y còn sai kẻ đầu mục đi gọi, đem tù trưởng Mường-Bồ là bọn Đinh-Quế hợp với bọn nghịch Hối-Khánh phạm vào các xứ Gia-hưng Đà-giang của ta, cưỡng bách dụ dỗ dân ngu nổi lên làm loạn.

Trẫm nghĩ bọn loạn thần tặc tử thiên hạ đều muốn cùng giết. Năm trước ở trấn Thái-nguyên, Bế-khắc-Thiệu mưu phản thực là do tên Hãn giúp họa. Nay tên Cát-Hãn làm loạn cũng ở âm mưu của tên Xảo mà ra. Mối họa loạn từ trước không thể không trừ tuyệt. Trẫm trước sai tư đồ Lê-Sát đem quân từ Đà-lăng tiến đánh. Lại sai quốc vương Tư-Tề đem binh từ Bắc-quan để chặn phía sau của chúng. Trẫm thân dẫn sáu quân từ Gia-hưng tiếp đến. Bọn đảng nghịch Đinh-Quế trông gió mà vỡ chạy. Quân ta đuổi sau thẳng tới tướng doanh Mường Bồ. Kẻ nghịch con trai tên Hối-Khánh bị người Xá giết đưa đầu đến cửa doanh. Bắt sống Đinh-Quế cùng vợ con nó, chém được đầu giặc không thể kể xiết.

Ta lại chia quân thủy bộ hai đường cùng tiến. Năm nay, ngày 20 tháng giêng, thẳng tới sào huyệt Cát-Hãn. Trước đó kẻ nghịch thần Ai-lao là Kha-Lại trốn vào Mường Lự, nghe quân trẫm đến, người ở đấy giết Kha-Lại đưa đầu đón hàng. Cát-Hãn cũng bỏ vợ con và bộ lạc đảng chúng thoát thân chạy trốn. Trẫm bèn sai tư đồ tiến quân đến Mường Dịch, quốc vương đóng quân ở Mường Tô, vào núi lũng tìm nơi hiểm. Lại sai các tướng chia quân tới các xứ Mường hiểm trở tìm bắt kỳ được. Bắt sống được vợ con Cát-Hãn cùng bộ đảng nó và đàn ông đàn bà hơn ba vạn người, voi hơn một trăm thớt, trâu dê sống, khi giết, thuyền bè, vật dụng không thể tính hết. Rồi đặt thành châu huyện gồm vào bản đồ.

Nay đem quân khải hoàn, dâng tù binh ở nhà thánh-miếu, ban lời cáo thị cho thần dân khắp trong thiên hạ được biết. Phàm làm kẻ bày tội trong triều nên lấy tên Hãn tên Xảo làm răn; làm kẻ bày tội ở nơi phiên trấn nên lấy tên Cát-Hãn Khắc-Thiệu làm răn. Như thế thì thần dân của ta có thể cùng hưởng cái phúc thái bình muôn đời, mà tiếng tốt còn lưu mãi mãi ở đời sau vậy » (lược dịch)

Sách chép thêm : « Tháng 11, Cát-Hãn cùng con là Mạnh Vương xin hàng, vua tha cho Cát-Hãn tội kinh tỵ tội, cho chức tư mã ».

Những sách làm ở thời sau như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Lê sử toàn yếu*... đã căn cứ vào sự ghi chép của *Đại Việt thông sử* mà nói về việc này khá rành rọt. Nhìn chung, ta có thể qua những điều còn thấy trong sách vở cũ để biết về vấn đề này như sau :

Vùng đất Lai-châu xưa kia rất rộng lớn, gồm toàn bộ miền đất từ phía trên Thuận-giáo (Tuân-giáo khi ấy là một động của Thuận-châu) tới hết Mường Tê và cả vùng Phong-thổ Sơn-hồ hiện nay. Thổ âm là Mường Lay, người miền xuôi gọi là Mường Lẽ. Từ thời Lý Trần đã thấy ghi trong đất Việt-nam gọi là châu Ninh-viễn. Họ Đèo đời đời được phong làm phụ đạo cai quản.

Nhà Trần mất, năm Khai-dại thứ 2 đời Hồ-hán-Thương (1404), tù trưởng châu Ninh-viễn là Đèo-cát-Hãn thông mưu với bọn quan lại phủ Khai-hóa tỉnh Vân-nam Trung-quốc kiện lên vua Thành-tô nhà Minh rằng vùng đất Lai-châu giáp biên giới vốn là đất của tổ tiên hãn sau bị nước Nam đánh cướp, và nhờ nhà Minh can thiệp. Vua Minh có đem việc ấy hỏi nhà Hồ rồi bỏ qua. Khi quân Minh kéo sang xâm lược nước ta, Cát-Hãn hàng nhà Minh, được giữ nguyên quyền lợi.

Tháng 9 năm đinh mùi (1427) ngang với năm Tuyên-đức thứ 2 đời vua Tuyên-tông nhà Minh, trong lúc còn đang vây hãm thành Đông-quan, Bình-định vương Lê-Lợi đã sai chức Chủ thư thị sử là Trần Hồ đi tuyên ủy châu Ninh-viễn. Cát-Hãn đem quân và voi đến xin quy phục. Lê Lợi cho cai quản mọi việc trong châu như cũ.

Năm Thuận-thiên thứ 4 (1431) mùa đông, Đèo-cát-Hãn lại tổ thái độ không chịu phục nhà Lê, liên kết với một bộ phận người Ai-lao nổi lên chiếm giữ vùng biên giới và đánh chiếm cả đất Ai-lao. Vì vậy xảy ra cuộc thân chinh của vua Lê Thái-tổ như trên chúng ta đã biết.

Mùa đông năm sau (1432) Cát-Hãn và con là Mạnh Vương tìm về Đông-dô xin hàng. Nhà vua lại phong cho Cát-Hãn làm tư mã, quyền

vẫn như cũ. Thế là âm mưu của Đèo-cát-Hãn định dựa vào thế lực nhà Minh và Ai-lao để chống lại ý chí thống nhất đất nước của toàn dân, chống lại chính quyền độc lập mới được xây dựng đến đây đã bị tan vỡ hoàn toàn.

Sau cuộc chinh phạt này, vua Thái-tổ nhà Lê đã đổi tên châu Ninh-viễn thành châu Phục-lễ. Và chúng ta còn được biết thêm rằng: tới năm Thiệu-bình thứ 1 đời vua Lê Thánh-tông (1434) Đèo-cát-Hãn chết, Đèo-mạnh-Vượng được triều đình cho thay cha nối chức cũ, phong làm nhập nội tư mã, vẫn coi quản mọi việc quân và dân trong châu Phục-lễ, tước Quan-phục hầu. Tới năm Thái-hòa thứ 6 đời Nhân-tông (1448), Mạnh-Vượng vì độc ác giết nhiều người trong bộ lạc nên bị triều đình bắt tự tử, tịch thu cả gia sản, phong cho người em là Dao làm chiêu thảo sứ, vẫn coi quản việc châu Phục-lễ.

Sang đời Thánh-tông, vào niên hiệu Quang-thuận (1460—1470) châu Phục-lễ được đổi đặt thành phủ Yên-tây, rất rộng lớn, gồm 10 châu, tức là toàn bộ đất đai miền tây bắc sông Đà (trừ Điện-biên) và một phần đất tỉnh Vân-nam Trung-quốc ngày nay. Đất Mường Lay và Mường Tè khi ấy được đặt thành châu Lai,

Mường Mùn được đặt thành châu Luân và đất Sin-hồ Phong-thồ được đặt thành châu Chiêu-tấn nằm trong phủ Yên-tây.

Từ đó miền đất Lai-châu vĩnh viễn nằm trong lãnh thổ thống nhất của nước Việt ta. Trải qua bao thế kỷ với bao sự can thiệp thô bạo của phong kiến nước ngoài và bọn thực dân đế quốc xâm lược, miền đất núi rừng cực tây này vẫn là một phần da thịt của Tổ quốc, rất gian khổ nhưng cũng rất anh hùng, không một thế lực phản động nào có thể chia cắt nổi.

Việc tìm thấy tấm bia mang bài thơ của vua Lê Thái-tổ hơn 500 năm trước một lần nữa lại xác minh hùng hồn điều đó. Ngoài giá trị về sử học và văn học, di tích này với những tư liệu lịch sử kèm theo nó đặc biệt còn mang một ý nghĩa chính trị lớn đối với tỉnh Lai-châu cũng như đối với Khu Tây-bắc và cả nước. Nó là bằng chứng cụ thể nhất chứng minh sự thống nhất của Khu Tây-bắc trong cơ thể Tổ quốc Việt-nam là đã hình thành từ rất lâu đời, từ khi nước Việt-nam trở dậy lập quốc sau 1.000 năm Bắc thuộc.

Ngày 10 tháng 6 năm 1967

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Số 104 tháng 11-1967

Gồm những bài:

— Giới thiệu một vài ý kiến của cụ Phan-bội-Châu về sử học.

Trần-huy-Liệt

— Tình hình nghiên cứu Phan-bội-Châu từ trước đến nay.

Chương Thâu

— Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu.

Lê-sĩ-Thắng

— Phan-bội-Châu và công cuộc vận động đồng bào thiên chúa giáo ở đầu thế kỷ XX.

Đặng-huy-Vận

và một số bài mục khác.

CHÚT ÍT TÀI LIỆU VỀ TRẦN-NGUYỄN-HÂN

K. T.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh từ năm 1418 đến năm 1428, Trần-nguyễn-Hân đã có nhiều cống hiến. Nhưng về Trần-nguyễn-Hân, chúng ta chỉ có những hiểu biết quá ít ỏi.

Cụ thể Trần-nguyễn-Hân là nhân vật như thế nào? Dòng dõi ông ra sao? Thì đó là những điều chúng ta biết rất ít.

Trần-nguyễn-Hân là con cụ Trần-nguyễn-Án và cụ bà Lê-thị-Hoàn người làng Đông-sơn, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, đạo Sơn-tây, nay là thôn Đa-cát, xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, tỉnh Vĩnh-phúc. Trần-nguyễn-Án là con trai quan tư đồ Trần-nguyễn-Đán. Trần-nguyễn-Đán là cháu Chiêu minh đại vương Trần-quang-Khải. Tuy là một trọng thần của nhà Trần, Nguyễn Đán biết trước nhà Trần sớm muộn sẽ sụp đổ. Vì vậy ông đã sáng suốt gả con gái cho một thầy đồ chân trắng là Nguyễn-ứng-Long, cha sinh Nguyễn-Trãi. Trong sinh thời có lẽ Nguyễn Đán cũng nói cho các con ông biết sự suy vong sắp đến của nhà Trần. Vì vậy Trần-nguyễn-Án tuy đường đường là con trai quan tư đồ họ tôn thất, đã bỏ Thăng-long lên ngụ tại làng Đông-sơn rồi làm nghề cày cấy và bán dầu ở đấy.

Ngày mồng một tháng hai năm giáp ngọ (1378) cụ bà Lê-thị-Hoàn sinh hạ Trần-nguyễn-Hân.

Trần-nguyễn-Hân như vậy là anh em con cô con cậu với Nguyễn-Trãi.

Nguyễn Hân thông minh ngay từ hồi còn thơ ấu. Cụ Trần-nguyễn-Án cho ông đi học, năm ông lên bảy tuổi. Ông thích học văn, lại thích học cả võ. Năm mười sáu tuổi, ông đã đọc hết các sách Tứ thư, Ngũ kinh và các binh thư. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan-huy-Chú cũng nhận Nguyễn Hân là nhân vật « có học thức, giỏi binh pháp ».

Năm Nguyễn Hân mười tám tuổi thì mẹ mất. Nguyễn Hân vừa cày ruộng, vừa gánh dầu đi

bán ở chợ Gốm, chợ Bầu-sao trong miền Lập-thạch. Tuy làm nghề bán dầu và cày ruộng nhưng Nguyễn Hân vẫn khát khao một « chân chúa » để nổi lên đánh giặc cứu nước.

Sau đó, ông cùng với Nguyễn Trãi trèo đèo lội suối vào Lam-sơn tìm Lê Lợi. Từ đấy ông trở thành một viên tướng quan trọng của nghĩa quân Lam-sơn.

Ngày hai mươi tháng chín năm giáp thìn (1424), Nguyễn Hân được cử đi đánh Đa-căng để mở đường tiến vào Nghệ-an. Sau đó ông chỉ huy một cánh quân vây Lam-thành (trên núi Thành xã Nghĩa-liệt, huyện Hưng-nguyên, Nghệ-an). Năm 1425 Nguyễn Hân cùng với Lê Nỗ mang quân vào đánh Tân-bình, Thuận-hóa, và ông đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang. Tháng chín năm 1426, ông được cử mang quân ra bắc đánh quân Minh ở gần Đông-quan.

Năm 1427, khi Liễu Thăng mang mười vạn quân tiến vào Việt-nam nhằm tấn công viện cho Vương Thông đang bị khốn ở Đông-quan, Nguyễn Hân được lệnh mang quân đi đánh thành Xương-giang là một căn cứ quan trọng của quân Minh trên đường Nam-quan-Đông-quan. Sau những trận tấn công quyết liệt, Nguyễn Hân và các tướng lĩnh khác đã chiếm được Xương-giang, thu được rất nhiều vũ khí và quân dụng.

Sau đó Nguyễn Hân lại mang quân lên Chi-lăng phục kích Liễu Thăng. Liễu Thăng đã bị giết ở Chi-lăng cùng với mấy vạn quân.

Tháng 12 năm 1427, Vương Thông cùng đường kiệt sức phải nhận các điều kiện đầu hàng rồi rút quân về nước.

Ngày 15 tháng Ba năm mậu thân (1428) Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, thăng thưởng cho trăm quan văn võ. Trần-nguyễn-Hân được phong làm tả tướng quốc và được cấp 100 mẫu ruộng.

Năm 1429, thấy Lê Lợi nghi ngờ mình, Nguyễn Hãn xin về hưu trí. Nhưng sau đó, ông bị bắt, đưa xuống thuyền để đem về Thăng-long. Nửa đường ông nhảy xuống sông tự tử. Năm ấy ông 52 tuổi.

Trần-nguyên-Hãn không những là nhân vật giỏi về quân sự, mà còn là nhân vật yêu thơ văn và hay làm thơ văn. Chính ông đã làm bài thơ sau đây để nói lên chí khí của mình:

«Hữu nhất giới lân phỉ thủy thượng
Phi loa, phi lịch, kỳ danh bạng.
Hàm châu dài giáp vũ văn tài..
Phùn lạng thôn ba hà hải lượng,
Kỳ đảo cuồng lan xuất lực phỉ.
Phương thẳng hồng nhất khuyh tâm hướng.

*Giang hồ xú xú tòng tri danh
Bỉ duật thể cố an cảm kháng».*

Tạm dịch:

Trên sông nổi lên một vật.

Không phải là ốc, không phải là hến mà là con trai.

Trong nó ngậm hạt châu, ngoài nó mặc áo giáp rõ là một người có tài văn võ.

Nó phun sóng, nhả sóng không ai có thể sánh kịp.

Nó không quản gì sóng to gió dữ.

Lòng nó lúc nào cũng hướng về phía đông.

Tên tuổi nó bốn phương đều biết.

Con cò kia thể cò đâu dám chống lại.

MỘT SỐ TÀI LIỆU VỀ DÒNG HỌ NGUYỄN PHÚC ÁNH*

X. B.

Có lẽ từ trước đến giờ trong giới sử học chúng ta ít người lại có thể nghĩ rằng tổ tiên xưa nhất của Nguyễn-phúc-Ánh (Gia-long) lại là Nguyễn Bặc, một khai quốc công thần của nhà Đinh, đã giúp Đinh-bộ-Lĩnh đánh dẹp loạn mười hai sứ quân, năm 971 được Đinh Tiên hoàng phong cho làm Định quốc công; năm 979 Đinh Tiên hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám hại, chính Nguyễn Bặc đã bắt được Đỗ Thích và cho đem giết chết; khi Lê Hoàn đoạt ngôi vua của Đinh Toàn cũng chính Nguyễn Bặc đã cùng với Đinh Điền và Phạm Hạp đẩy quân đánh Lê Hoàn, và bị Lê Hoàn đánh bại.

Đến đời Lý, dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh lại có ba người làm quan với triều Lý: Nguyễn Đề làm chức đô hiệu diêm, Nguyễn Viễn làm chức tả tướng quốc, và Nguyễn Phụng làm chức tả đô đốc.

Đến đầu thế kỷ XIII, dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh lại có một nhân vật có tên tuổi đã từng làm mưa làm gió ở miền đông bắc: Nguyễn Nộn. Nguyễn Nộn đã đẩy quân đánh lại nhà Lý, sau được Trần-tự-Khánh thu dụng và gả con gái của di cho. Nộn đã làm chúa miền Bắc-giang (nay là Hà-bắc) và đã mấy lần đánh bại quân của triều đình do Thân Trường và Thân Cãi chỉ huy. Sau Nộn lại bỏ Trần-tự-Khánh, theo về với Lý Huệ-tôn và trở thành chỗ dựa quan trọng của nhà Lý. Do đó Nộn được Lý Huệ-tôn phong cho làm Hoài-vũ vương.

Sau khi Trần Cảnh đoạt ngôi vua của nhà Lý, dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh có nhiều người làm quan với nhà Trần: Nguyễn-thế-Từ giữ chức đô hiệu diêm, Nguyễn-nạp-Hòa giữ chức đại tướng quân, Nguyễn-công-Luật giữ chức hữu hiệu diêm, và Nguyễn-minh-Du được phong làm Du cần vương.

Suốt thời gian kháng chiến chống quân Minh (1407-1427) không thấy dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh có nhân vật nào tham gia các cuộc khởi nghĩa hoặc của Trần Ngỗi, hoặc của Trần-quy-Khoảng, hoặc của Lê Lợi — Nguyễn Trãi. Nhưng trong triều đại do Lê Lợi đã dựng nên, thì nhiều người của dòng họ Nguyễn-phúc-Ánh đã làm quan với nhà Lê: Nguyễn Trãi được phong làm quang hầu, Nguyễn-như-Trắc được phong làm phó quận công, Nguyễn-văn-Thao được phong làm trưởng quốc công.

Hiện nay chúng ta chưa đủ tài liệu để kết luận rằng Nguyễn-hoàng-Dụ, một viên tướng của Lê-tương-Dực năm 1516 đã làm cuộc đảo chính đốt phá Thăng-long và giết Vũ-như-Tổ. Chúng ta dựa vào Đại Nam thực lục tiền biên thì biết rằng cha sinh ra Nguyễn Kim cũng tên là Dụ, triều Lê Hiến-tôn làm quan đến chức

* Theo Quốc sử di biên của Phan-thúc-Trực, một viên quan được Minh-mạng cử đi sưu tầm tài liệu lịch sử.

kinh lược sứ Đà-giang (miền Tây-bắc bấy giờ), đã giúp Trương Dực (Lê Oanh) khởi binh đánh Uy Mục, và khi Trương Dực lên ngôi vua đã được phong chức thái phó trông quốc công.

Nguyễn Kim con trai Nguyễn Dụ cũng làm quan ở triều Lê, giữ chức hữu vệ điện tiền tướng quân tước An-thanh hầu. Khi Mạc-đăng-Dung giết vua và cướp ngôi của nhà Lê, Nguyễn Kim dẫn con em chạy sang Sầm-châu trên nước Lào, mưu việc khởi binh đánh họ Mạc. Năm 1533 Nguyễn Kim tôn Lê-duy-Ninh cháu vua Chiêu-tôn lên làm vua (Trang-tôn) rồi mở cuộc tấn công vào quân Mạc. Nguyễn Kim được vua Trang-tôn phong cho chức thượng phụ thái sư hưng quốc công chương nội ngoại sự (chức tể tướng). Nguyễn Kim có hai con trai: con trưởng là Nguyễn Ưông, con thứ là Nguyễn Hoàng.

Sau khi Nguyễn Kim bị trúng độc và chết, binh quyền về tay con rể là Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm đã hãm hại Nguyễn Ưông. Nguyễn Hoàng hoảng sợ phải nhờ chị gái là Ngọc Bảo (vợ Kiểm) xin cho vào trấn thủ đất Thuận-hóa. Sau khi vào Thuận-hóa, Nguyễn Hoàng ra sức xây dựng miền này để làm căn cứ cho mưu đồ cát cứ lâu dài.

Năm 1613 Nguyễn Hoàng chết, con là Nguyễn-phúc-Nguyên lên kế nghiệp cha làm trấn thủ Thuận-hóa. Năm 1635 Nguyễn-phúc-Nguyên chết, con là Nguyễn-phúc-Lan lên thay cha làm chúa đất Thuận-hóa. Sau đó Nguyễn-phúc-Lan truyền chức cho con là Nguyễn-phúc-Tần, Nguyễn-phúc-Tần truyền cho Nguyễn-phúc-Trần; Nguyễn-phúc-Trần truyền cho Nguyễn-phúc-Chu; Nguyễn-phúc-Chu truyền cho Nguyễn-phúc-Chú; Nguyễn-phúc-Chú truyền cho Nguyễn-phúc-Khoát.

Năm 1744 Nguyễn-phúc-Khoát xưng vua ở miền xứ Đường trong thành một quốc gia riêng biệt không những có một triều đình riêng mà còn có cả phong tục tập quán riêng và tiếng nói riêng nữa. Năm 1765 Nguyễn-phúc-Khoát chết. Con trưởng Phúc Khoát là Phúc Hiền chết sớm. Đàng lê ngôi chúa về với con thứ hai (ô) là Nguyễn-phúc-Luân. Nhưng quyền thần Trương phúc-Loan đã ám hại Phúc Luân rồi đưa Nguyễn-phúc-Thuần mới 12 tuổi lên còn thủ một số sau Nguyễn-phúc-Khoát lên ngôi chúa.

Nguyễn-phúc-Luân có năm con trai, người thứ ba trong năm người con trai này là Nguyễn-phúc-Luân.

phúc-Anh. Nguyễn-phúc-Luân bị Trương-phúc-Loan giết hại khi Phúc Ánh mới lên bốn tuổi. Phúc Ánh được Phúc Thuần đem vào trong cung nuôi nấng. Năm 1773 do phong trào Tây-sơn, Phúc Ánh đã theo Phúc Thuần bỏ Phú-xuân chạy vào Quảng-nam. Năm 1773 Phúc Ánh mới mười ba tuổi, được Phúc Thuần trao cho chức chương vệ chỉ huy quân tá dực. Năm 1777 Phúc Thuần và Nguyễn-phúc-Dương bị Nguyễn Huệ bắt và giết chết ở Long-xuyên. Năm 1778, Phúc Ánh được chủ tướng quân Đông-sơn là Đỗ-thanh-Nhơn tôn lên làm đại nguyên soái quyền coi việc nước. Năm ấy Phúc Ánh mới mười sáu tuổi. Năm 1780 Phúc Ánh xưng vương...

Xét như trên, chúng ta thấy rằng dòng họ Nguyễn-phúc-Anh quả là dòng họ quý tộc lâu đời nhất trong lịch sử Việt-nam. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII rông rã chín trăm năm, dòng họ Nguyễn-phúc-Anh lúc nào cũng giữ địa vị ăn trên ngồi trốc trong xã hội Việt-nam. Suốt các triều Đinh, Lý, Trần, Lê, dòng họ ấy lúc nào cũng có người làm quan to ở triều đình. Triều Tiền Lê và triều Hồ tồn tại ngắn ngủi quá. Có lẽ đó là lý do khiến cho dòng họ Nguyễn-phúc-Anh không có người nào làm quan ở hai triều đại ấy.

Từ Nguyễn Kim tức từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII, dòng họ Nguyễn-phúc-Anh nối tiếp nhau làm chúa trên đất nước Việt-nam. Đến năm 1802 với việc Gia-long lên ngôi hoàng đế, dòng họ Nguyễn-phúc-Anh giành được ngôi vua đất nước Việt-nam.

Một dòng họ quý tộc nối tiếp nhau giữ các đặc quyền đặc lợi trong xã hội Việt-nam đến một ngàn năm, đó quả là một hiện tượng ít thấy không những trong lịch sử Việt-nam, mà còn thấy trong lịch sử thế giới nữa.

Một dòng họ như thế rất dễ dàng bị diệt vong nếu không có một cách sống và đi ngược lại với các nhân dân.

(1) Quốc sử di biên của Phan-thức-Tuyết.

Nguyễn-phúc-Luân là con thứ ba Nguyễn-phúc-Khoát. Đại Nam thực lục tiền biên cho Phúc Luân là con thứ hai. Chúng tôi thấy nhận định của Đại Nam thực lục tiền biên gần sự thực hơn.

Quốc sử di biên và Đại Nam thực lục tiền biên đều cho rằng Phúc Luân là con thứ hai của Nguyễn-phúc-Khoát. Nhưng Đại Nam thực lục tiền biên lại cho rằng Phúc Luân là con thứ ba. Chúng tôi thấy nhận định của Đại Nam thực lục tiền biên gần sự thực hơn.

* Theo Quốc sử di biên của Phan-thức-Tuyết thì Nguyễn-phúc-Luân là con thứ hai của Nguyễn-phúc-Khoát.

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG SỬ HỌC

TIN TRONG NƯỚC

HỘI NGHỊ KHẢO CỔ HỌC NĂM 1967

Từ ngày 19 đến 21 tháng Mười năm 1967 hội nghị khảo cổ học toàn miền Bắc đã họp tại một nơi ở ngoài Hà-nội. Hội nghị có hơn một trăm đại biểu gồm có đông đủ cán bộ Đội khảo cổ, một số đại biểu Viện Sử học, trường Đại học tổng hợp, trường Đại học sư phạm, Vụ Bảo tồn bảo tàng, Viện Bảo tàng lịch sử, nhiều đại biểu các tỉnh và của Hà-nội. Trong số đại biểu các tỉnh, có đại biểu của Quảng-ninh là nơi máy bay Mỹ đang đánh phá dữ dội, đại biểu của Lai-châu...

Tham gia hội nghị, ngoài các đại biểu nói trên, còn có nhà sử học Trần-huy-Liệu, Phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt-nam, giáo sư Ca-văn-Thỉnh, đồng chí Hồng-Chương, Phó tổng biên tập tạp chí *Học tập*, đồng chí Nguyễn-đỗ-Cung Viện trưởng Viện Mỹ thuật, nhà sử học Văn Tân, đồng chí Đào-tử-Khai phó Viện trưởng Viện Bảo tàng lịch sử và một số các đồng chí Trưởng ty văn hóa các tỉnh Hà-tây, Phú-thọ...

Sau bảy buổi làm việc liên tục, hội nghị đã nghe hai mươi ba bản báo cáo, tham luận và thông báo khoa học.

Các bản báo cáo, tham luận, thông báo tập trung vào các đề tài sau đây:

1. Phê phán quan điểm khảo cổ học của các học giả thực dân, tư sản.
2. Đồ gốm ở di chỉ Đồng đẩu.
3. Nghệ thuật đồ đồng thau ở Việt-nam
4. Các trống đồng ở Việt-nam
5. Sọ người cổ Vinh-quang
6. Thương cảng Vân-đồn trong lịch sử
7. Cổ sinh vật học ở Việt-nam
8. Khái niệm về thời đại khảo cổ học và văn hóa khảo cổ học.

Hội nghị đã thảo luận và bổ sung bản báo cáo do đồng chí Phạm-huy-Thông trình bày về công tác khảo cổ học trong những năm qua và vạch ra phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 1968.

Đáng chú ý nhất là không ai bảo ai, nhiều bản tham luận đã xoáy vào thời đại lịch sử từ hậu kỳ đồ đá mới đến thời kỳ đồ đồng thau ở Việt-nam. Thời đại này, như nhiều người đã biết, là thời đại Hùng vương và An-dương vương. Các bản tham luận đã làm sáng tỏ thêm nhiều điểm về thời đại Hùng vương, nêu bật tầm quan trọng của vấn đề Hùng vương đối với lịch sử dân tộc Việt-nam. Hùng vương theo nhận định chung, không những là những thủ lĩnh liên minh bộ lạc lỗi lạc, mà còn là những nhân vật lịch sử có công xây dựng đất nước Việt-nam nữa. Nước Văn-lang của Hùng vương là nhà nước phối thai đầu tiên ở Việt-nam...

Chiều ngày 21 tháng Mười, hội nghị đã bế mạc. Trong bản báo cáo tổng kết hội nghị của chủ tịch đoàn, vấn đề đoàn kết giữa những người làm công tác khảo cổ học đã được nêu ra. Bản báo cáo vạch ra rằng: Hội nghị đã nhận thấy tầm quan trọng của sự đoàn kết, « có đoàn kết mới làm tốt công tác khoa học ». Cuối cùng bản báo cáo kết luận: Giữa lúc đế quốc Mỹ điên cuồng dùng không quân đánh phá miền Bắc, việc Hội nghị khảo cổ học họp được là một thắng lợi của nền khảo cổ học của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Hội nghị nói lên rằng những người làm công tác khảo cổ học chúng ta rất tin tưởng ở tương lai và rất tự hào về dân tộc. Không tin tưởng ở tương lai và tự hào về dân tộc, thì dưới sự đe dọa thường xuyên của máy bay địch, không thể đạt được những thành tích khảo cổ học như vậy được.

Hồi 16 giờ Hội nghị đã bế mạc giữa sự vui vẻ, phấn khởi của tất cả mọi người, sau khi đã thông qua bức thư của giới khảo cổ học miền Bắc gửi những người làm công tác khảo cổ học ở miền Nam.

TH. (T. một số bản)

CUỘC HỘI NGHỊ XÃ HỘI HỌC QUỐC TẾ LẦN THỨ VI

VIỆN SĨ V.S. XÊ-MÊ-NỐP

Cuộc hội nghị xã hội học quốc tế lần thứ VI đã họp tại thành phố E-vi-an nước Pháp từ ngày 4-10 tháng 9 năm 1966. Tham gia hội nghị có hơn 2.500 các nhà xã hội học của 50 nước trên thế giới. Hội nghị được nghe trên 600 bản báo cáo và các bản thông báo.

Thành phần tham gia hội nghị như sau : Pháp — trên 500 đại biểu ; Mỹ — gần 200 ; Liên-xô — 83 đại biểu do Viện sĩ P.N. Phê-đô-xép làm trưởng đoàn và phó trưởng đoàn là Viện sĩ F.V. Công-săng-ti-nốp. Đây là lần thứ tư, các nhà khoa học Liên-xô tham gia hội nghị xã hội học quốc tế (bắt đầu từ cuộc hội nghị lần thứ III năm 1956). Và còn có đại biểu của Tây Đức, Ý v.v... Ngoài Liên-xô ra còn có đại biểu của 8 nước xã hội chủ nghĩa tham gia kỳ hội nghị này. Bun-ga-ri — 32 đại biểu, Hung-ga-ri và Cộng hòa dân chủ—Đức 9 đại biểu ; Cu-ba— 2 đại biểu ; Ba-lan — 37 ; Ru-ma-ni — 5, Tiệp-khắc... Tất cả có trên 250 các nhà xã hội học của các nước xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị đã thảo luận hai đề tài chính.

Đề tài thứ nhất — « Sự thống nhất và sự khác nhau muốn màu muốn vẻ trong xã hội học ». Đề tài này bao gồm những vấn đề như cái chung và cái đặc thù trong xã hội học, vấn đề sự tương quan giữa xã hội học và hệ tư tưởng ; phân tích cái phổ biến và cái đặc thù khi các môn khoa học xã hội khác nhau (xã hội học, kinh tế học, nhân loại học) nghiên cứu con người.

Đề tài thứ hai — « Xã hội học trong các mối quan hệ quốc tế ». Đề tài này do các đại biểu Liên-xô đưa ra và đã trở thành một trong những đề tài chủ yếu của hội nghị.

Các nhà xã hội học của các nước xã hội chủ nghĩa đã đóng góp nhiều ý kiến trong cuộc hội nghị này. Nói chung, những ý kiến phát biểu của các nhà xã hội học mác-xít chiếm một phần rất lớn trong các bản báo cáo của hội nghị. Đặc biệt các nhà xã hội học Liên-xô đã đọc trên 60 bản báo cáo và bản thông báo.

Ba vấn đề chủ yếu đã được đưa ra thảo luận tại hội nghị là :

- 1) Vấn đề phát triển và đấu tranh giữa xã hội học mác-xít và xã hội học tư sản.
- 2) Vấn đề xã hội học trong các mối quan hệ quốc tế, trong chiến tranh và trong hòa bình.
- 3) Vấn đề sinh hoạt xã hội của xã hội.

Hội nghị đã lần lượt thảo luận ba vấn đề trên.

Cuộc hội nghị xã hội học quốc tế lần thứ VI này cũng đã bầu lại các cơ quan lãnh đạo mới của Hội xã hội học quốc tế. Một ủy ban mới của Hội đã được thành lập. Viện sĩ F.V. Công-săng-ti-nốp và V.S. Xê-mê-nốp của Liên-xô đã được bầu vào ủy ban này.

Nhà xã hội học nổi tiếng Ba-lan I-an Sê-pan-ski được bầu làm chủ tịch mới của Hội xã hội học quốc tế 1966 — 1970. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hội xã hội học quốc tế, nhà khoa học của một nước xã hội chủ nghĩa nắm quyền lãnh đạo Hội này (1).

Cuộc hội nghị xã hội học quốc tế lần thứ VII sẽ họp vào năm 1970 tại thành phố Vac-nơ của Bun-ga-ri. Hội nghị chưa quyết định vấn đề gì sẽ được đưa ra thảo luận tại kỳ hội nghị lần thứ VII đó. Nhưng các đại biểu Liên-xô đề nghị sẽ đem ra thảo luận vấn đề dự đoán hóa, kế hoạch hóa và điều khiển các quá trình xã hội.

TRƯƠNG-NHƯ-NGÂN trích dịch
Theo tạp chí Liên-xô *Những vấn đề triết học*, số 8—1967.

(1) Từ trước đến nay, chủ tịch của Hội xã hội học quốc tế là :

- 1950 — 1953 là Lui-xơ Via-tơ (người Mỹ).
- 1953 — 1956 — Rô-béc-tơ P. Ên-đơ-rên (Mỹ).
- 1956 — 1959 — Gióc-giơ Phơ-rit-man (Pháp).
- 1959 — 1962 — T.G. Mác-san (Anh).
- 1962 — 1966 — Rê-ne Ki-ô Ni-gơ (Tây Đức).

★ ★ ★ ★ ★
 ★ ★ ★ ★ ★

SOMMAIRE

TRẦN-HUY-LIỆU — La Révolution d'Octobre en Russie et la révolution vietnamienne.	1
TRẦN-VĂN-GIAU — La Révolution d'Octobre ouvre l'offensive des forces révolutionnaires contre l'impérialisme mondial.	4
LÃ-VĂN-LÔ — La Révolution vietnamienne et la solution de la question nationale dans la voie tracée par Octobre.	12
PHAN-NGỌC-LIÊN — NGUYỄN-XUÂN-KY — La Grande Révolution socialiste d'Octobre et le chemin vers le triomphe de la révolution mondiale.	21
★ ★ ★ — Documents concernant l'influence de la Révolution d'Octobre sur la révolution vietnamienne.	33
TÔ-MINH-TRUNG — La culture du Sud Vietnam sous le joug du néocolonialisme yankee.	45
NGUYỄN-NGỌC-TUẤN — TRẦN-TÂM — A propos des inscriptions d'un poème de Lê Thái-tô trouvées à Lai-châu.	55
K.T. — X.B. — Documents relatifs à Trần-nguyên-Hãn et à la famille de Nguyễn-phúc-Anh.	60

INFORMATIONS

★ ★ ★ ★ ★

ĐANG IN:

★ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT - NAM
Viện Sử học

★ MẤY VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC
Viện Sử học

★ NÓI VÀ VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT
*Nguyễn Kim Thân, Hà Lê
Lê Xuân Thai, Hồng Dân*

★ NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ HỌC
(Tập I: Về vấn đề giữ gìn sự trong sáng
của tiếng Việt)
*Tổ Ngôn ngữ học
thuộc Ủy ban khoa học xã hội V.N.*

★ LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG KINH TẾ
Phần thứ hai — Tập 2
*F. I. Pôlianxki chủ biên
Trần Việt Tư dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
In tại Liên xưởng in Minh-Sang, 101A Nguyễn Khuyến, Hà-nội — Số in 74B